



POLYVIT C_a
THUỐC BỔ MÁU, XƯƠNG, PHỔI
 BÀN ĐÀ QUẢNG THAI VÀ THỜI KỲ CHƯ SẴN ĐU
 TRẺ EM ỒN-YẾU, Ờ-ỚT, CHẤM MỘC RĂNG
 CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY VÀ TIỆM TRƯỞNG ĐƯỢC

K.N. 51/BYT/QCĐP/12-10-61



LIÊN LỰC TRI CÁC CHUNG
BAN-NÔNG, CẨM-HO
Quinolinol
 NGUYỄN-CHI-DƯỢC-DƯỢC
 NGUYỄN-CHI-NHIEU
 DƯỢC-KHOA-KAC-IT
 2 QUẢNG-TRUNG

*Trị các
 Chứng bệnh
 của trẻ em*

**BAN
 NÔNG
 CẨM
 HO**

K.N. 56 37/QCĐP/BYT, ngày 29-7-60

Giấy phép số 292 CDV/TT/NĐ ngày 9-10-1961

Quản nhiệm : **NGUYỄN-VỸ**

In tại **THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN**
231-233, Phạm Ngũ-Lão - Sài Gòn

Trong số này

có phụ trương ngoại - ngữ

trang III

Dans ce No,

**Supplément français-
anglais, page III**



*avec les articles
de :*

- ★ NARADA THERA
- ★ THÍCH-THIỆN-CHÂU
- ★ ĐẶNG-CÔNG-THẮNG
- ★ NGUYỄN-VỸ
- ★ NGUYỄN-VĂN-CỒN

PHỔ-THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHÂN XÂY DỰNG VĂN-HÓA VIỆT NAM
PHỔ-BIỆN VĂN-HÓA ĐÔNG-TÂY KIM-CỔ

Giám-đọc, Chủ-bút: Nguyễn-Vỹ

Tòa-soạn: 233, đường Phạm-Ngũ-Lão, Sài-gon — Đ.T. 25.861

Ty Quản-lý: 531, Đại-lộ Trần-hưng-Đạo — Saigon

NĂM THỨ VI ★ số 103 ★ 15 - 5 - 63

1.— Đề thi quốc-văn T.H.Đ.N.C. 1963 . . . Nguyễn Vỹ	6 — 9
2.— Phật-giáo với Hòa-bình . . . Thích-Thiện-Châu	10 — 14
3.— Một vài nét về di tích Phật ở xứ Chàm Jaya Panrang	15 — 20
4.— Bí mật của cô hàng trà (truyện ngắn) Mỹ-Khanh	21 — 25
5.— Cầu mong, Mây tím dâng sâu (thơ) . . . Tiên-Thùy	26
6.— Con người nguyên-thủy (khoa học khảo cổ) Võ quang Yên	27 — 33
7.— Những bí mật trong thế chiến thứ hai Thiệu Sơn	34 — 38
8.— Ngày hội Pupées tại Nhật bản Nipponjin	39 — 42
9.— Sám hối (thơ) Thế-Nguyên	43
10.— Sống hoặc chết Thích-trí-Chơn	44 — 46
11.— Tuổi chàng trai nước Việt Nguyễn-Vỹ	47 — 52
12.— Đạo binh chó trong chiến tranh kim-cổ Trọng Khanh	53 — 58

13.— Đùng, Đon lè (thơ) Tim — Mai	59
14.— Du-ký nơi Phật nhập Niết-bàn . . . Thích-Thiện-Châu	60 — 65
15.— Vội vàng (thơ) Thanh Nhung	66
16.— Kêu gọi (thơ) Trần tuấn Kiệt	67
17.— Gục đầu bên mộ mẹ (thơ) Minh Đức	68
18.— Những người dân bà liêng danh . . . Tân Phong	69 — 72
19.— Du-học tại Tokyo Nguyễn Bá Thuận	73 — 76
20.— Nếu biết (thơ) Thủy-Nga	77
21.— Đức Giáo hoàng Jean XXIII Thiệu-Sơn	78 — 84
22.— Tiếng nói của gái trai thế hệ Nữ-Nga	85 — 91
23.— Minh ơi! Em muốn học làm Trang-sư . . . Diệu-Huyền	92 — 98
24.— Nghe tiếng chuông... (thơ) Thu-Nhi	99
25.— Cảm niệm dân sanh (thơ) Xuân-Lộc	100
26.— Sách báo mới P. T.	101 — 102
27.— Lợi ngược Nguyễn-Vỹ	103 — 107
28.— Thư bạn đọc P. T.	108 — 110
29.— Supplément Phổ-Thông	111 — 130



- ★ Bài lai cáo không đăng, không trả lại.
- ★ Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỔ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ: « Trích Tạp-chí PHỔ-THÔNG » và đừng viết tắt.
- ★ Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- ★ Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays. Copyright by PHỔ-THÔNG, printed in Việt-Nam.

Tổng-Phát-hành PHỔ-THÔNG ở Âu-Châu và Phi-châu

● Notre représentant général pour l'Europe et l'Afrique

● Our general agent in Europa & Africa

LONG-HIỆP

13, Rue de la Montagne Ste Geneviève — PARIS V

(vente — abonnements — Publicité)

BỘ GIÁO DỤC CỬ ĐUA MÃI ?

« BÀI THƠ »

CON MUỖI

(đề thi Quốc-văn
T.H.Đ.N.C. 1963)

có phải của cụ PHAN-CHU-TRINH

KHÔNG ?

CHÚNG tôi vừa nhận được trong tuần qua rất nhiều thư của quý vị Phụ-huynh học-sinh và Giáo sư hỏi chúng tôi: « Bài Thơ **Con Muỗi**, theo đề thi Trung-học đệ nhất cấp năm nay, có phải của cụ Phan chu Trinh không ? » Nguyên văn bài Thơ, do Bộ Quốc Gia Giáo-Dục chọn làm đề thi như sau đây :

CON MUỖI

Mình thì ngắn ngắn, cẳng thì dài,
Nho-nhỏ nhưng mà chẳng sợ ai.
Ít sức biết đâu mang đặng núi,
To gan có lúc cần cần voi.
Xưa tanh lũ kiến tuồng vô dụng,
Gây mật bầy ong dạng bắt tài.
Minh bạch gấm ra thua nghĩ hết
Ăn người rồi lại nói bên tai.

Phan-chu-Trinh

CÂU HỎI

1. — Tìm đại ý bài thơ và chủ đích của tác giả.
2. — Hãy phân đoạn bài thơ và nêu ý chính của mỗi đoạn.
3. — Giải nghĩa bóng hai câu 5 và 6 trong bài thơ.
4. — Bài thơ này thuộc thể gì, luật gì và vần gì ? Chứng-minh.
5. — Chữ « nghĩ » trong câu 7 chỉ cái gì và thuộc tự loại nào ?



CHÚNG tôi không biết Bộ Giáo-dục trích « bài thơ » trên đây trong sách nào, nhưng chúng tôi rất ngạc-nhiên nếu bảo rằng tác-giả của nó là Cụ Phan-chu-Trinh.

Làm sao tin được rằng bậc anh-hùng chí-sĩ đã làm ra những bài kiệt-tác như *Chí-thành thông Thánh, Đập-đá ở Côn-Lôn, Trong ngục La Santé*, v.v... lại là tác-giả tám câu thơ rất tầm thường, ngớ-ngẩn, và vô-nghĩa trên kia ?

Chúng tôi xin phép phân-tách ra đây một vài câu :

- Câu thứ ba :

Ít sức biết đâu mang đặng núi

Trong Văn-học Á-đông và Tây-Phương, kim và cò, chúng tôi vì sức học còn kém cỏi nên chưa được biết điển-tích nào nói về *con muỗi có thể mang được hòn núi* ? Nếu không căn-cứ trên điển tích, thì câu thơ kia dựa vào một sự-khien thực-tế nào ? Một so-sánh gì, hay một thí-dụ gì ? Nó chứa đựng ý-nghĩa như thế nào ? Dám mong Bộ Giáo-dục giảng-giải cho mấy chục nghìn thí-sinh và những kẻ ít học như chúng tôi được hiểu.

- Câu thứ năm :

Xưa tanh lũ kiến tuồng vô dụng

Xưa tanh là gì ? *Xưa* mùi tanh của lũ kiến ? Lũ kiến gì lại có

mùi tanh? Con muỗi làm sao xua được mùi tanh? Tác giả mắng Lữ-Kiến là *tuồng vô dụng*, hay là chê con muỗi là vô dụng?

● Câu thứ sáu :

Gây mặt bầy ong dạng bắt tài.

Ai gây mặt cho bầy ong? Con Muỗi? Ai bắt tài? *Dạng bắt tài* là gì?

● Hoặc giả, nếu thêm dấu phết, hai câu thơ 5 và 6 có thể đổi nghĩa :

Xua tanh, lữ kiến tuồng vô dụng.

Gây mặt, bầy ong dạng bắt tài.

Nhưng lữ kiến «xua» mùi hôi tanh đi, sao lại là *tuồng vô dụng*? Bầy ong gây mặt, sao gọi là *bắt tài*? Nhất là «*bắt tài*» đối với con Muỗi?

● Câu thứ bảy :

Minh bạch găm ra thua nghĩ hết

Chữ *nghĩ* là tiếng thờ âm của người Nghệ-Tĩnh, có nghĩa là nó. Cùng một loại ấy, có những tiếng «*một chắc*» = một mình; «*bè choa*» = chúng tôi v.v... đều là những thờ âm chỉ thông dụng ở các miền hương thôn Nghệ-an, Hà-tĩnh mà thôi. Cụ Phan chu Trinh là người Quảng Nam, là nơi mà tiếng «*nghĩ*» không một người nào nói, không có bao giờ dùng đến. Người Hà-tĩnh nói: *nghĩ*; Người Quảng-Nam nói: *hấn*. Đọc suốt cả văn thơ của cụ Phan-chu-Trinh, không một lần nào cụ dùng đến chữ «*nghĩ*» cả.

● Câu thứ tám :

Ăn người rồi lại nói bên tai

Câu này cũng chẳng có ý-nghĩa gì, và dùng chữ sai (ăn người =? Nói bên tai =?) Và lại đây là câu kết thờ lộ tâm địa một kẻ tầm thường, chứ đâu phải khẩu khí của một bậc anh hùng, một nhà cách mạng?

Học sinh chỉ có thể trả lời câu hỏi số 1 trong đề thi của Bộ Giáo-dục như sau đây :

Chủ đích của tác-giả là khen tặng và đề-cao tác phong của một con vật bản thủ chuyên môn hút máu người. Người anh hùng không bao giờ tự so sánh mình với con vật ấy. Tác giả bài thơ này nhất định không phải là cụ Phan chu Trinh, mà chỉ có thể là một kẻ tiểu-nhân vô lương-tâm, hoặc một tên quan lại, hay một kẻ thực-dân đế-quốc hút máu mủ của dân, mà tự khoe cái tài-năng bản-thủ của mình.



ĐƯA «bài thơ» này ra mà gán cho cụ Phan-chu-Trinh, thì một là không muốn tìm hiểu ý-nghĩa vừa thấp hèn, vừa tối tăm của nó. Hai là làm như-nhóp cái thanh-danh của bậc Anh-hùng chí-sĩ. Trong Văn-học Việt-Nam còn biết bao nhiêu bài thơ hay, trong Thơ của Cụ Phan-tây-Hồ có biết bao nhiêu bài hùng-hồn và siêu-thoát, sao lại đi lựa chọn một bài ngớ-ngẩn, vô-nghĩa, vô-ý-thức, mà gán cho Cụ Phan, đề ra đề thi cho học-sinh?

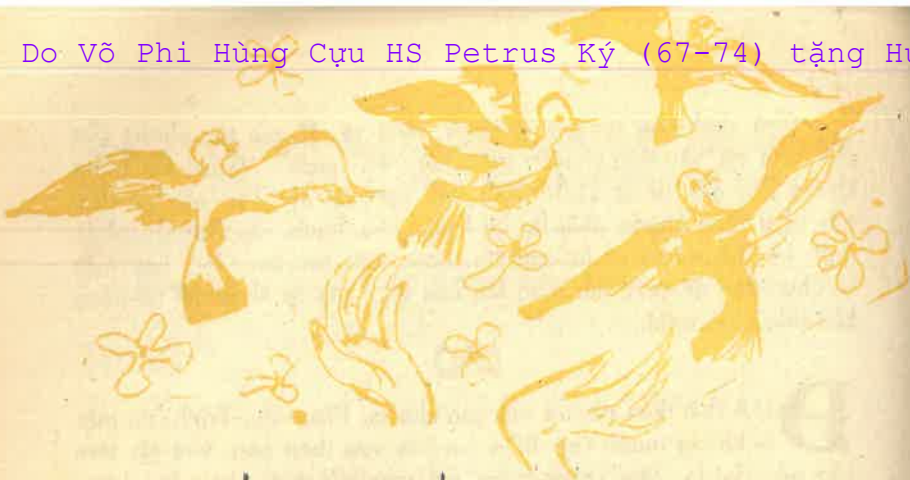
TRƯỚC đây Bộ Giáo-dục cũng đã có lần đưa ra làm đề thi Trung-học đệ-nhất-cấp bài thơ «*Ông Tiến-sĩ Giã*» rất tồi-tệ của một kẻ vô-danh nào đó, mà gán cho nhà thi-hào Nguyễn Khuyến. Lúc ấy chúng tôi đã phải nói đến rồi và đã yêu cầu Bộ Quốc gia Giáo dục nên xem kỹ lại các đề thi.

Hân hạnh thay mặt một số đồng quý vị Phụ huynh học sinh và giáo sư đã kêu gọi chúng tôi đạo-đặt nguyện vọng lên ông Bộ Trưởng, chúng tôi trân trọng cầu xin ông Bộ trưởng lưu ý đến các đề thi cho đúng với chương trình và thích hợp với trình độ hiểu biết của các em.

Việc thi-cử là quan-trọng, Bộ Quốc-Gia Giáo-dục không nên đùa mách với các em như thế.

● TẠP CHÍ PHỔ THÔNG

★ Chúng tôi xin vui lòng đề dành những cột báo của Phổ-Thông tạp-chí đề đăng những lời giải-thích của Bộ Q.G.G.D. về đề thi «*con muỗi*» trên đây.



PHẬT - GIÁO

với

HÒA BÌNH



★ Tu-si
THÍCH-THIỆN-CHÂU
(New Delhi)

Ai cũng thừa nhận rằng Hòa Bình rất cần cho cuộc sống an vui của nhân-loại. Nhưng một số đông đã chán và không muốn bàn đến hai chữ Hòa-bình nữa. Bởi vì thực tế bạo tàn đã bào vớ họ: Hòa bình, thứ thật, khó mà có trong cuộc sống «khôn lẫn đại mạnh hiếp yếu» này. Điều ấy không ai chối cãi. Nhưng chúng ta nên nhớ «khó có» chứ không phải «không thể có». Hơn nữa, liệu chúng ta có thể sống ù-ì mại trong cuộc

sống khổ đau của hận thù và chiến tranh không? Do đó, thái độ đứng đắn của chúng ta trước thảm cảnh cầu xé và giết hại là thành khẩn tìm hiểu và gây tạo Hòa Bình hay ít cũng phải hy vọng.

Nghĩ như vậy nên chúng tôi không ngần ngại trình bày với quý vị một vài quan điểm về Hòa bình qua những lời dạy của đức Phật.

Bàn đến Hòa Bình không thể bỏ qua Phật-giáo. Nói cách khác Phật giáo là Đạo hòa-bình. Hòa bình là vấn đề sống động trong giáo lý đức Phật. Nó cũng chính là trọng tâm của lẽ sống mà Phật tử cố gắng thực hiện hằng ngày.

Đình chỉ tranh chấp và bạo động chỉ là công việc đặt nền móng, cần phải có đủ thiện chí, tình thân hữu và tinh thần tôn trọng sự sống mới xây dựng và duy trì được Hòa Bình. Một mặt phải từ bỏ ác-tâm, nghi kỵ, xa tránh sự chống đối, oán thù; mặt khác phải tích cực gây tạo từ tâm, tình thân hữu, cố gắng giúp đỡ và tôn trọng hạnh phúc của tha nhân — *parahita parasukha kamanā* — Ấy là phương thức

thực hiện hòa bình của Phật-giáo.

«Ai khôn khéo trong khi tìm hạnh phúc và mong hưởng được cuộc sống an bình, hãy sống chánh-trực và thanh cao; nói năng chơn chánh, nhã nhặn và khiêm tốn.

Sống biết đủ, thanh đạm, ít phiền lụy, biết thích ứng với nếp sống giản dị. Kiểm soát các căn, suy nghĩ chín chắn, không tham lam và mê đắm tục trần.

Hãy xa lánh việc làm vô ích mà người trí chê bai. Nguyên cớ cho tất cả chúng sanh hằng được an-toàn và hạnh phúc.

Không kẻ là yếu hay mạnh, cao, lớn, vừa hay thấp, có hình hay không, ở xa hay gần, đã sanh hay sẽ sanh, hãy nguyện cầu cho tất cả đều được an lành.

Đừng đối gạt lẫn nhau, khinh bỉ bất cứ một ai và ở chỗ nào; cũng đừng tổn hại kẻ khác với lòng oán hận và sự ghét bỏ.

Cũng như Mẹ hiền thương con một, liệu mình để bảo vệ cho con, hãy gây tạo một tình thương không biên giới đối với tất cả chúng sanh.

Hãy mở rộng lòng thương bao dung thế giới đủ mọi chiều trên cao, phía dưới, bề ngang, không chút vướng ngại, ghét bỏ và nghịch thù.

Trong khi đi, đứng, ngồi, nằm và bất cứ lúc nào tỉnh thức, hãy luôn luôn cố gắng suy nghĩ như vậy. Ấy là lối sống cao đẹp nhất trong đời này.»

Đức Phật dạy « Hạnh phúc thay cho những ai sống thân hữu ở nơi đây thù oán. Giữa nghịch thù, chúng ta sống không ghét bỏ». (Kinh Pháp cú 197) « Thắng lợi sinh ra thù địch. Thất bại thì khổ đau. Sự an bình vui sống xa rời cả hai sự được thua » (P. C. 201). « Không có lửa nào bằng tham, tội ác nào bằng thù ghét. Không có sự khổ đau nào bằng sự sống chết luân hồi. Không có hạnh phúc nào cao hơn sự an lạc của Niết-bàn. » (P.C. 202).

Thật vậy, Hòa bình an lạc là sản-phẩm của tình thân hữu, lòng thương không biên giới, sự xóa bỏ tất cả những hàng rào ngăn cách gây nên bởi xã hội, tôn giáo, chính trị, kinh tế v.v... Như hạt cây không mọc được trên đất khô, Hòa-bình an lạc không thể có được trong sự chia rẽ,

tị-hiền.

Đức Phật lại dạy cho chúng ta ba phương cách thực hiện hòa bình :

1) Từ bi (Maitri) = tình thương bao la gồm cả thiện chí và tình thân hữu.

2) Nhẫn nhục (Kshanti) = chịu đựng và bao dung.

3) Trung đạo (Madhyama pratipadā) = không cực-đoan, điều hòa trong sự hướng thiện.

Lúc đức Phật còn ở đời, một số thầy Tỳ-Kheo vào rừng tu thuyền định, bị nhân dân và thú dữ phá rối, không thể tu được. Các Thầy trở về bạch Phật. Ngài khuyên các Thầy trở lại chỗ cũ và tung vãi lòng từ bi đến những kẻ muốn khuấy phá. Trong dịp này, Ngài dạy Kinh Từ-Bi, bản thánh ca của thiện chí và tình thương :

Con đường đi đến Hòa-Bình phải là con đường không có chông gai hiềm khích và báo thù mà đầy cả hoa thơm hiểu biết và bao dung. Sông Rohini là biên giới của hai nước Sakya và Koli. Có một lần, vào những ngày hạn, vì muốn dành tất cả nước ở lòng sông cho ruộng của mình, dân chúng hai nước

đã tranh chấp, nhau dữ dội. Họ kéo ra đầy cả hai bờ sông với khí giới quyết sát phật nhau để tranh phần thắng về mình. Giữa cảnh bưng bưng nộ khí ấy, đức Phật từ bi xuất hiện. Ngài cho mời hai vị thủ lãnh đến và dụ-dàng hỏi :

— Nước ở sông từ đất phun lên rồi ở nguyên một chỗ hay từ đâu chảy đến ?

— Bạch Ngài, nước chảy mãi không dừng và bắt nguồn từ những sườn tuyết ở Hy-mã-lap-son.

— Các sườn tuyết ở Hy-mã-lap-son do ai tạo ra hay có một cách tự nhiên ?

— Bạch ngài, tự nhiên.

— Như thế thì nước ở sông là của chung cho cả hai bên chứ đâu phải của riêng gì ai mà các người lại dành về phần mình. Hơn nữa, nếu các người bảo vì sự no ấm cho dân chúng thì lại càng không phải. Vì sự sát phật nhau sẽ mang lại khổ đau cho cả hai bên, cả bên được và bên thua.

Nghe đức Phật dạy xong, hai vị Thủ-lãnh thông cảm và hòa giải với nhau một cách êm thấm. Hòa Bình trở lại với hai quốc-gia.

Con đường tu hành của Phật-giáo không cực-đoan, thái quá mà là con đường trung dung — Trung Đạo. Do đó, phương thức thực hiện Hòa bình cũng là phương thức trung-đạo. Chúng ta phải sáng suốt mềm dẻo và khôn khéo trong việc thực hiện Hòa Bình. Thầy Sonā, vốn là một nhạc-sĩ, sau khi xuất gia, Thầy cố gắng quá mức nhưng vẫn không đắc đạo. Vì thế Thầy dự định từ bỏ đời sống tu hành. Đức Phật biết việc này và đến hỏi :

— Này, Tỳ-Kheo, nếu giầy dòn lơi thì tiếng nhạc có đúng âm điệu không ?

— Bạch Thế-Tôn không.

— Nếu quá chặt ?

— Bạch, cũng không.

— Vậy nếu giầy dòn không lơi không chặt thì tiếng nhạc ra làm sao ?

— Bạch, tiếng nhạc sẽ đúng âm-điệu.

— Cũng như thế, tu sĩ hay cư sĩ, trong lúc tu hành nếu lười biếng cũng như thái-quá đều không thấu hoạch được kết-quả tốt đẹp. Người tu hành phải biết điều hòa theo lẽ Trung Đạo.

Trong việc thực hiện Hòa-bình

cũng vậy, thiếu hiểu biết, nóng nảy, gấp rút mong chóng kết quả đều là tật xấu cần phải được loại trừ; khôn khéo và điều độ là những tính tốt cần phải có đủ.

Tóm lại, theo Phật giáo, muốn xây dựng Hòa bình cho mình cho người, chúng ta cần phải đủ lòng từ bi, sức nhẫn nhục và trí trung đạo. Sự thực hiện phải bắt đầu từ trong bản thân của chúng ta và dần dần đến gia đình và xã-hội. Do đó, nếu vì cộng-nghịep nặng nề của loài người mà hòa bình không thể có được trong xã-hội thì trong gia-đình hay ít



* TINH MẮT

Hai người làm vườn đến xin việc tại một gia-đình giàu có. Một người thì mập mạp béo tốt và một người thì ốm-o.

Ông chủ nhà nhận ngay người béo tốt nhưng bà chủ lại không đồng ý, nằng-nặc chỉ chịu nhận người ốm o thôi. Ông hỏi cố vì sao mà lại lựa cái anh chàng ốm o xo bại ấy thì bà giải nghĩa rằng :

— Đàn bà chúng tôi thì tinh mắt lắm, không ngờ-ngần như các ông đâu. Tôi lựa cái anh ốm là tôi đã nhìn thấy cái quần anh béo mồm sau hai mông đất, còn quần anh ốm thì mồm hai đầu gối. Ông hãy nghĩ ai siêng hơn ?

nhất ngay bản thân của chúng ta cũng hưởng được sự an lạc của hòa-bình.

Và sau đây là những câu kinh nhật tụng tối thiểu của những người yêu chuộng Hòa-Bình :

« Oán thù không thể tiêu diệt được oán thù. Chỉ Từ-bi mới tiêu diệt được oán thù. Đó là luật tắc muôn đời.

(P.C.5)

Nguyện cầu cho tất cả chúng sinh bình an và hạnh phúc.

KINH TỪ-BI

(Viết tại Nacanda vào những ngày se-nở đầu mùa 1963-2506)



Tượng Phật ở Đông-dương
(Thế kỷ III sau Tây-lịch)
← Ảnh của Viện Khảo-cổ

MỘT VÀI NÉT VỀ DI-TÍCH

PHẬT

ở xứ

CHÀM

* Jaya Pamrang

SỬ liệu cho rằng dân-tộc Chăm chính-thức lập quốc tại bán-đảo Đông-dương vào đầu thế-kỷ II sau Tây-lịch và từ đó sử sách mới công nhận có Vương - quốc Chiêm - Thành (Chàm) Tuy vậy, người ta phỏng đoán có thể dân-tộc Chăm đã

có trước thế-kỷ II, vì sử đã nói đến những người Ấn-Độ đã đến mở các thương cuộc buôn bán với người Chăm hồi đầu thế kỷ I sau Tây-lịch tại miền duyên hải xứ Chăm trước kia, tức là

địa hạt Trung-phần Việt-Nam bây giờ, nhất là ở các địa phương thuộc vùng từ Phan-thiết đến Nha-trang. Đồng thời những thương-gia Ấn-Độ bắt đầu gây phong trào truyền bá nền văn-minh và tư tưởng của họ trong dân chúng Chăm ở dọc theo bờ biển mà họ đã đến mua bán.

Thật vậy, dân-tộc Chăm đã tiếp nhận nền văn-minh của Ấn-Độ rất mau chóng, tiếp xúc với người Ấn-Độ không bao lâu mà người Chăm đã phải chịu ảnh-hưởng văn-hóa Ấn rất sâu đậm về nhiều phương diện : văn-học, mỹ-thuật, hành-chánh, pháp-luật, xã-hội, nhất là về phương diện tôn-giáo. Dần dần các tín-ngưỡng cổ truyền địa-phương Chăm chịu lùi bước. những chỗ cho tôn-giáo Ấn-Độ mới truyền sang có một thể đứng mạnh mẽ, nên người ta cho dân-tộc Chăm đã bị Ấn-Độ hóa. lời nói ấy có những bằng chứng rất rõ-rệt và xác đáng. Người ta nhận thấy Ấn-Độ là dân-tộc có nhiều tôn giáo khác nhau thì người Chăm cũng vậy, người ta đã tìm thấy ở xứ Chăm có nhiều dấu vết tôn giáo như Phật-giáo, Ấn-độ-giáo, và Hồi-

giáo, có lẽ đều do các khuynh-hướng tôn-giáo bên Ấn-Độ mang đến.

Ông Paul MUS, hiện là một Giáo-sư nổi tiếng về cổ-học bên Pháp, trước đây ông đã từng giúp việc tại Trường Viễn-Đông Bác. Cổ Pháp ở Hà - nội, không những ông giỏi về chữ và tiếng Chăm mà còn thạo về Phạn-ngữ (Sanskrit) nữa. Ông Mus có đưa ra một bảng thống kê nhỏ liệt-kê các văn bia Chăm gồm có bia chữ Phạn và bia chữ Chăm, trong số 128 cái bia quan trọng tìm thấy trong xứ Chăm, có 21 cái không nói rõ thuộc về khuynh hướng tôn giáo nào, 92 cái nói về Thần Civa (Civa giáo) hay các giáo phái thuộc về Civa, 3 cái nói về Vishnu, 5 cái nói về Brahma và 7 cái nói về Phật-giáo

Căn cứ vào các bia và những ngôi tháp đồ sộ nguy-nga ở Đồng-dương thuộc tỉnh Quảng-nam bây giờ, cùng các di-tích lịch-sử ở một vài nơi khác, người ta xác nhận có một thời người Chăm có theo đạo Phật, và có lẽ ảnh hưởng Phật-giáo truyền sang xứ Chăm trước thế kỷ IV sau Tây-lịch. Tuy vậy, người ta còn lý-luận rằng dù

Phật-giáo ở xứ Chăm có thịnh hành và bành-trướng mạnh mẽ tới mức đi nữa cũng không thể coi như Quốc-giáo của Vương quốc Chiêm-Thành được và Phật-giáo ở xứ Chăm cũng không được thuần-túy.

Các nhà khảo-cứu đã xác định tôn-giáo chính thống của người Chăm là Ấn-Độ giáo, (đạo Bà-la-môn), nghĩa là họ sùng bái duy nhất hay hỗn hợp « Ba Ngôi Thần » hay « Tam-thần », *Trimurti* : *Brahma*, thần « Sáng tạo » *Vishnu*, thần « Bảo-vệ » và *Civa*, thần « Từ-thiện », vị thần cuối cùng còn có tên *Rudra*, thần « Phá hoại », cùng các nữ thần *Cakti* : *Umā* và *Laksmi*, vợ của *Civa* và *Vishnu*.

Tuy dân tộc Chăm sùng kính các vị thần Ấn-Độ một cách trung thành, cũng như ở xứ Cam-bốt, ở xứ Chăm thần Brahma và thần Vishnu ít được sùng bái, người ta thấy họ thờ thần Civa và các vị thần thuộc Civa-giáo nhiều hơn và Civa-giáo được liệt vào tôn giáo Quốc-gia (Religion d'Etat).

Vào thế-kỷ XIV, đạo Hồi (Musulman) cũng được truyền-bá vào nội-địa xứ Chăm và có

độ 1/3 người Chăm cải đạo theo đạo mới của Giáo-chủ Mohamat nói trên. Ngày nay Hồi-giáo, theo tiếng Chăm gọi *Chăm Asalam* hay *Chăm Bani*, vẫn tồn-tại trong một số làng Chăm.

Trở lại vấn-đề tìm hiểu qua về di-tích Phật ở xứ Chăm, chúng ta có khá nhiều tài-liệu đáng tin cậy dẫn chứng về việc này :

Theo nhà bác-học Louis. FINOT : Các điện thờ Phật ở xứ Chăm tương-đối ít hơn các di-tích thờ các vị thần thuộc Ấn-độ-giáo và sự truyền-bá Phật-Pháp ở đây dường như cũng bị hạn chế phần nào.

Tại Quảng-nam, theo nhà khảo-cổ George COEDES, với những cảnh sắc thuộc k'oa khảo-cổ-học, vùng Trà-kiệu, Mỹ-sơn và Đồng - dương là những nơi thánh địa của xứ Chăm. Riêng về vùng Đồng-dương là một trung-tâm Phật-giáo khá quan-trọng.

Ông L. FINOT cho biết thêm : Tại Đồng-dương ở giữa những đền đài đồ sộ thờ các vị thần Ấn-Độ, ít nhất phải có một ngôi điện thờ Phật. Ở trong

một cái điện có 4 cửa. người ta tìm thấy 1 pho tượng Phật lớn và cao 1th50, có lẽ trước kia pho-tượng phải được thờ ở chính giữa ngôi điện; tượng tạc ở thế ngồi xếp bằng, hai tay duỗi ra và đặt trên hai đầu gối. Bên cạnh pho tượng lớn còn có một cái đầu tượng Phật nhỏ, thân mình bị thất lạc ở đầu tìm không có. Trong một khu rừng kế cận còn tìm thấy ba cái pho tượng khác nữa, nhưng ba pho tượng Phật sau này chỉ còn có thân mình mà không có đầu (Bouddhis acéphales).

Cũng tại khu Đồng-dương, người ta còn tìm được một pho tượng Phật đứng bằng đồng, theo G. COEDES, pho tượng này thuộc về mỹ-thuật Amaravâti và đây là một trong những pho tượng đẹp nhất của trường Mỹ-thuật Amaravâti bên xứ Ấn Độ. Hiện nay pho tượng này đang trưng bày tại Viện Bảo-tàng Saigon.

Ở Bình-định người ta cũng có tìm thấy một pho tượng nhỏ bằng đồng và được nhận là pho tượng đức Bồ-tát (Boddhisattva) ngồi trên rắn Naga, 7 cái đầu rắn uốn cao lên làm thành

cái tán che đầu Phật.

Cần đây, trong tháng 2 vừa qua có một nông dân ở Ấp Tân-thạnh, Xã Hoài-hào, Quận Hoài-nhơn, Tỉnh Bình-định, trong khi cuốc đất, có tìm thấy một pho tượng Phật bằng đồng 4] tay, cân nặng 15 kí và cao 0th70. Theo sự quan sát sơ khởi của Ban Hội-đồng xét giá-trị cổ vật được thành lập tại Viện Khảo-cổ Sài-gòn, đã ước đoán: « Pho tượng nói trên là tượng hình Phật Bồ-tát, thuộc về kỹ-thuật đúc tượng của Chiêm-Thành ». Hiện thời pho tượng đã được mang về tạm cất tại Viện Khảo-cổ.

Ở tại động Phong-nha (Quảng-bình) người ta cũng có tìm được một số các hình tượng Phật nhỏ dùng để đeo cổ, các tượng nhỏ này là hình dáng đức Phật Bồ-tát, Boudda Padmapâni hoặc Quán-Thế-Âm, Avalokitecvara. Do kết quả của những sự khảo-cứu trên, người ta cho động Phong-nha là một thánh điện Phật-giáo, nơi đây trước kia các tín đồ Phật-tử lui tới để mua những tượng Phật nhỏ ấy hoặc để đeo cổ hoặc để thờ.

Theo nhà học-giả René de BERVAL, Phật pháp xuất phát

từ trung tâm Magadha ở xứ Ấn-Độ và được truyền bá đi khắp Á đông bằng đường bộ và đường thủy. Theo đường bộ thì bắt đầu từ Tây-Bắc xứ Ấn đến các miền Đông rồi đến miền Trung Á-châu và phát triển mạnh khi du nhập vào lục-địa Trung-Hoa. Theo đường thủy truyền sang đến bán đảo Đông-Dương và các quần đảo Indonésien.

Nhìn vào bản sơ đồ của R. BERVAL, (tờ vẽ phụ bản gần bên trang 685 trong tập « France-Asie — Diffusion du Bouddhisme en Asie », đặc biệt nói về Présence du Bouddhisme » số 153-157, Tome XVI, xuất bản từ tháng 2 đến tháng 6 năm 1959) ta thấy các mũi tên được vẽ phỏng theo Phật-giáo nghị hội của Pataliputra những đường du hành thuyết pháp của đạo Phật, theo đường bộ thì từ Magadha, Népal đi thẳng xứ Cam-Bốt, ghé qua xứ Chàm rồi đi ngược lên hướng Bắc. Còn theo đường biển thì qua các quần đảo Indonésien và cũng có ghé vào xứ Chàm nữa. Tại phần đất của Chàm thấy bản sơ đồ có ghi sự hoạt động nghĩa là sự có mặt của Phật-giáo từ thế kỷ III đến thế kỷ X sau Tây-lich.

Như đã nói ở đoạn trên Phật-giáo ở xứ Chàm không phải là đạo Phật thuần túy và đơn thuần.

Theo tài liệu của Yi-Tsing (Nghĩa-Tĩnh) một nhà Sư Trung-Hoa (634-713) chứng minh rằng ít nhất trong thời ông, đạo Phật được truyền sang xứ chàm và được đa số môn-đệ Chàm thờ giáo là Tiều thừa hoặc cả Tiều-thừa lẫn Đại-thừa tổng hợp.

Sau này các nhà khảo cổ nghiên cứu các cổ bia từ trước cho đến thế kỷ IX và sau đó nữa, đều công nhận Phật-giáo ở xứ Chàm là Đại thừa, nhưng có phần lẫn với đạo Civa. Cho nên việc tín ngưỡng của người Chàm thường bị lẫn lẫn giữa Ba - Ngôi - Thần thuộc Ấn-độ-giáo (Hindouisme) và Phật-giáo (Bouddhisme).

Giáo lý đạo Phật được ghi khắc trên các bia ở Đồng-dương (Quảng-nam), An-thái (Bình-định), Bakul (Ninh-thuận) v.v... đều có nói đến thuyết luân-hồi, lòng từ-bi bác-ái, lòng quảng-đại, sự hy-sinh quyền-lợi cá-nhân để phục-vụ cho quyền-lợi đại chúng... Tất cả những thuyết trên là những đặc tính phỏng theo giáo-lý của Phật một cách rõ-rệt.

MỘT VÀI NÉT VỀ DI TÍCH PHẬT

Tóm lại, căn cứ trên các sử-liệu như bia đá, các tượng đã tìm thấy trong địa hạt xứ Chàm, và dựa vào những tài liệu đã được các nhà bác-cổ nghiên-cứu và phân-tích nói trên thì trước kia Phật-giáo có truyền sang xứ Chàm, được người Chàm sùng-tín, Phật-giáo được bành-trướng non 700 năm, từ thế kỷ III đến thế-kỷ X sau Tây-lịch và đó là đạo Phật của phái Đại-thừa. Thời mà Phật-giáo truyền-bá trong xứ Chàm đã gặp phải sức mạnh của tôn-giáo Ấn-độ, Civa-giáo, đang được Vương-quốc Chàm công-nhận là Quốc-giáo thành-thủ Phật-giáo không thể tìm một thế đứng mạnh-mẽ và lâu bền như ở các nước Cam-bốt, Thái-Lan, Diển-điện, Tích-lan v.v... cho đến ngày nay.



* ÍT NÓI

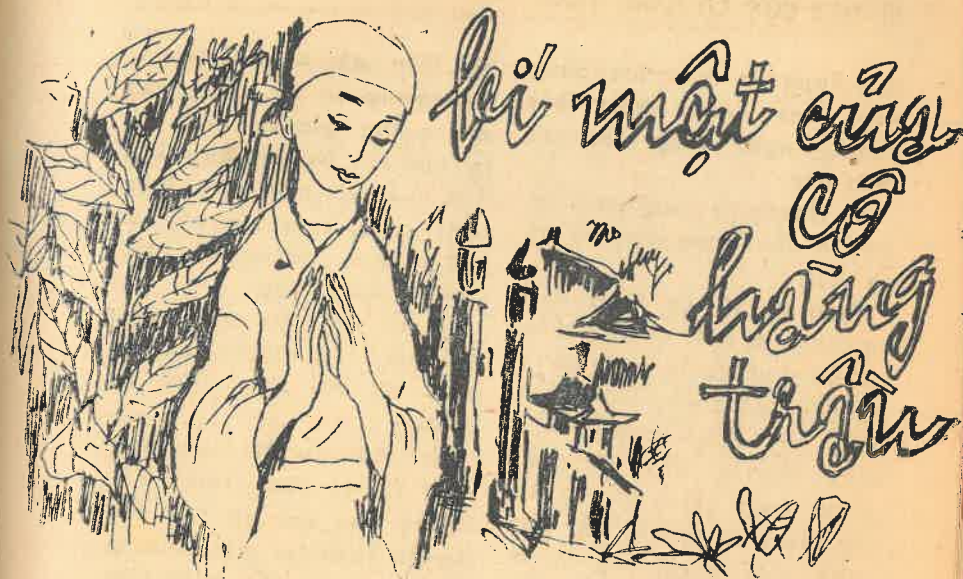
Một ông Giám-đốc hăng tư nói với cô thư ký trẻ đẹp mới tuyên vào :

— Cô nên biết rằng tánh tôi ít nói lắm. Bao giờ cô thấy tôi vẫy tay một cái nghĩa là : cô đến đây tôi bảo.

Cô thư-kv cung kính thưa lại :

— Thưa Ông Giám-Đốc, dạ tánh tôi cũng ít ưa nói lắm. Bao giờ ông Giám-Đốc vẫy tay mà thấy tôi lắc đầu nghĩa là « tôi không đến đâu » ạ.

Thời trước Vương-quốc Chàm đang thịnh-vượng thế mà tôn-giáo Chàm, nhất là Phật-giáo, còn chưa được thuần-túy. Huống chi ngày nay dân-tộc Chàm đã lâm vào cảnh nước mất nhà tan, văn-hóa, tôn-giáo, phong-tục một ngày một suy-đồi đi rất nhiều, người Chàm chỉ còn giữ lại được một số tín-ngưỡng hỗn-hợp, cho nên rất khó cho người ta phân-tích và nhận xét các sự tín-ngưỡng ấy của họ thuộc về xu-hướng tôn-giáo nào một cách xác đáng và vững-chắc được. Nhưng dù sao, chúng tôi tin rằng trong số tín-ngưỡng hỗn-hợp của người Chàm hiện bây giờ thế nào cũng còn sót một vài ảnh-hưởng của Phật-giáo.



TRUYỀN-NGẮN

* MỸ-KHANH

SAU cuộc đi dạo mát thường lệ vào lúc hoàng hôn nhạt bóng ở bãi sông Gianh về, Thái-tử Hoàng-Hiệp cho triệu Đại-tướng Nguyễn hữu Dật vào tư dinh và hỏi :

— Này, tướng quân có đề ý đến một cái gì lạ bên kia sông không ?

Ngạc nhiên vì câu hỏi bất ngờ, vị Đại tướng suy nghĩ một lát rồi trả lời :

— Tàu Điện hạ, quân Trịnh

đã rút đi khỏi vùng này. Bây giờ, tiết trời đương hạ, khắp nơi tôi chỉ nghe tiếng ve inh ỏi. Giòng sông đã cuốn theo tất cả những gì còn sót lại của kẻ thù bại trận. Trời hôm nay quang đãng. Ban sáng, tôi thấy một nông dân lừa bò cày ruộng ở bên kia bờ sông Gianh.

— Tướng quân không còn thấy gì khác hơn ư ?

— Tàu Điện hạ, bên kia sông còn có một ngôi chùa

mới dựng lên được hai tháng nay, mà sớm chiều hồi chuông ngân vang đến cõi Niết-Bàn.

Vị Hoàng-tử mỉm cười và truyền cho Đại-tướng lui về tư thất.

Thái tử Hoàng Hiệp mới 20 tuổi, cái tuổi đương xuân hơn hớ, khi chàng giữ chức Nguyên Soái thông lãnh quân binh của Phụ - Hoàng, đức Hiền - Vương nhà Nguyễn, chông quân Trịnh đời p-en xâm lấn kinh thành. Bây giờ nước Việt bị cắt làm đôi ở vĩ tuyến 18, toàn dân rất đau khổ cho sự chia cắt ấy cũng như cho họa chiến tranh tương tàn do cuộc phân tranh giữa hai giòng Trịnh, Nguyễn phong kiến gây nên.

Thái Tử Hoàng-Hiệp có gương mặt cao quý và một tâm lòng quảng đại. Say mê giáo lý nhà Phật, chàng là một người có đầy đủ đạo đức và sống cuộc đời hoàn toàn thanh khiết. Đại tướng Nguyễn hữu Dật cũng như toàn thể ba quân đối với chàng đều một lòng sùng kính sâu xa.

Ngày hôm sau của cuộc

hội kiến ngán ngùi đã làm vị Đại-tướng lo sợ, cũng gấn vào quăng giờ ấy, Thái Tử lại cho vời Nguyễn hữu Dật đến. Vẫn vẻ mặt luôn luôn tươi cười, song lần này có hơi e thẹn, chàng để nghị cùng vị đại tướng :

— Ta sắp sửa một cuộc dạo mát bằng thuyền. Tướng quân có vui lòng theo ta không ?

Nguyễn hữu Dật cung kính vâng lời và theo Hoàng-Tử. Hoàng hôn rực rỡ và con thuyền lướt êm giữa ánh tà dương đương đắm mình trên sông nước. Hoàng-Tử truyền cho thuyền ghé sát bờ bên kia.

Một nàng sư nữ rất trẻ đương múc nước sông vào chiếc bình, ngược mắt nhìn Hoàng Tử Nàng đẹp quá, một vẻ đẹp vô cùng say đắm. Nhưng nàng quay gót ngay vào trong chùa. Hoàng tử quay sang ông bạn đồng hành :

— Tướng quân đoán hộ ta nàng con gái đẹp đẽ, yêu kiều nhường kia là một kẻ trần tục hay một nàng tiên nữ ?

Vị Đại-tướng không sao không để ý đến vẻ e thẹn ngây thơ trên đôi má Hoàng-tử, bèn cười đáp :

— Tàu Điện hạ, chắc là một nàng tiên lạc lối xuống trần gian !

Hoàng-tử mơ mộng một lúc, rồi tái thắm :

— Này, tướng quân, đó chính là điều ta muốn tướng quân lưu ý đến hôm qua. Đúng là từ năm bữa nay, mỗi khi ta quen lệ dạo chơi ngoài bãi cát, ta bắt gặp nàng ni-cô này chiều nào cũng đến chỗ cũ múc nước vào bình. Mỗi lần nàng ngược mắt nhìn ta, ồ đôi mắt... Tướng quân ơi, ta muốn...

Nhưng Hoàng tử lặng yên. Trăng bắt đầu lộ dạng ở chân trời. Những khóm hoa Dạ hương bắt đầu nở, khí trời êm ả, đượm hương mơ và gió nhẹ. Hoàng tử truyền lệnh quay thuyền về. Đêm nay, chàng không còn tha thiết đến một cái gì trong Trời Đất.

★

Khi chỉ còn có hai người trong tư dinh, Hoàng tử tâm sự cùng Đại tướng, chẳng chút ngại ngùng :

— Ta muốn... cưới nàng ni cô xinh đẹp ấy làm vợ.

Vị Đại-tướng đứng yên sững sờ. Giây lâu ông mới phản

đôi, bằng một giọng cứng rắn :

— Tàu Điện hạ, việc ấy không thể được.

— Tại sao thế. Tướng quân ?

— Điện hạ đã từng đọc những kinh Phật, Phật dạy chúng ta rằng kẻ nào đã nương bóng từ bi, đừng nên bao giờ nghĩ đến trần tục. Vậy phỏng ni cô ấy có nhận lời cầu hôn của Điện hạ không ?

— Ta là con vua !

— Xin Điện hạ tha lỗi cho, ngày xưa đức Thích Ca Mâu Ni há chẳng là một vị Hoàng tử đây ư ?

— Tướng quân sao cứ ngăn trở ước vọng của ta. Nàng sư nữ tuyệt trần đã khiến ta bàng hoàng ngây ngất. Ta van người nghĩ tình bằng hữu, và nhất là đừng cho Phụ-vương biết việc này, ngày mai người đi tìm nàng cho ta.

Nguyễn hữu Dật cảm động cho môi tình tha-thiết, ngây thơ của vị Hoàng-tử trẻ tuổi, bèn đáp :

— Tàu Điện hạ, lệnh ngài sẽ được thi hành.

★

Thật vậy, Công chúa là một người đàn bà hiền đức. Nàng thường bỏ thi tiên bạc

và phẩm vật, trong bất cứ lúc nào, cho bất cứ người nào, cả đến những tên lính quen cũng được hưởng. Đòi với ai, nàng cũng tốt, và trung thành, tận tụy cả. Nàng là hiện thân của thần thánh trong quân sĩ và toàn thể dân chúng. Một cô hàng trầu nhà ở bên kia sông, đem lòng ngưỡng mộ Công chúa một cách đặc biệt. Mỗi buổi trưa, cô ta vào viếng công chúa để dâng trầu và cô ta được phép ra vào tự do nơi tư thất.

Cô hàng trầu thật khả ái. Cô bán trầu cau chịu cho quân lính nhà vua, cô chẳng đòi tiền bao giờ. Cô lại vui lòng giúp đỡ công việc cho bất cứ những ai ngờ ý nhờ cô, từ anh binh nhì cho đến các hàng tướng tá. Việc buôn bán của cô ta thật nhàn hạ và cô ta ở chẳng mệt lòng ai. Chỉ có một lần thôi, cô ta sắp cãi cọ dữ dội với một gã con trai đã dám cả gan bông đùa sỗ sàng với cô. Rồi gã phải xin lỗi cô ta. Sau, gã nhận thấy nhiều mỗi ngày ở vai trò bí mật của cô hàng trầu được ra vào

chôn trung quân của Hoàng-tử. Ngẫu nhiên, gã nhận được một mảnh giấy khả nghi trong yếm người thiếu phụ, gã bèn đánh cắp luôn. Đêm đến, gã mang tài liệu quang trọng vào cho Đại-tướng.

Cuộc hội kiến rất bí mật ngay trong đêm ấy giữa Đại-tướng Nguyễn hữu Dật và Thái-tử Hoàng-Hiệp, chỉ vấn tắt vài câu :

— Tâu Điện hạ, vị Đại-tướng nói — Cứ theo tài liệu này, rõ ràng là địch quân đã dùng âm mưu xảo quyết. Rất đáng tiếc là bấy lâu nay, Công chúa chỉ giữ vai trò một tên do thám.

— Ai có ngờ? Việc này rất trầm trọng, nếu Phụ-Hoàng ta biết thì làm sao! Tướng quân ơi, ta thật đắc tội với non nước Việt. Ta còn có thể chuộc đại tội không, nói giùm ta!

— Cái đó tùy ở Điện hạ.

— Được rồi, đòi gấp Công chúa đến cho ta!

Khi Công-chúa bước ra, hơi run run và đẹp hơn bao giờ hết, Hoàng tử nhảy bổ vào nàng và khóc nức nở.

Ôm nàng trong tay, chàng vượt ve, bảo :

— Công-chúa! Công chúa xinh đẹp của ta ơi! Sau khi nàng từ giã cõi đời, nàng còn nhớ chăng đến kẻ không bao giờ ngớt yêu nàng?

Rồi, quay sang tướng Nguyễn hữu Dật, Hoàng-tử hét to lên :

— Nay Đại-tướng, người đàn bà này đã mưu phản quân đội. Nó là kẻ thù của Tổ-quốc. Ta truyền cho người đem nó ra bờ sông và xử trảm ngay!

Công-chúa không nói một lời, cúi lạy chống ba lạy, và kiêu hãnh đi theo vị Đại-tướng.



Trước sự hiện diện của vị Hoàng-tử, toàn thể tướng sĩ đều lo ngại vô cùng. Đại-tướng Nguyễn hữu Dật đã cho lệnh chính tả đội ngũ từ lúc gà gáy đầu. Vắng thái-dương lộ dạng ở chân trời, một màu đỏ máu, nhưng nét mặt của Hoàng tử tái nhợt. Ngồi trên lưng ngựa ô, tay run rẩy nắm giây cương, chàng duyệt qua các hàng đội.

Tên do thám theo lệnh của Hoàng-tử sang thám thính bên kia sông lúc nửa đêm, hồi đã trở về báo tin quân Trịnh tiến đến, còn cách hai dặm

nửa. Từng hồi trông thúc dục vang lên trong các hàng quân sĩ. Rồi đến những tiếng công inh òi làm chuyển động toàn thể quân binh. Thái tử Hoàng Hiệp đi đầu với bộ Tham-muru.

Chiếc cầu tre gãy ngang. Thái tử bây giờ không còn sức ngồi vững trên yên ngựa. Mọi người van chàng hãy tạm ngồi nghỉ dưới gốc cây. Nhưng, vại lát sau, khi quân của chàng đã chạm với địch quân, và bôn bề vang lên nào động tiếng trống, tiếng công, tiếng tù và, cùng tiếng người la dậy đất, vị Hoàng tử nhảy lên mình ngựa, xông đến trước ba quân. Sau một cuộc chiến đấu dữ dội kéo dài suốt buổi chiều, quân Trịnh chạy trốn tán loạn và chiến thắng rực rỡ về phía quân đội Miền Nam.

Thái tử Hoàng-Hiệp, một mình, trở lại bờ sông Gianh, nơi Công chúa bị hành quyết. Từng đàn ruồi kinh tởm và lũ kiến tranh nhau cái thây ma rùa nát của người mà mới hôm qua đây đã chiêm trợn trái tim chàng. Trên bụi tre, một con quạ no-nê kêu quạ! quạ!

(Dịch bài « Le Secret de la Marchande de Bétel » của Nguyễn-Vỹ, trong phụ trương Pháp ngữ P.I số 96)

câu mong

Kính dâng Đức Thế-Tôn

★ HOÀNG THỊ THỦY-TIÊN

Đốt nén trầm hương con nguyện cầu!
Mai này thế giới đượm màu nâu...
Đã hờn đưng có trong nhân thế,
Và khổ vơi đi giữa bề sâu.

Con muốn mai này trên thế gian,
Bốn phương trời rực ánh hào quang.
Cùng nhau xây dựng nguồn vui mới
Đề kết tình thương dưới đạo tràng!

Khấn nguyện Như Lai con thiết tha,
Vớ đôi giòng lệ thấm chan hòa.
Cầu mong ngày ấy mau về đề...
Nhân loại trần gian đẹp ý ca!

mây tím đang sâu

★ CẨM-THỦY
(Bến-Ngự Huế)

Mây tím sẫm một màu buồn tê-tái,
Tím loang dẫn qua vụn nẻo nhớ mong.
Thương Chinh-nhân mãi say gót phong trần
Đời tao loạn cánh chim bằng rũ cánh l...
Chiều lắng xuống buông một màu tím sẫm.
Không gian sâu ngơ-ngác giữa trời mây.
Tôi bước đi cuồng loạn, tằm thân gầy;
Nghe cay đắng đang đầy rá khốe mắt.
May trời tím? Hay lòng lên hương tím?
Tím u buồn liệm chết cả thời gian.
Mảnh hồn đơn khắc khoải suốt canh tàn.
Mây trời tím đề tang người đã khuất l...



CON NGƯỜI NGUYÊN - THỦY

★ Võ-quang-Yến
(Paris)

N NGÀY 12-7-1961. một bức điện tín kỳ dị đã gây bao nỗi hoang mang cho sở Mật thám Hoa-kỳ: « Adam thật đúng là con người vờ-hạt (1). Tuổi: 1.750.000 năm. Có lời khen. Ký tên: EVERDEN và CURTIS» J. F. EVERDEN và G. M. CURTIS là hai nhà bác học Mỹ chuyên về môn nguyên-tử học ở viện đại học California. Bức điện tín gửi cho giáo sư Louis LEAKEY ở viện bảo tàng vạn-

vật học tại Luân-đôn. Giáo-sư liền trả lời: « Cám ơn, tôi đã biết ». Người không ở trong cuộc tin ngay là một câu chuyện trinh thám, còn các sở mật thám có thể giả định nhiều đề tài thuộc bí mật quân sự hay chính-trị. Thật ra, đây chỉ là một dẫn

(1) Vờ hạt dịch tiếng Pháp casse-noisettes, một dụng cụ giống hai hàm răng, gồm có nhiều răng cưa, cho nghiền vớ nhau để bóp vỡ các hạt để hoặc các hạt có vỏ cứng tương-tự.

- « Con người vờ hạt » không phải là khí.
- Với HAI TRIỆU NĂM, « Con người vờ hạt » có đủ thời giờ để tiến triển và dần dần trở thành con người hiện nay.

chứng khoa-học, kết thúc một cuộc tìm kiếm vô cùng hứng thú bắt đầu ngọt một thế kỷ nay. Theo tạp chí Planète thì sau bức điện tín này, tất cả những sách vở về tiền sử đều phải sửa lại, những giả thuyết về nguyên thủy con người đều phải đổi mới. Phát minh này quan trọng không khác gì cuộc bắn các nhà phi hành ra khỏi quả đất. Lần đầu tiên, con người của thời đại mới, con người của các cuộc du hành trong không gian, gặp mặt tổ tiên, gặp mặt con người trước tiên biết đi thẳng và nhìn lên trời. Xin thuật lại đây cuộc khảo cứu lâu dài hứng thú ấy.

● Tình cờ mà tìm được răng rồng

Từ trước đến nay người ta đã tìm ra được những mẫu xương voi, ngựa sống cách đây 50, 40 triệu năm. Nhưng xương người thì không bao giờ có những mẫu xưa như vậy. Suy ra con người là một sáng tác

tương đối rất gần đây, hiện ra trên mặt đất sớm nhất cũng sau voi và ngựa. Như vậy ta rất có nhiều hy-vọng tìm ra được những vết-tích của những con người đầu tiên. Từ một thế kỷ nay biết bao nhà khoa-học đã bỏ công tốn của về công việc này. Họ đã tìm ra được nhiều loại khí, bà con xa với những con người lúc trước sống cách đây hơn 10 triệu năm. Cách đây năm năm, giáo sư HÜRZELER, thuộc viện đại học Zurich (Thụy-sĩ) đã tìm ra được trong một mỏ than bên Ý bộ xương khí xưa nhất, sống cách đây 11 triệu năm. Nhưng xương người đồng thời với loại khí ấy thì chẳng tìm đâu ra. Những bộ xương hoặc của người thật sự hoặc tương tự thì xưa nhất cũng chỉ là 100 ngàn năm. Thủy tổ loài người, mặc dầu tiến triển khoa học và công lao khó nhọc của các nhà khảo cứu, vẫn ẩn mình lấp bóng. Thành thử giữa con người và các sinh vật khác một nỗi bí mật lan tràn như một hố sâu thăm thẳm,

CON NGƯỜI NGUYÊN THỦY

tưởng chừng như không sao vượt qua nổi. Dùng một cái, năm 1935, một sự tình cờ đã giúp đóng nhịp cầu đầu tiên. Hầu mong thúc đẩy các nhà bác học mau vượt qua được hố sâu thăm thẳm kia.

Đây là câu chuyện của giáo-sư G.H.R. KOENIGSWALD, người quê nước Đức, một nhà thông thái về khoa tiền sử. Từ năm 1948, ông dạy môn nhân loại học ở viện đại học Utrecht bên Hòa-Lan. Suốt đời, ông đã không quản đường xá xa xôi, lặn lội khắp thế giới để tìm con người nguyên thủy. Năm 1935, ở Hồng-kông, ông đang đi dạo trong chợ Tây (Western Market) thì một chú Tàu mời vào hàng : « Nếu quan lớn khách lạ không nề hà quán bán nhỏ hẹp, tôi xin đề nghị vài loại răng rồng chính cống, đem nghiên nhỏ trộn lẫn với đồ ăn sẽ đem lại sức khỏe và hùng tráng». Vào tiệm tạp hóa, giáo sư KOENIGSWALD thức biệt được các loại «răng rồng» ngay. Thật ra chỉ là những răng nanh thú vật đủ thứ: gấu, khí,... Nhưng lần lộn trong đám răng tầm thường kia, ông để ý đến một cái không thuộc về một loại thú

vật nào hiện biết hết. Ông liền mua cả lô về và khảo-sát ngay chiếc răng lạ thường kia. Ông chứng minh được chiếc răng ấy là một cái răng cắm của một sinh vật lớn, giữa người và khí, nhưng lớn hơn khí. Ngay sau đấy, nhiều nhà bác-học đua nhau tìm kiếm những vết tích khác bên Trung-hoa, người đào đất, kẻ lục kiếm trong các tiệm thuốc. Đặc biệt, giáo sĩ Pierre TEILHARD DE CHARDIN khám phá ra được một loại xương thuộc về một loại sinh vật gần giống con người, sống cách đây 1 triệu năm và một loạt xương khác sống cách đây vài ngàn năm.

● Con người vờ-hạt được chôn trong lớp đá núi lửa

Sau 1946, chính phủ Trung-hoa hồ hào các nhà khảo cứu tìm kiếm vết tích của thủy tổ loài người trên đất Tàu. Kết quả thật mỹ mãn. Ngày 17-2-1957, bác sĩ PEN-WEN-CHUNG trong một cuộc họp báo, đã trình ra một hàm răng dưới, tìm ra được trong một cái động ở Quảng-Tây. Sinh vật mang hàm răng



Hai triệu năm từ « con người vờ hạt » mới có đủ thì giờ
tiền triền để trở thành con người hiện nay.

ấy cao ít nhất là ba thước, nửa người, nửa khỉ. Nhiều nhà bác học cho những sinh vật này có thể sống cách đây 4, 5 ngàn năm gây ra những chuyện hoang đường với những con người cực kỳ to lớn. Nhiều

nhà bác học khác lại tin những sinh vật ấy còn đang sống trong dãy Hi-mã-lạp-sơn mà người Tây-tạng gọi là « con người tuyết ghê tởm ». Dù sao, ta cũng có thể ví sinh vật cao lớn kia như thân một cây gia hệ mà các cành

là khỉ và con người. Từ năm 1957 chỉ còn có việc tìm liên-lạc giữa chúng ta và sinh vật cao lớn kia, nghĩa là tìm vết tích của con người đầu tiên.

Trong số các nhà bác học đem tất cả tâm trí và nghị lực vào công cuộc tìm kiếm kia có giáo-sư Louis LEAKEY, có tiếng trong các bạn đồng nghiệp là một người cương quyết và táo bạo. Giáo sư thường không chịu nhận những quan niệm của các nhà khảo cứu khác. Cùng với vợ là bà Mary LEAKEY, ông tìm tòi từ năm 1914 và đến năm 1959 mới bắt được manh mối dẫn đường lại con người nguyên thủy. Từ một phần tư thế kỷ nay, hai ông bà định ninh là con người phát sinh ở Nam-Phi. Năm 1959, cả hai tập trung cuộc tìm kiếm trong đồng cỏ hoang Serengeti ở Tanganyika. Họ tìm ra được một khe núi sâu 100 thước, đặt tên là khe núi Oldoway, nay tiếng tăm khắp nơi. Trong khe núi ấy, đá là từ một ngọn núi lửa phun ra. Đào bới đá ấy, hai ông bà đã lấy ra được nạo xương, nạo sọ, nạo dụng cụ đủ thứ. Cái sọ tìm ra được năm 1959 là sọ một sinh vật giống người hơn khỉ. Lạ là sọ ấy rất nhỏ (600 phân

vuông) so với sọ người (trung bình 1500 phân vuông). Nhưng sinh vật ấy đi thẳng và có một khuôn mặt hình mõm loài vật với hai hàm răng rất mạnh. Các răng cắn to gấp đôi răng cắn chúng ta, trái lại các răng nanh và răng cửa thì lại rất nhỏ. Vì vậy giáo-sư LEAKEY đặt tên là « con người vờ hạt ». Danh từ khoa học là Zinjanthropus. « Con người vờ hạt » không phải là khỉ vì nó biết làm ra dụng cụ để dùng. Ông bà LEAKEY đã tìm ra được một số khá lớn, đủ loại. Có cái chỉ là những viên đá cuội mài hai bên cho sắc, có cái phức tạp hơn như rìu với lưỡi thẳng. Ngày 2-12-1960, giáo-sư tìm ra được một cái sọ toàn vẹn. Ông tin ngay là sọ này xưa lắm, xưa hơn tất cả những sọ người đã tìm được bấy lâu nay. Nhưng làm sao biết được sọ ấy xưa bao lâu? May cho giáo-sư, một môn khoa-học từ trận chiến-tranh trước đã mau này-nở để lại giúp sức cho các nhà khảo cứu: môn vật-lý nguyên-tử.

• Vũ-trụ hay urani
phóng-xạ đã tạo
nên con người?

Như đã thấy, cái sọ của « con

người vô-hạt » được chôn sâu trong lớp đá từ một ngọn núi lửa phun ra. Cùng với sự còn có những dụng cụ đủ thứ. Người ta phỏng đoán là « con người vô-hạt » đã là một tên tù trưởng cai quản một bộ lạc vì khi chết đã được chôn trong đá với những dụng-cụ để khỏi phải thành tay không ở thế giới bên kia. Trong lớp đá núi lửa có chứa chất kali (2). Chất kali là một kim-loại gồm có nhiều đồng-vị, nghĩa là những chất hoàn-toàn giống nhau chỉ có số nơ-trông trong nhân là khác nhau. Trong số các đồng vị của chất kali có một chất phóng xạ, tự phân tán để làm thành một kim loại khác, chất calci, và khí argi. Những chất này bị chôn trong lớp đá núi lửa: Dùng những phương-pháp hết sức tinh-vi, người ta có thể đo được các chất này và do đấy suy ra tuổi tác của lớp đá núi lửa. Giáo-sư LEAKEY đã cạy hai nhà bác-học nguyên-tử EVERDEN và CURTIS đo giùm. Giáo-sư đã gửi cho họ 10 mẫu đá lấy từ lớp đá núi lửa phủ lấp sự « con người vô-hạt ». Các kết quả đều phù-hợp với nhau. Tuổi của lớp đá núi lửa và là của sự người

xấp-xỉ 2 triệu năm. Trĩ số trung-bình là 1.750 000 năm.

Nhận được xác-định này, lập tức giáo-sư LEAKEY cho đăng tin lên tờ báo khoa-học Nature. Ông tuyên bố với các nhà báo : « Tôi biết đã từ một năm nay nhưng không dám nói ra mà không có dẫn chứng rõ-ràng các bạn đồng-nghiệp của tôi có thể thật tôi ! ».

Như bất cứ ở một khám phá mới lạ nào, phản ứng bao giờ cũng dữ-dội. Nhiều nhà tiền-sử học chống lại một phát-minh buộc mình phải sửa lại tất cả sách vở. Nhưng trái lại cũng có nhiều nhà bác-học hết sức đồng-ý. Chẳng hạn bác-sĩ T. D. STEWART, một nhà khảo cổ có tiếng ở viện Smithson ở Washington tin rằng với 2 triệu năm, « con người vô-hạt » có đủ thời giờ để tiến-triển và dần dần trở thành con người hiện nay. Theo

(2) Một đề nghị: dùng vần i vào sau tất cả các danh từ chỉ nguyên tố; như vậy kali chỉ nguyên tố K (La-tinh: Kalium, Pháp: Potassium), calci chỉ nguyên tố CA (La-tinh, Pháp: Calcium) — giống sách Hoàng-xuân-Hân — và: argi chỉ nguyên tố A (La-tinh, Pháp: Argon).

ông, tiến hóa của con người rất chậm và những sự xương tìm ra được từ trước không đủ xưa để có thể là con người nguyên-thủy.

Ngang đây, tính tò mò đẩy ta đến một câu hỏi: « Con người vô-hạt » sống làm sao? Hiện nay cuộc khảo-cứu đang tiến hành nhưng người ta đã bắt đầu biết được vài chi-tiết. « Con người vô-hạt » và những con người đồng thời không sống du-mục mà là ở yên một chỗ, có lẽ trong các hang hốc. Chúng biết nói những danh từ rất ít ỏi và giản-dị, có lẽ không quá một trăm tiếng, và nếu chúng ta nghe được thì là những tiếng ò-ò ạt-ạt hơn là những câu nói rõ-ràng. Bộ-lạc có thể gồm có vài trăm người. Chúng không sống lâu, nhiều nhất là đến 40 tuổi. Chúng không biết dùng lửa nhưng đã biết làm dụng-cụ. Có lẽ chúng

đã biết săn-bắn và hái rau quả trong rừng. Dần dần chúng tràn lan qua châu Âu và châu Á trước, sau mới qua đến châu Mỹ và châu Úc cùng quần đảo Pôli.

Bộ lạc này cần phải do một cặp vợ chồng mà ra. Cặp này từ đâu mà lại? Các nhà bác học tin là cặp này đã từ những sinh vật nửa người nửa khỉ, loại sinh vật cao lớn bên Tàu chẳng hạn, do một cuộc ngẫu biến đột nhiên mà ra. Ngẫu biến này có thể do những tia phóng xạ từ vũ trụ bắn vào hay từ các chất phóng xạ trong quả đất gây nên. Con người là do vũ-trụ hay do chất urani phóng xạ tạo ra? Đây là một câu hỏi mà hiện nay khoa-học chưa trả lời được nhưng chúng ta có thể tin tưởng ở khoa-học để đem lại lời giải một ngày gần đây.

★ CẦN TẬP LẠI

Cựu Tổng-Thống Hoa-Kỳ Eisenhower đã nói chuyện cùng các bạn thân rằng :

— Từ ngày tôi rời khỏi Bạch-cung đến nay, tôi đã phải tập lại hai việc cần thiết hàng ngày là : ghép một số điện-thoại để nói chuyện với người khác và tập cầm lái ô-tô.

Hai việc này đã làm cho tôi trẻ ra được 20 năm... nhưng cũng phải nhọc lắm mới tập lại được.



Những bí mật
trong

THẾ - CHIẾN THỨ HAI

★ Thiên-Sơn

(Tiếp theo P.T. 102)

Lần thứ hai Pháp cũng nhận thua

LỖI chờ bịp của Hitler thành-công làm cho ông ta hứng chí và tin rằng ông ta có thể đi tới nữa. Phần nước Pháp sau cuộc nhận thua lần đầu thì uy-tín cũng bắt đầu tan vỡ. Chính một chánh-khách Pháp là ông Flaudin đã tuyên bố :

« Tất cả những đảm-bảo của chúng ta đều biến thành ảo-ảnh. Nếu chúng ta không đủ sức bảo vệ vùng Rhénanie, không đủ sức bảo-vệ những quyền-lợi và nền an-ninh của ta thì làm sao ta

NHỮNG BÍ MẬT TRONG THẾ CHIẾN THỨ HAI

có thể can-thiệp hữu-hiệu để cứu những đồng-minh đang bị uy-hiếp như Ba-Lan, đường hẻm Dantzig, nước Áo và nước Tiệp ?

Thật vậy, Rhénanie ở phía Tây nước Đức dùng để che-chở cho một vùng biên giới phía Đông của Pháp mà Pháp không bảo-vệ được thì những vùng ở phía Đông nước Đức. Pháp làm sao có thể can-thiệp hữu-hiệu được ?

Trước hết là nước Áo (Autriche). Hai dân-tộc Đức, Áo có những điểm thông-nhứt về giống nòi và văn-hóa.

Sau thế-chiến thứ nhất, dòng vua Habsbourg sụp-đổ, chánh-phủ xã-hội Áo đòi sáp-nhập với Đức nhưng bị phe đồng-minh phủ-quyết.

Chính ngoại - trưởng Áo ngày 25 - 12 - 1918 đã phản-kháng như sau :

« Hoa-Kỳ và Đồng-Minh đã chiến-đấu để bảo vệ quyền tự-quyết của các dân-tộc. Người ta không thể chối-từ không cho nước Áo thuộc về dòng giống Đức được xử-dụng « cái quyền mà người ta đã cho «những dân Ba-lan, Slaves và Ý.»

Nhưng lời phản kháng của kẻ yếu thế chẳng đi tới đâu.

Năm 1931, hai chánh-phủ Đức, Áo lại dự định ký một hiệp-ước thông nhất về quan thuế nhưng rồi cũng bị phủ quyết như trên.

Hitler là người Đức gốc Áo nên càng tha thiết với sự thông nhất lãnh thổ của mình.

Đảng quốc-xã phát triển mạnh và hoạt động mạnh ở Áo. Chánh-phủ Dollfus dần áp thẳng tay. Năm 1934, Dollfus bị ám sát, Schusschnigg lên thay thế. Hitler tổ-chức đảo chánh ở Áo ngay năm đó nhưng không thành vì Mussolini kéo quân túc-trực ở biên giới để can-thiệp.

Qua năm 1936, Hitler bắt bố được với Mussolini thì từ đó không còn có kỳ đà cản mũi về phía này. Tháng 2 năm 1938 Hitler triệu tập Schusschnigg qua Đức và bắt buộc ông này phải nói rộng chánh-phủ cho bọn quốc-xã tham-gia và hăm nếu không nghe thì quân Đức sẽ vượt qua biên-giới. Thủ-tướng Áo quá khùng khiếp liệt đặt thi hành mạng lệnh những tướng rằng mình cũng còn được ngồi yên trên ghế thủ tướng. Nhưng chẳng bao lâu Hitler

lại buộc Schuschnigg phải rút lui và nhường chỗ cho một đảng viên quốc-xã. Đồng thời quân đội Đức rầm rộ kéo qua và được dân Áo hoan-hô vang trời dậy đất.

Hai ngày sau, ngày 14-3 Hitler tới Vienna thủ-đô Áo và được tiếp đón như một anh hùng dân tộc.

Chánh phủ Chautemps ở Pháp rút êm.

Hai bộ ngoại-giao Anh và Pháp, long-trọng phản-kháng chống cuộc bạo-hành đòi với quốc-gia Áo.

Ngày 10-4-38, một cuộc trưng cầu dân-ý ở Đại-Đức về việc sáp-nhập Đức-Áo ghi kết quả như sau: 44.451.981 thăm thuận, 44.981 thăm nghịch.

Thê là lần thứ hai Pháp lại nhin thua. Lần này cũng long trọng nhưng êm-dịu hơn nhiều.

Vấn-đề Tiệp khắc mở đường cho Munich

Hòa-trước Versailles đề ra nhiều quái-thai trong đó có

quái thai Tiệp-Khắc. Nước này có 14 triệu rưỡi dân gồm: 7 triệu dân Tiệp và 7 triệu rưỡi dân những nước khác. Trong số đó có: 3 triệu dân Slovaques, 700.000 dân Hung, 400.000 Ruthènes, 100.000 dân Ba-Lan và 3.600.000 dân Đức.

Ngay trong Hội-nghị Versailles đã có người lên tiếng cảnh-cáo rằng một sự gả ép như thế sẽ có những hậu-quả tai-hại nhưng phe đồng-minh thắng-trận cứ làm cần.

Chánh-phủ Tiệp thê nào cũng thiên-vị trong cách đối-xử với những dân-tộc thiểu-số. Họ bị áp-chê, họ làm thình chịch nhưng họ bất bình và chỉ chờ cơ-hội để trả thù. Cơ-hội đã đến cho 3.600.000 người Đức ở Tiệp khi Hitler lên nắm chánh-quyền và lâu lâu lại tuyên-bổ chiêu-cử tới họ.

Mùa Xuân năm 1938 đã xảy ra những xung-đột nghiêm-trọng giữa chánh-phủ Tiệp và dân thiểu-số Đức.

Chính Thủ-tướng Anh Chamberlain đã viết thư cho Thủ-tướng Pháp Daladier tố

ý lo ngại rằng nếu một thái-độ cứng-rắn có thể đưa tới chiến-tranh thì « không biết làm sao có thể cứu được nước Tiệp-Khắc, ngăn cho nước này khỏi bị xâm-lăng và quân-đội họ khỏi tan-rã ».

Cuộc xung-đột càng ngày càng nghiêm-trọng. Giữa đại-hội đảng Quốc-xã ở Nuremberg, Hitler tuyên bố:

« Nước Đức đã sẵn-sàng giúp đỡ anh em của mình ở Tiệp-Khắc và đòi cho họ có quyền tự-quyết. Nước Đức không chấp-thuận cho người ta tiếp-tục áp-chê 3 triệu rưỡi dân Đức và yêu cầu những chánh-khách ngoại-quốc hiểu rằng đây không phải là một câu nói suông. »

Goering sung-sướng nói tiếp:

« Trong cuộc chạy đua võ-trang, nước Đức đã về nhất. »

Cuộc khủng-hoàng lên tới tột-độ. Ở những vùng có người Đức ở liên-tiếp xảy ra những cuộc xô-xát có nhiều người chết và rất nhiều người bị thương.

Chánh-phủ Tiệp buộc lòng phải quyết-định ban hành một chế-độ rộng-rãi hơn

cho những người Đức ở Tiệp. Chánh-phủ Anh gửi người qua điều tra tình hình và kiếm cách hòa-giải.

Ngày 15/9 thỉnh linh người ta thấy thủ-tướng Cham-berlain vác dù qua Đức để thương-thuyết riêng với Hitler. Hitler nói:

« Nếu chánh-phủ Anh chấp-thuận nguyên-tắc dân-tộc tự-quyết thì tôi sẵn-sàng thảo-luận về những biện-pháp đề áp-dụng. »

Anh can không cho chánh-phủ Tiệp động-viên. Tiệp cầu-cứu với Nga thì Nga lắc đầu thời-thác.

Tổng-thông Tiệp chán-nản than rằng: « Chúng tôi thấy mình cô lập. »

Anh, Pháp khuyên Tiệp chịu nhượng đất ở những vùng có trên 50% dân Đức. Chánh-phủ Tiệp sợ nhất những cuộc trưng cầu dân-ý vì khi đó những dân-tộc thiểu-số khác cũng bu vào đòi và nước Tiệp sẽ bị chia ra manh mún.

Nhưng rốt cuộc rồi Tiệp cũng phải bằng lòng giải-pháp của Anh-Pháp. Nhưng vừa lúc đó thì hai nước Hung-gia-Lợi và Ba-Lan lại cũng ứa vô đòi chia

đắt. Thầy thê Hitler lại tuyên-bô rằng những đề-nghị cũ đã lỗi-thời nhưng vẫn bằng lòng tiếp-tục cuộc đàm-phán.

Pháp cứng-rắn lại bảo Tiệp đừng chấp-thuận những đề-nghị mới.

Pháp động-viên một phần và đã kêu nhập-ngũ 1 triệu lính trừ bị. Tiệp tổng-động-viên và chiếm đóng những vùng mà người Đức đã bỏ đi.

Trong khi đó thì Hitler vẫn hò hét, chửi rủa và hăm-he đủ thứ. Nhưng ông vẫn nói ông chỉ lo giải-quyết vấn-đề thiếu sô Đức mà thôi chớ không động tới một người Tiệp nào.

Trong bầu không-khí căng-thẳng đó thỉnh linh có một thông-cáo bán chánh-thức của bộ ngoại-giao Anh nói rằng : « Nếu bất-chấp những cố gắng hòa-giải của Thủ-tướng Anh mà có cuộc

tấn công, của Đức vào Tiệp-khắc thì nước Pháp sẽ tới để trợ-lực cho Tiệp. Và hai nước Anh, Nga sẽ ở bên nước Pháp. »

Đó là một ngón bịp của Anh. Anh muốn nhát Đức cho Hitler lui bước và muốn buộc Nga phải có thái-độ nghĩa là phải can-thiệp bên cạnh các đồng-minh. Nhưng ngón bịp này bị phá-sản. Hitler không lui bước. Mà Nga-xô cũng vẫn cứ đứng yên. Pháp thúc-hỏi thì Nga nói phải có hai nước Ba-Lan và Lô-Mã-Ni cho mượn đường thì mới qua cứu Tiệp được. Và chắc chắn là hai nước này không bao giờ cho mượn đường. Thê là huê. Nhưng vẫn chưa có chiến-tranh và sẽ có Munich. Kỳ sau chúng tôi sẽ nói tới Munich.



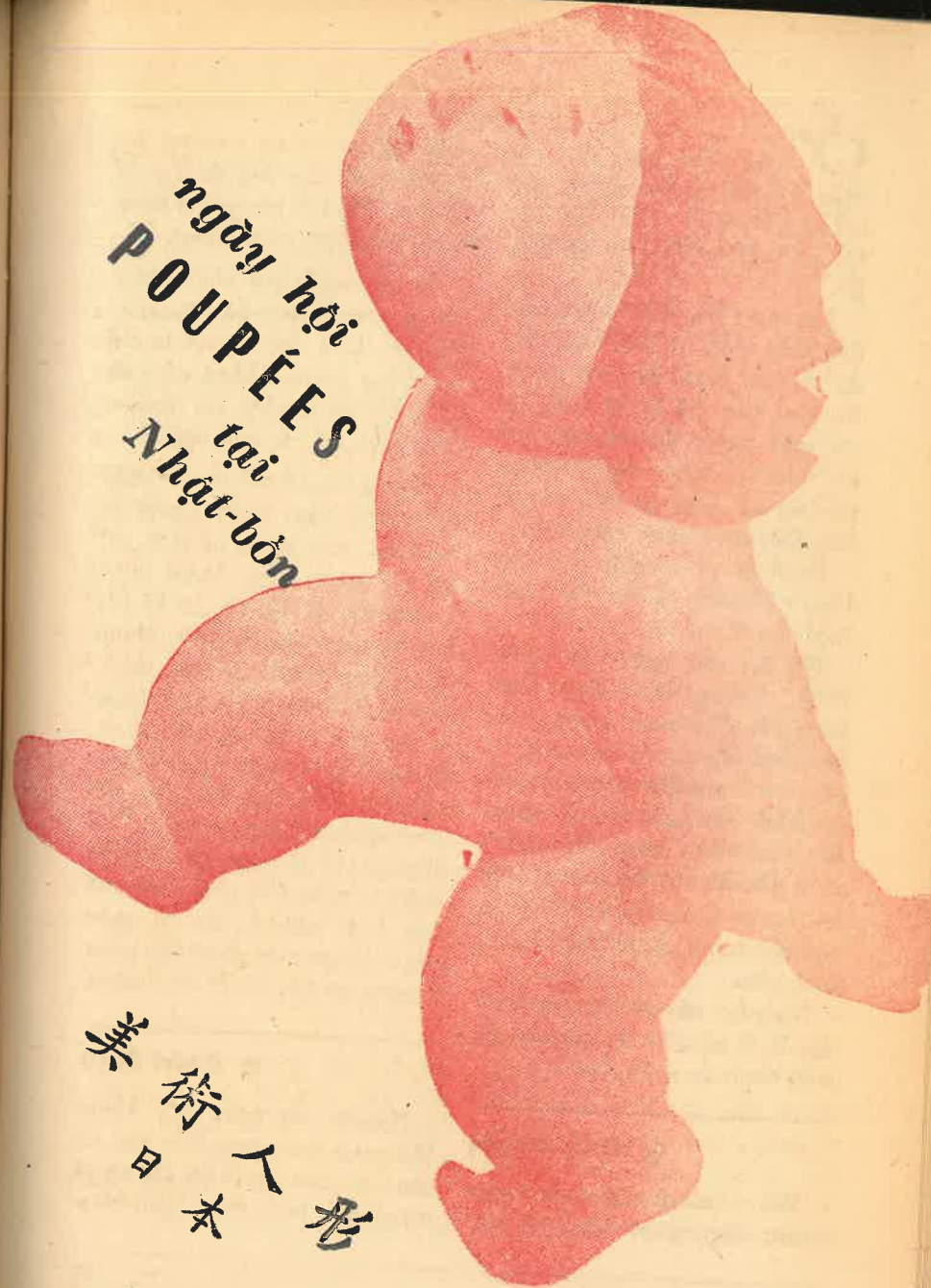
*** NHẬN XÉT TRÉ CON**

Bé Dũng đi cùng mẹ ra ga để tiễn Ba đi.

Khi chiếc xe lửa chạy rồi, mẹ con còn đứng chơi một lát ở sân ga, bỗng bé Dũng thấy một đoàn xe lửa khác vào ga.

Bé Dũng kéo tay mẹ, chỉ và nói :

— Má kìa, nhìn chiếc xe hơi này nó trở về kìa. Chắc Ba quên cái gì trở về lầy, phải không má ?



O Nhật-Bản, hàng năm vào ngày 3 tháng 3, dân chúng mở hội tung bồng với nhiều màu sắc, tục gọi là *Hina-Matsuri*, hội Búp-Bê.

Tập quán này mới được toàn dân Nhật theo từ thời Minh-Trị, độ bảy tám mươi năm về trước. Khi xưa, vào thế kỷ 18, chỉ một vài giới trong đại chúng, như các nhà võ-sĩ-đạo (Samurai) và thương-gia giàu có mới hội hè linh đình vào những ngày này.

Danh từ và ý nghĩa ngày hội Hina - Matsuri là do tập quán thời tiền cổ mà ra.

Hồi ấy, vào ngày này người Nhật thường làm hình nhân bằng giấy (hito-gata) tượng trưng bản thân mình, với tin tưởng là có thể trừ cho hình nhân đó gánh đỡ mình mọi hoạn nạn tai ương. Rồi hình nhân được đem ra bờ sông, gần đấy mà thả xuống trong khi người ta cầu Trời khẩn Phật xin cho mình được khỏe mạnh bình yên.

Ngày hội này không những là dịp lễ bái cầu an mà còn đề xuất hành du xuân nữa.

● Hina-Asobi

Vào khoảng một ngàn năm trước đây người Nhật có một

ngày Hội mà trẻ em thường làm 2 hình nhân đàn ông và đàn bà để chơi. Tập tục này gọi là Hina-Asobi (chơi với hình nhân).

Từ đó, nghề làm hình nhân, tức là những búp-bê bây giờ, trở nên thịnh đạt, người ta chế ra những búp-bê bằng gỗ hoặc bằng đất hay kim khí, rồi tô điểm công phu, coi rất ngộ nghĩnh.

Những búp-bê chế ra mỗi ngày thêm tinh xảo khiến người ta nghĩ tới việc dùng nó làm vật bái trí trong nhà. Dưới thời Tokugawa bắt đầu từ thế kỷ 17, búp-bê tượng trưng triều chính rất được người ta ưa thích. Những thứ này gọi là Dairi-bina, ví như các nhân vật triều đình. Búp-bê Dairi-bina trưng-diện theo sắc phục triều đình thời bấy giờ thường được đem ra bái trí cả những ngày lễ trọng chứ không phải chỉ ngày Hội nhất định mà thôi. Lại búp-bê này rất mắc tiền và được giới võ-sĩ-đạo cùng thương-gia giàu có rất ưa chuộng

● Dairi-Bina

Nguyên do ngày hội Hina-Matsuri là ở tập quán thời xưa, có liên quan đến việc lễ bái cầu an và trưng bày hình nhân Dairi-bina.

NGÀY HỘI POUPÉES TẠI NHẬT-BÔN

Nhưng bây giờ ý nghĩa cầu an của ngày hội này không còn nữa mà đã biến thành một ngày lễ vui vẻ của trẻ em, tung bồng dưới nhiều màu sắc.

Một bộ búp-bê Hina ngày nay gồm có 15 con, 2 Dairisama (một đàn ông, một đàn bà), 3 Kanjo (Mệnh-phụ), 5 Nhạc công, 2 Hầu-Cận, và 3 Cận Vệ. Những búp bê này được đặt trên giá, con nọ cao hơn con kia, và 2 con Dairi-sama thì ngồi trên cùng, người đàn ông ở bên tay phải người đàn bà.

Búp bê thường được dùng ngày hội có bốn loại, một là bằng giấy, hai là bằng gỗ, ba là bằng đất và sau hết là loại có trang sức. Loại Hina bằng giấy rập theo kiểu cổ điển nhất, vì theo kiểu người đứng nên gọi là tachi-bina hay búp bê đứng. Loại bằng đất do các quận lỵ chế ra trước nhất. Loại bằng đất và bằng gỗ đều là những loại làm rất công phu và rất thông dụng.

Búp bê làm dưới thời Tokugawa thuộc cỡ rất lớn, sau này được người ta thiên về cỡ nhỏ hơn, thường chỉ to bằng ngón tay cái thôi.

Dưới hàng búp bê, người ta

bầy những đồ chơi nhỏ xíu như các thứ mâm khay, đĩa chén, gương soi, nhạc cụ, các hộp lật vật, bộ đồ hút thuốc, vân vân. Nhiều món trong số những bộ đồ này, làm bằng sơn mài thếp vàng trông rất đẹp.

Vì lễ ngày hội hina-matsuri là biến thể của ngày lễ hina-asobi (chơi với hình nhân) khi xưa, nên vào dịp này các trẻ em thường được phép mời bạn hữu về nhà hội họp dưới hàng búp bê mà ăn uống vui chơi với nhau. Có khi các trẻ em còn làm lấy cả những món ăn, kẹo bánh để cúng búp bê rồi cùng nhau vui hưởng. Các em thường cúng búp bê bằng bánh «mochi» (làm bằng gạo) nhuộm màu đỏ xanh và trắng, với rượu nếp « shirozake ». Vào dịp này thì các trẻ em được phép uống rượu nếp.

Trước kia, người ta chỉ lấy búp bê ở hộp ra vào ngày 2 tháng 3 để đặt lên giá, rồi tới ngày 4 lại cất đi để đến năm sau dùng. Nhưng ngày nay thì không nhất định phải như vậy, người ta thường muốn được chơi lâu với những con búp bê ngộ nghĩnh. Nhiều búp bê hina còn là những vật gia-bảo lưu truyền

từ đời mẹ đến đời con. Búp bê đẹp thường cũng rất tốn tiền, và hàng năm người ta lại còn phải mua sắm đồ mới để bày biện thêm vào nữa.

Vì là ngày hội trưng bày búp bê nên ngoài những búp-bê hina chính ra cũng còn nhiều thứ khác được bày cùng với những con hina trên giá Công việc mở gói lấy hàng mới búp bê ra trưng bày để ít hôm sau lại gói ghém cất đi kệ ra cũng thật phiền phức. Hơn nữa, phần nhiều mỗi đồ vật nhỏ xíu ấy cũng như những con búp bê đều được cẩn-thận bọc bông rồi gói bằng giấy lụa. Trong hộp đựng búp-bê phải để băng-phiến cho khỏi bị mối ăn, trước khi đem cất đi để dành đến năm sau.

Có nhiều nhà chuyên môn chế-tạo búp bê kiểu hina vì thứ này cần phải khéo tay và có khiếu về mỹ-thuật. Búp-bê hina không bán thường xuyên, các nhà hàng chỉ bày ra bán độ một tháng trước ngày hội, ngày 3 tháng 3 Xưa kia người ta thường dựng lên những quán

lều tạm thời ở ngoài đường để bày bán búp-bê.

● Khoác vẻ tôn-thời

Ngày nay có nhiều búp-bê loại hina được người ta tạo cho bộ mặt tân thời hết như những ngôi sao hát bóng, ca-sĩ, những nhà dã-cầu, và các nhân-vật lừng danh khác. Nhưng đậu sao thì loại búp-bê này vẫn phải bán từng đôi — một đàn ông, một đàn bà — để bảo tồn tinh-thần cổ hữu của ngày hội búp-bê.

Mặc dầu trên hình thức, ngày hội búp bê đã bước cải cách đi phần nào nhưng còn nhiều tập tục cổ-truyền vẫn được duy trì. Điều lý thú nên biết tới là tuy dân trí đã rất văn-minh mà người Nhật vẫn giữ tính cách tôn-sùng ngày hội Hina-matsuri, có thể nói rằng họ coi ngày hội này như một ngày lễ quốc-gia vậy. Một dẫn chứng lý thú nữa là cũng có nhiều người ngoại quốc rất lấy làm thú vị khi ngắm xem những con búp bê ngộ nghĩnh trưng bày trong ngày hội.



★ THẾ-NGUYỄN
(KBC. 3124)

Lạy Phật-tò con là thuyền lạc lõng
Nương bến ngài trông cao rộng bao la
Đây hoa thơm có bóng mát cây già
Nước trong biển không pha mùi tục lụy

Lạy Phật-tò thuyền con đầy rên rỉ
Lúc khởi hành cho chí khí sa cơ
Cho đến nay cột nát cánh buồm xơ
Con lặng lẽ ghé vào bờ sửa chữa

Lạy Phật-tò, Hào-Quang Ngài muôn thuở
Vẫn sáng ngời ngoài ngưỡng cửa Từ-Bi
Dẫn cho ai lạc lối trên đường đi
Hãy quay lại tìm cái gì sáng lạng

Lạy Phật-Tò chiều xưa trong xa vắng
Bao thuyền xuôi nghiêng-ngửa đắm ngang giòng
Mãi say mê trong nguồn vọng viễn-vông
Đề cay đắng ngã mình trong tội lỗi.

Lạy Phật-Tò bao tâm hồn u tối
Ngưỡng đạo Ngài như giòng suối Vô-Uu.
Họ ngàn-ngờ không khác một đàn cừ
Trên sa mạc lê chân đầy cát bụi

Lạy Phật-Tò họ đang còn đắm lụy
Màu thời gian hòa lẫn tiếng không gian
Kiêng hoàng-hôn cho đến trống canh tàn
Vẫn chưa đủ báo thức hồn truy-lạc

Lạy Phật-Tò cúi xin Ngài cảm giác
Thọ sinh linh thoát khỏi ngục lăm than
Gió muôn phương mát dịu ánh đạo-vàng
Hoa bác-ái trên cành luôn này nở.



(life or death)

SỐNG
HOẶC
CHẾT

★ ANANDA PEREIRA

● THÍCH-TRÍ-CHƠN phỏng dịch

TRONG bài thuyết trình tại Oslo nhân dịp được giải thưởng Nobel về Hòa-bình, Bác sĩ Albert Schweitzer, nhà theo nhân đạo chủ nghĩa, khi đề cập đến hiện tình nhân-loại, ông đã phát biểu như sau: « Chúng ta hãy nhìn vào thực tại. Ngày nay con người đã trở thành siêu nhân. Con người không những chỉ có thể xử dụng được những năng lực sẵn có của mình mà nó còn khai thác, chế ngự được các tiềm lực (latent forces) của thiên

nhiên nhờ những tiến bộ kỹ thuật và khoa-học. Nhưng con người văn-minh tốt độ ngày nay hầu như đã gần mất hẳn nhân tính. Bởi lẽ con người không chịu tìm cách nâng cao tâm hồn của mình cho tiến kịp với khả năng chinh phục ngoại giới kia ». Chính đây là sự sa đọa trầm trọng của con người. Những tiềm lực thiên nhiên mà hiện con người đã chế ngự được, chúng sẽ sẵn sàng phá hoại (con người) cũng như từ lâu chúng

SỐNG HOẶC CHẾT

đã phụng sự cho con người. Chẳng khác gì lưỡi dao cạo, nó có thể vừa giúp ích cạo râu, vừa cắt cò gây hại cho con người. Cho nên, vấn đề sống hoặc chết đều hoàn toàn do con người tự quyết định lấy.

Chúng ta có thể kịp thời tu sửa, dung hòa giữa khối óc và con tim, hầu giúp cho sự sống còn của nhân-loại trên thế giới này không? Chúng ta có đủ sáng suốt để nhận thấy rằng chúng ta khó tránh khỏi sự hủy diệt lấy mình khi chúng ta tàn sát lẫn nhau không? Mọi vấn đề sanh tử đều nằm trong sự trả lời các câu hỏi đó. Nghĩa là tương lai nhân loại hoặc sẽ sống hòa bình trong toàn thể thế giới, hoặc sẽ bị chôn vùi dưới hố sâu tận diệt. Chúng ta không khỏi lo âu khi nhận thấy rằng, những nhà khoa học với những phát minh tiến bộ vượt mức của họ, đã sớm đưa nhân loại vào bước đường suy vong hiện nay. Mọi vấn đề nhân sinh trọng đại đã không được giao phó cho những bậc sáng suốt nhất giải quyết, đúng với sự nhu cầu khẩn trương của chúng. Những nhân vật đại trí (great wisdom) hay nói như Bác-sĩ Schweitzer là những bậc « siêu phàm » đó không bao giờ thấy xuất hiện trong các cuộc hội đàm giữa những nhà cầm quyền chính-trị. Và bao

phen, nhân loại thế giới đã không khỏi kinh hoàng vì những lời tuyên bố điên cuồng giữa hội trường của các lãnh tụ gia. Nhiều vị đã tỏ ra ưa thích, hào hào cổ võ khi nghe nói đến chiến tranh. Họ còn lớn tiếng tuyên bố rằng chiến tranh là con đường dẫn đến hòa bình thế giới, hoặc đến cứu cánh tốt đẹp của chủ nghĩa này, đảng phái nọ. Hình như họ quên rằng, khi xảy ra một cuộc chiến tranh toàn diện, nếu có kẻ sống sót thì những người đó cũng không có thì giờ để lo nghĩ đến những chủ nghĩa, đảng phái của họ. Bởi lẽ toàn thể thế giới bấy giờ sẽ bị nhiễm độc, dầy dầy những cảnh tàn phá chết chóc, và con người lúc ấy có nhiều vấn đề cấp thiết để nghĩ tới hơn.

Đức Phật dạy: « Đời là bể khổ ». Đó là một sự thật hiển nhiên mà mọi người không ai có thể chối cãi. Thật vậy, chúng ta chỉ cần mở xem một tờ báo hằng ngày hoặc vặn một radio ra nghe thì rõ. Có chuyện gì đau lòng xảy ra trên thế giới mà các nhật báo không đăng tải. Có vụ đả máu nào phát hiện trên mặt đất này mà đài phát thanh các nước không loan tin. Những hàng chữ in đậm nét, những giọng phát ngôn rõ ràng, đã cụ thể giúp chúng ta nhận thức rằng nhân-loại đang quay cuồng giữa biết bao vấn đề thế sự, chứ

Í ai nghĩ đến sự tu sửa bản thân. Nhưng hiện tình đen tối của thế giới buộc chúng ta phải quan tâm đến điều vừa kể. Chúng ta có thể không cần nghĩ đến sự tồn vong của nhân loại và lãng quên thế sự trong những thú vui tinh thần hay vật chất, nhưng thử hỏi hành động như vậy, phỏng chúng ta có giải quyết được gì không. Chúng ta phải can đảm nhìn thẳng vào thực tại. Nhân loại cần sớm thức tỉnh hay đành chịu đề tiêu diệt. Chỉ có một trong hai đường là nhân loại nên cấp thời giác ngộ hay là chịu đề sớm diệt vong. Không còn thì giờ trì hoãn nữa. Chúng ta phải cương quyết dẹp bỏ những ý tưởng riêng tư về chủ nghĩa, đảng phái và cấp thời chấm dứt sự chia rẽ giữa chúng ta với những người đối lập. Chúng ta phải mau mau xóa sạch những hình thức quốc gia sai biệt, nguyên nhân gây nên bao tỵ hiềm và thù hận giữa các dân tộc thế giới. Từ nay, chúng ta phải chia xẻ, xót thương sự đau khổ của mọi người như chính bản thân chúng ta. Chúng ta phải bắt đầu ngay bây giờ.

Làm sao chúng ta có thể đạt đến trình độ hoàn toàn giác ngộ đó? Hơn 2.500 năm trước, đức Phật đã chỉ cho chúng ta một con đường. Và giáo lý của Ngài đang còn

tác dụng hữu-ích cho toàn thế-giới nhân loại hiện nay. Ngài dạy: « Vạn vật vô thường. Đừng tham đắm. Hãy xả bỏ tất cả để giải thoát ». (All things are subject to change. Do not grasp. Let go — and be free). Có cuộc chiến tranh nào lại chẳng phát sinh từ lòng tham của con người — tham chiếm đất đai, thị-trường béo mửa, tham quyền thế lợi danh và biết bao dục vọng tạm bợ khác ở đời, đề rồi dẫn đến những cuộc tranh giành đẫm máu. Nếu con người đoạn dứt được lòng tham thì chiến tranh làm gì có. Chúng ta nên nghĩ đến những kẻ thiếu thốn và chia xẻ bớt hạnh-phúc của mình để cho cuộc đời thêm thêm giết và nhân loại được sống chung trong hòa-bình. Chúng ta phải nhận thức rằng, cứu giúp kẻ khác tức là đã tự cứu giúp lấy chúng ta. Ta không cần biết tha-nhân đó nói tiếng gì, hoặc theo chủ-nghĩa đảng phái nào, miễn họ cùng ta sống trên quả đất, chung thở dưới một bầu trời, và chung cần thức ăn để sống. Chúng ta không có quyền giết mà phải bảo-vệ cho họ sống, bởi lẽ đời sống của chúng ta đã gắn liền với đời sống của họ.

(Trích dịch tập « Escape to Reality » Huế, ngày 9-4-1963



Tuần DÂN CHỨNG
LỊCH SỬ
XÃ HỘI HIỆN ĐẠI
CHÀNG TRAI
NƯỚC VIỆT
1910-
1960

(Tiếp theo P.T. 102)

★ Nguyễn-Vũ

LÊ Truy-điều cụ Phan Chu-Trinh do một nhóm học trò trường Trung-học Qui-nhơn tổ chức lên-lút trong đêm Thứ Bảy 27/3 và sáng Chủ-nhật 28-3-1926 có thể coi như là một dân chúng cảm-động nhất của lòng yêu nước vừa nhiệt thành vừa sợ sệt của thế hệ thanh thiếu niên Việt-Nam thời bây giờ.

Tôi nói: nhiệt-thành, vì lòng sùng bái đời với Cụ Phan Chu Trinh xui họ tự động tổ-chức lây, do một nhóm 10 cậu học trò hăng-hái vận động từ hai hôm trước và đa-sò tán thành; nhưng sợ sệt, vì họ không dám tổ chức công khai trong thành

phố, và cũng không dám có động công khai trong trường. Nhóm 10 cậu « cảm đầu » gồm có 5 cậu ở lớp Đệ-tam-niên và 5 cậu ở lớp Đệ-nhi-niên, trong đó có trò Quỳnh, trò Tô, trò Thu, trò Hào, trò Tuấn. Trong số 5 anh lớn ở Đệ-tam-niên có anh Trọng, người đeo kiềng cận thị, cao lớn nhất và học lười nhất, chỉ thích « vô Saigon mở tòa báo đề mời ông Hồng-Tiêu làm chủ bút ». Sau một buổi nhóm âm thầm bí mật ở nhà trọ anh Trọng hồi 7 giờ tối Thứ Bảy, mỗi trò phải lập tức chạy đi từng nhà trọ rủ anh em góp tiền và hẹn sáng sớm hôm sau

là Chủ nhật phải đi lên núi Xuân-Quang làm lễ. Căn dặn với nhau đi bằng xe máy hoặc đi bộ, như đi chơi thường, đừng để người ta chú ý, và không được đi chung đông người. Tiền góp mỗi trò 1 xu, để mua nhang đèn và nếu có thể được thì mỗi trò sẽ đem theo một miếng vải đen để tang.

Ở trong buổi nhóm ra, trò Tuấn chạy ngay đến nhà trọ hai cô bạn gái lớp Nhất, Trâm và Anh. Hai cô rất tán thành, và Anh vội vàng đi lấy chiếc áo dài đen của cô bằng vải « trắng đằm », không do-dự lấy kéo cắt phăng một cánh tay áo, làm được ba cái băng tang, cho Tuấn một, Trâm một và Anh một. Trâm thì lấy tiền riêng chạy ra phố mua ba thẻ nhang và 6 cây đèn bạch-lạp. Trâm và Anh lại bảo nhau sáng sớm trước khi ra đi bẻ mấy cành hoa Phượng để đem cắm trên bàn thờ Cụ. Hai cô dặn Tuấn đến đi với hai cô, và đi bộ, thật sớm, trước khi mặt trời mọc. Lúc bấy giờ hầu hết phụ-nữ ở Trung-Kỳ và Bắc-Kỳ đều chưa biết đi xe máy. Ở Saigon và lục-tỉnh cũng chỉ có một số rất ít chị

em mới tập đi xe máy đằm. Học-trò gái đi học toàn đi bộ, mặc dù nhà trọ ở xa trường.

Tuấn còn chạy đi rủ các bạn khác. Giữa đường gặp Quỳnh, Quỳnh hỏi thăm :

— Máy rú được mấy đũa rồi ?

Tuấn cũng trả lời rất khẽ :

— Được 20 đũa... Còn mấy ?

— Tao rú được 35 thàng lớp đệ-nhất niên. Mấy có cho bọn học-trò gái biết không ?

— Có. Trâm và Anh. Anh xé cánh tay áo dài đen, làm cho tao cái băng tang.

— Mấy sường quá vậy. Tao chưa có băng tang. Mấy trở lại coi Anh biểu nó làm cho tao một cái được không ?

Tuấn gãi đầu :

— Được. Để tao bảo nó xé cái băng của tao ra làm đôi, mỗi đũa mình một nửa.

Theo « chương-trình », — tạm gọi là chương-trình, vì sự thật là không có chương-trình, và chính « ban tổ-chức » cũng không có, (chỉ có anh Trọng và 9 đũa nói chuyện với nhau sơ-sài rồi mạnh ai nấy đi cõ-động riêng), theo sự dặn-dò với nhau thì lễ Truy-điệu phải

làm ngay lúc mặt trời vừa mới mọc.

Bảo nhau rằng làm lễ Truy-điệu trên núi Xuân-Quang, nhưng sự thật Tuấn cũng không biết là làm chỗ nào, vì núi Xuân-Quang ở phía Bắc trường học Qui-nhơn là một dãy núi dài. Các trò chỉ biết là đi dọc theo con đường lớn lên miệt nhà quê, rồi đến đây gặp nhau, sẽ liệu.

Tuấn đi với Trâm và Anh từ lúc gà mới gáy, vào khoảng 5 giờ. Thành phố hãy còn ngủ thim-thíp. Các anh phu xe kéo cũng còn ở nhà ngủ, chưa có bóng một anh nào lảng-vãng ngoài đường. Hình như Trâm và Anh vẫn hơi sợ-sợ, sợ vì sắp sửa dự vào một việc « nguy-hiểm ». Trâm và Anh mới 15 tuổi, đã biết gì đâu. Tuy là hăng-hái, do trò Tuấn xúi-giục rú-ren, nhưng hai cô tóc kẹp, đội nón Huế, chân mang guốc, vẫn chưa biết là đi lên-lút như thế nấy để dự lễ Truy-điệu cụ Phan-Chu-Trinh ở một nơi kín đáo trên núi, sẽ có hậu-quả như thế nào. Nhưng hình như Trâm và Anh đều hoàn-toàn

tin tưởng nơi Tuấn, cho nên Tuấn đi giữa, hai cô đi hai bên, kẻ sát vào nhau như người anh cả 16 tuổi đi với hai cô em gái 15 tuổi, vừa đi vừa thăm-thì trò-chuyện.

— Anh Tuấn ơi, tội mình làm lễ để tang cho cụ Phan-chu-Trinh, lỡ ông Địa-réc-tơ biết, ông có đuổi không, anh ?

— Không lẽ đuổi cả trường à ?

— Nhưng chắc gì bữa nay có cả trường đi làm lễ ?

— Không có cả trường thì cũng có một nửa. Nội đêm hôm, một mình tôi đã đi rủ được ba chục đũa. Không lẽ còn mấy anh kia không rủ được 300 đũa sao ?

— Các ông giáo có dự không, anh ?

— Ai mà dám cho các ông biết.

— Lỡ Thứ Hai vô học, các ông biết thì sao ?

— Nếu có chuyện gì, thì tôi với mấy anh kia chịu.

— Không, nói thế chớ nếu các anh bị cái gì, thì tội em cũng bênh các anh.

Câu chuyện thăm-thì đến đây, xem chừng như nghẹn

nơi cô rồi, Tuấn và Trâm, Anh, đều làm thình, không ai nói gì được nữa.

Đền đầu làng Xuân Quang, đã thấy anh Trọng, Quỳnh, Tô, và 5, 6 trò khác tụ-hợp nơi chân núi đá. Mây người nây đi xe máy đã đến trước. Anh Trọng và hai trò đi vào một nhà tranh gần núi. Không biết họ nói cách nào mà họ mượn được một cái bàn cũ-kỹ, khiêng ra đặt ngay trên bãi cỏ xanh.

Mặt trời rạng đông, thì lần lượt học trò kéo tới, hầu hết là đi xe máy, chờ nhau mỗi xe hai ba trò. Cũng có nhiều trò đi bộ. Tuấn lảng-xăng với Quỳnh, Hào và anh Trọng, sắp đặt cho anh em dựng xe máy vào các tầng đá, và dọn bàn thờ. Đầu tiên, trò Quỳnh lấy tấm ảnh cụ Phan-Chu-Trinh, cắt trong quyển sách « *Quân trị chủ-nghĩa và Dân-trị chủ-nghĩa* » của Cụ Phan, do một người ở Saigon đem ra bán mấy hôm trước. Tấm ảnh thật đẹp, gương mặt cụ Phan thật là oai-nghiêm. Anh Trọng trở vào túp nhà tranh ban nãy, mượn được một chiếc « bài vị » cúng Thần Thổ-địa, đem

ra. Anh em mừng quá cười rộ lên. Tuấn và Quỳnh xúm lại lấy cơm nguội trét dán ảnh cụ Phan-chu-Trinh lên trên bài vị. Bắt đầu có ảnh cụ Phan đặt trên bàn thờ thì anh em đã thấy rạo-rực trong lòng, và nét mặt người nào người nây tự nhiên buồn sầu, cảm động.

Trâm và Anh đưa ra bó hoa Phượng. Tuấn chạy vào nhà anh dân quê kia mượn được một chiếc bình mẻ đem ra, để cắm hoa. Các bạn khác cũng chạy vào núi bê rất nhiều hoa rừng đặt phủ kín trên bàn.

Nến và hương thắp thật nhiều, chung quanh ảnh Cụ Phan, khói bay nghi-ngút. Anh Trọng cao lớn hơn hết, có vẻ người anh cả thật sự, bảo anh em đứng sắp hàng cho có trật tự. Tuấn và Quỳnh đi sắp đặt chỗ, để Trâm và Anh đứng gần bàn Thờ, còn học trò trai, cả thầy gần một trăm người, mặc toàn áo trắng dài, đứng sắp hàng hai bên.

Mặt trời vừa mọc, chói rực trên mặt biển Qui-nhon, chiếu những tia-vàng trên sườn núi. Gió thổi hiu-hiu mát rượi. Cảnh vật chung-quanh hoàn-toàn yên-tĩnh. Chẳng có một

người lạ dự vào, trừ hai vợ chồng anh dân quê và mây đưa con tò-mò đứng ngó nơi sân nhà. Anh Trọng đứng trước bàn thờ, Tuấn một bên, Quỳnh một bên. Thầy anh Trọng quỳ xuống, Tuấn và Quỳnh cũng bắt chước quỳ. Anh Trọng móc trong túi áo lấy ra một tờ giấy để đọc. Đó là bài Văn-tê cụ Phan-Chu-Trinh mà anh soạn lúc nào không ai biết. Giọng anh đọc run run, với những câu như : «...*Thưa Cụ, chúng con tuy là học-trò còn khờ dại, nhưng nghe tin cụ mất ở Nam-kỳ, chúng con cũng đau đớn vô cùng. Chúng con thương khóc cái chết một bậc anh hùng của quốc dân An-nam, một bậc đại chí-sĩ đã nêu gương ái quốc cho thanh niên chúng con. Trong lúc đồng bào khắp nơi đều khóc Cụ, chúng con tự hợp nơi đây với chút lòng thành, một nén hương, một ngọn nến, chúng con xin vong linh Cụ chúng giám cho*», v.v..

Anh Trọng đọc chưa hết đã gục đầu xuống khóc. Tuấn và Quỳnh cũng khóc. Rồi tất cả học trò đều khóc.

Lần lượt anh em đến trước

bàn thờ Cụ, cung kính quỳ xuống lạy. Trâm và Anh, khóc nhiều hơn cả. Xong rồi anh Trọng nói :

— Tôi có đem theo đây một vuông vải « trắng đăm đen » và cái kéo. Cô Trâm và cô Anh cắt giùm ra làm băng tang để cho anh em đeo. Ai có rỗi thì lấy ra đeo, để tang cho Cụ.

Buổi lễ Truy - điệu Cụ Phan-chu-Trinh cử-hành được hoàn toàn mỹ-mãn. Xong kẻ rữ nhau đi chơi núi, một tốp đi về đường Lò-Bò, một tốp đi băng động cát, còn vài chục trò đi về theo đường quan-lộ.

Trâm và Anh rủ Tuấn cùng về, đi bộ. Nhưng gần đến phố, sợ thiên hạ thầy trai gái đi chung với nhau, Tuấn từ biệt Trâm và Anh, và băng qua động cát, phía sau trường.

Sáng hôm sau, Thứ Hai, vào trường học, một số đồ vải ba chục trò còn đeo băng đen trên cánh tay. Mây trò khác cắt băng ở nhà không dám đeo đến trường.

9 giờ, Tuấn đang ngồi nghe Giáo-sư giảng Vật-lý-học, thì anh cai trường

xuông, cảm một tấm giấy nhỏ, đưa ông Giáo-sư T. Ông giáo nhìn giấy, nét mặt nghiêm-khắc, gọi :

— Tuần ! Quỳnh ! Thu !
Mão ! A la Direction !

Bọn trò tái mặt, đứng dậy ra đi. Cả lớp đều tỏ vẻ lo-sợ.

Đền Văn-phòng, ông Tổng giám-thị đưa 4 người vào ông Địa-réc-tơ.

Tụi này cúi đầu chào. Nhưng Ông Deydier, với nét mặt hăm-hăm, hỏi Tuần :

— Mày để tang cho ai đây ?

Trò Tuần đáp-úng trả lời :

— Dạ... thưa... tôi để tang cho Ông Nội tôi.

Ông Deydier trợn mắt :

— Ông Nội mày đã chết hai chục năm rồi bây giờ mày mới để tang hả ?

Tức thì Ông Deydier đánh vào má Tuần một tát tay. Păng ! kinh-khủng ! Tuần xiên-liền, muôn té xiu luôn.

Rồi ông quây lại trò Quỳnh :

— Còn mày ?

Quỳnh chưa trả lời, cũng đã bị ông tát một tát kinh hồn. Hào, Thu, đều bị như thế. Xong, ông đuổi bọn đứa về lớp, không nói thêm một câu.

Bọn đứa lặng lẽ đi về lớp, thì giữa hành-lang gặp người cai trường dẫn anh Trọng và 3 anh nữa ở lớp Đệ-tam-niên xuống văn-phòng. Tuần chỉ cho anh Trọng cái vết tát tay còn đỏ bừng trên má trò và khê bảo :

— 36 ngọn nèn !

Trông nét mặt anh Trọng y như người tù sắp sửa lên máy chém.

(còn nữa)



★ MẶT TRỜI KHÔNG CÓ ÍCH

Hai em học-sinh lớp năm bàn chuyện với nhau về sự lợi ích của mặt trăng và mặt trời. Em A nói với B :

— Mày nghĩ thế nào, theo tao thì mặt trăng có ích lợi cho loài người hơn mặt trời mày ơ.

— Tại sao lại ích lợi hơn ?

— Mày không biết sao, ban đêm trời tối, nhờ có mặt trăng soi sáng, chứ ban ngày sáng sủa thế kia thì cần quái gì mặt trời đã chứ.

— Ừ, nhỉ. Thế mà tao quên mất.



★ TRỌNG-KHANH

ĐẠO BÌNH CHÓ

• trong

CHIẾN TRANH KIM CỔ



Từ lâu nay chúng ta đã nghe nói nhiều về cái công của loài chó đối với loài người, chẳng hạn : giữ nhà, chăn súc vật, đi săn, dắt người mù, giúp cảnh-sát bắt kẻ gian, cứu người bị vùi dưới bão tuyết v.v... nhưng ít khi chúng ta được nghe nói đến chiến công của nó ngoài mặt trận. Hiện nay người ta đã gom được nhiều tài-liệu chứng minh rằng không phải chỉ ở thế kỷ 20

này con người mới biết khai thác trí thông-minh và năng khiếu đặc biệt của loài chó trong chiến tranh, mà từ thời thượng-cổ chó đã được đem ra mặt trận biến thành những chiến hữu can đảm phi thường, đã lập được nhiều thành tích rất đáng ghi nhớ.

Người Hi-Lạp và người La-Mã ban đầu chỉ dùng chó để cho đấu với các loài thú dữ, hoặc với bọn giặc-đấu để giải

trí. Nhưng về sau khi xua binh đi chinh phục các dân-tộc khác, thấy các dân-tộc này biết dùng chó ngoài mặt trận, bấy giờ họ mới bắt chước theo. Dân German, dân Gaulois, dân Phi-châu và nhiều dân tộc khác ở Trung-Á từ xa xưa đã biết luyện tập một đạo binh chó đưa ra trận. Trong quyển sách của Plinê, một tác giả thời thượng cổ có thuật rằng « quân đội Albanien khi kéo đi có dẫn chó theo, chúng đi nhíp nhàng theo điệu kèn trống và khi lâm trận chúng xông xáo hăng hái lạ thường, nhẩy chồm lên cắn cổ quân địch hoặc vật ngã xuống cắn xé kỳ cho đến lúc kẻ địch hết cự quây.

Hồi thế kỷ thứ V trước Jésus, Xsrxès vua Ba-Tư khi xâm chiếm Hi-Lạp đã tăng cường quân đội viễn chinh bằng một bầy chó Ngao, còn gọi là chó Ấn-Độ. Giống chó này nổi tiếng rất khoẻ mạnh, thích xung phong.

Cổ sử Hi-Lạp cũng có ghi tên nhiều con chó lừng danh trong lịch sử chiến tranh của họ, như con Soter (có nghĩa Cứu Nguy). Lúc bấy giờ thành Corinthe bị địch quân bao vây; trong số quân phòng thủ có một

bầy chó được giao nhiệm-vụ canh gác ở tiền đồn. Một buổi chiều nọ, trong lúc quân sĩ đang tụ họp ăn nhậu, thình lình địch tấn công ngay tiền đồn. Bầy chó độc lực chiến đấu với quân giặc; trong khi đó riêng con Soter chạy nhanh về Đại bản Dinh sửa âm lên, cắn áo quân sĩ lôi kéo đi. Trận đó quân Hi-Lạp đầy lui được địch quân, thành Corinthe được giải nguy. Đề trả ơn con Soter, dân trong thành tình nguyện chung đậu lại nuôi con chó suốt đời và họ còn làm cho nó một cái vòng cổ bằng bạc có khắc hàng chữ: « Soter, chiến sĩ đã bảo vệ và cứu nguy thành Corinthe ».

Người La-Mã cũng dùng chó trong chiến tranh nhưng ít hơn. Trên cây cột kỷ niệm Marc-Aurèle còn bức chạm nổi một bầy chó bên cạnh những chiến sĩ. Họ thường dùng chó để canh gác trại binh và ở các cửa thành. Giống chó của họ cũng nổi tiếng tinh khôn, nhưng đôi khi tránh không khỏi chuyện « trật đường rầy »!

Một lần, họ cũng giao cho chó đi tuần rón ban đêm. Quân Gaulois dò biết được liền đem đồ ăn ngon đến « thết » chúng

nó một bữa. Đám chó tuần này xúm lại dự tiệc êm ru, không một con nào báo động cả. Lúc đó quân Gaulois ung dung trèo vào thành tấn công ngay lúc cả thành đang ngủ yên giấc. Về sau dân La-Mã trừng phạt loài chó bằng cách mỗi năm đem đóng một con lên trụ chữ thập, tế ở đền Thanh Niên.

Người La-Mã cũng thường bị kẻ thù của mình dùng binh chó phá nhiều trận tan tành. Như năm 102, trận Aix, và năm 107, trận Agen ở trên đất Gaule, họ bị một số bộ lạc Helvetie tấn công bằng đạo binh chó, mỗi con đều mặc áo giáp, cổ mang một cái vòng chia đầy những chong sắt, chúng nó cứ nhẩy chồm lên cắn mõm ngựa, làm rối nát hàng ngũ mấy đạo kỵ binh.

★
 Từ trận chiến tranh 14.18, hầu hết các cường quốc trên thế giới đều đặc biệt chú trọng việc tăng cường đạo binh chó. Ở Pháp, bộ Quốc-phòng trưng dụng một số đông những nhà luyện chó chuyên nghiệp, phát triển việc gây giống chó, nhứt là giống bec-giê, đồng thời với việc dựng trường huấn luyện

và đào-tạo một số quân nhân chuyên môn điều khiển chó. Năm 1914, quân đội Pháp có 250 con chó, và con số này tăng lên đến 10.000 năm 1918. Quân đội Đức sớm biết dùng binh chó hơn tất cả các nước. Năm 1914, họ đã có 600 con được huấn luyện kỹ càng, đến ngày đình chiến năm 1918, đạo binh này tăng lên đến 40.000. Quân đội Anh lúc đầu chùng như không chú trọng lắm nhưng về sau rồi cũng phát triển nhanh chóng đạo binh chó của họ. Nước Bỉ thì từ lâu rồi đã tổ chức ở Congo một sở Cảnh sát đặc biệt có đạo binh chó phụ lực rất lợi hại. Ngoài ra, cũng trong khoảng thế chiến thứ I, họ đã dùng chó trong tổ chức quân y và dùng để kéo nhiều loại súng trong các đơn vị pháo binh.

Trong chiến tranh, chó đã giúp cho quân đội rất đặc lực ở nhiều ngành: liên lạc, vận tải, cứu thương. Người ta thường kể chuyện một con chó tên Von Kluck đã đi 6 chuyến liên lạc giữa một đơn vị đang bị bao vây với Tổng-hành-dinh. Nó phải len lỏi đi dưới trận mưa đạn liên thình và đại bác nổ liên hồi, đến nỗi không thể nào giao sứ



Đạo Binh Chó

mạng độ cho một binh sĩ được. Chuyển đi cuối cùng nó bị trúng đạn ; vết thương ra máu quá nhiều mà cũng cố gắng lết về tới chân viên sĩ-quan có nhiệm vụ gỡ lấy ống thư buộc ở vòng cổ của nó. Một con chó của quân đội Pháp tên Cabot, đang chạy đi liên lạc trên đường bỗng gặp một con chó Đức cùng « nghề » với nó, chạy ngược chiều. Có lẽ biết được lợi hại của cái nghề « bí mật quân sự » này, nó liền nhảy tới tấn công kẻ địch, cắn cổ con này đến tê liệt, nhờ đó quân Pháp lấy được mật tin của Đức.

Loại chó vận tải cũng rất

đắc lực trong việc di-chuyển những cỡ súng lớn ở nhiều trận địa mà xe cam-nhông và ngựa hóa ra vô dụng. Sau những trận đánh lớn mới thấy được công của loại chó cứu cấp : nó tìm được hằng ngàn binh sĩ bị thương, nhờ đó họ được kịp thời chở về săn sóc. Một con chó tên Filose, riêng mình nó đã cứu hơn một trăm người.

Qua trận 14-18, quân đội Pháp có 3.000 con chó bị giết và 4 000 con bị thương. Trong một diễn từ, Đại tướng Maud'huy có dành riêng cho đạo binh chó của Pháp lời nói trung hậu sau đây : « ... những « chú » chó nào

đã báo động cho chúng tôi tránh được những cuộc tấn công bất ngờ hoặc đã cứu nhiều sinh mạng trong quân-đội, chúng tôi xin ngỏ lời : Cám ơn ».

Đến thế chiến 39-45 tất cả các nước có tham dự chiến cuộc đều có đạo binh chó tở chức rất chu đáo. Người Mỹ đã khai-thác triệt để khả năng của binh chó trong các chiến dịch chống quân Nhật ở những vùng rừng rậm. Họ huấn-luyện chó thi hành nhiều công tác mới theo những chiến thuật tân tiến đời nay, như : chó mang vũ khí kè đồ bộ, chó trinh sát để tìm những căn cứ du kích trong các vùng rừng sâu ở Á-Châu.

Người Nga lại huấn luyện chó thành những tên lính chiến đấu dùng để xung phong đánh xáp lá cà, y như chiến thuật của các đạo binh thời cổ. Hơn nữa họ cho chó mang bom hoặc chất nổ trên mình tấn công xe xăng, xe thiết giáp, bằng cách chạy lườn phía dưới xe làm nổ tung lên.

Như chúng ta đã biết ở trên, trong các đạo binh tối tân ngày nay, chó đã đóng một vai trò khá quan trọng, cho nên việc tở chức và huấn luyện chúng nó cũng phải chu đáo như đối với

con người.

Trước khi vào trại các chú chó quân sự này cũng phải qua một cuộc khám sức khỏe đầy đủ và tỉ mỉ, xong, rồi được đưa qua phòng tẩy bỏ chét, ve rận và tẩy sên lại trong ruột. Nó được vô sỏ danh bộ, số hiệu được xăm lên vành tai. Mỗi con đều có một hồ sơ riêng, gồm có : dấu lỗ mũi, tình trạng sức khỏe, tính tình, năng khiếu, các giai đoạn huấn luyện và ngành chuyên môn của nó. Mỗi con giao cho một quân nhân vừa là chủ, vừa là huấn luyện viên. Người này cũng được tuyển lựa kỹ càng : phải có bản tính yêu mến loài chó, có năng khiếu điều khiển và tính nhẫn nại dịu dàng, không đối xử độc ác với chó. Trong trại các chú chó phải trải qua một thời kỳ tập cho quen chịu đựng những tiếng động lạ, những tiếng nổ dữ dội, người ta ghi chú rõ ràng phản ứng của từng con. Sau đó, nó mới học qua những động tác cơ bản : nằm, đứng, bò, nhảy, bắt động, chạy đi tìm, báo hiệu v. v... theo sự chỉ huy. Rồi tùy theo năng khiếu riêng biệt của mỗi con, người ta hướng nó theo một ngành chuyên môn : canh

gát, đi liên lạc, tuần tiễu, tìm mìn, cứu cấp, vận tải và xung phong chiến đấu.

Tùy theo môn, chó cũng được trang bị đầy đủ: vòng cổ, ống đựng thư tín, mặt nạ ngừa hơi độc, dụng cụ cứu cấp giày đai dép nhậy dù...

Hiện nay trong quân đội các nước Tây phương, người ta thường phân đạo quân chó ra làm nhiều « binh chủng » như sau :

1) *Chó chiến đấu*; gồm có :

— Chó trinh sát: đi mở đường cho quân tuần tiễu tiến sâu vào đất địch.

— Chó canh tuần: khám phá những cuộc đột nhập bí mật của địch quân vào căn cứ của ta. Nó chỉ báo tin êm thắm chó không tấn công.

— Chó truy nã: chỉ đánh hơi theo dấu địch quân.

— Chó tìm mìn: chuyên

đánh hơi tìm mìn của địch quân chôn dấu ở trên một vùng đất, hoặc trên đường giao thông, đường xe hỏa.

— Chó phòng vệ: chuyên bảo vệ một địa điểm, không để cho địch quân xâm phạm, chiếm cứ.

2) *Chó cứu cấp*: loại này chuyên tìm những người bị thương còn ẩn nấp hoặc bất tỉnh ở những chỗ rậm rạp hoặc hiểm hóc, nó dẫn đường cho đoàn cứu cấp đến tận nơi mang họ về.

Xưa kia con ngựa đã là một chiến hữu của loài người trên khắp chiến trường Âu, Á, cho đến cái ngày máy móc phát triển, vai trò của nó mới lu mờ đi. Ngày nay, vai trò của con chó lại nổi bật lên, nhưng nếu có cuộc chiến tranh nguyên tử, liệu vai trò của nó còn giữ vững mãi được không?



★ **NHIỀU LẮM**

Một người đi bẫy chim cu-gáy, lúc đi ngang một khu vực nọ, gặp một đứa bé đang đứng chơi, ông ta hỏi nó:

— Này em, ở khu đất này, em có thấy nhiều chim cu-gáy không? Đứa bé thản nhiên trả lời:

— Ồ, có, mà nhiều lắm ạ. Em vừa thấy ở hiệu cao-lâu đằng kia vừa đem về một giỏ đầy đấy.

đừng !...

Đừng cho tâm tư buồn rười
 Đừng cho ý nhớ khơi sâu
 Nếu xuân ngày mai không đến
 Người ơi! còn vạn xuân sau;
 Tình Xuân hôm nay không vẹn
 Xin người lìm kín thương đau
 Nẻo đời đường hoa g thắm thán.
 Tơ tình vương lối mang mang
 Phong trần trót say chân bước
 Đừng cho tâm sự mơ màng
 Nhạc tình dù cho phím loạn
 Đừng buồn một chuyển sang ngang;
 Đi ng cho tơ lòng thôn thức
 Người đi dù đã xa rồi
 Ta còn hương đời ấp ủ,
 Ta còn nhạc khúc ly bôi
 Hãy cho hoa lòng lại nở
 Tình xuân sẽ thắm môi cười.
 Người ơi! mộng đời héo úa,
 Trái oan vương lấy kiếp tầm,
 Trách chi chuyển độ nhân thế
 Gió chuyển lạc lối mệnh mang
 Hôm nay ngược dòng lướt sóng
 Ngày mai sẽ đến bến ngàn
 Hãy cho hoa lòng lại nở
 Tình xuân sẽ thắm lên môi,
 Hãy cho hoa lòng lại nở
 Nhạc xuân rộn rã lòng người.
 Hãy cho hoa lòng lại nở
 Mộng đời đẹp lắm người ơi !!

đơn lẻ

Em đi trên đường vắng
 Củi đầu đêm lá khô
 Nghe lòng mình chìm lắng
 Như tan vào hư vô

Thênh thang lòng đại lộ
 Người con gái vào đời
 Bằng trái tim bé nhỏ
 Bằng niềm sầu đọt côi.

Nhớ cánh đồng tuổi trẻ
 Đồi cỏ trắng như bông
 Đề quên mình đơn lẻ
 Quên phận mình long đong

Trần cuộc đời cay đắng
 Trở về với thiên đàng
 Cửa hai con cò trắng
 Đút mồi cho nhau ăn.

★ **M N HOA-TIM**
 (Giả-định)

★ **HỒNG KHẮC KIM MAI**
 (Đài-tràng — Đà-nẵng)

★ Tu-si
THÍCH-THIỆN-CHÂU
(New Delhi)

KUSINARA

DU KÝ
NƠI
PHẬT
NHẬP
NIẾT
BÀN

ĐÁP tàu Vanarasi — Gorakhpur vào lúc 10 giờ đêm, chúng tôi đến Gorakhpur khi trời vừa sáng, chúng tôi phải sang qua xe Bus đi thêm một đoạn đường dài 54 cây số nữa mới đến Kusinara, nơi Đức Phật Niết-bàn.

Càng về phía Bắc trời càng lạnh. Nắng sớm cuối thu không làm tan nổi một trời sương dày đặc. Bóng hai hàng cây bên đường bao phủ lấy chúng tôi. Tốc-độ của xe càng lúc càng tăng trên khoản đường vắng. Gió theo cửa số

lọt vào quạt lạnh hành khách trên xe. Mọi người đều im-lặng và ra chiều suy nghĩ. Riêng chúng tôi, nỗi buồn thắm thiết của người con mới được phép trở về thăm mộ sau khi được tin cha mất từ lâu, đeo nặng bên lòng từ khi cất bước lên xe. Muốn nói chuyện cho đỡ buồn, nhưng nhìn sang bên cạnh thấy Pasadiko đang lặng nhìn về phía Kusinara, chúng tôi không muốn khuấy rầy thấy, rồi để mặc cho nỗi buồn xâm chiếm.

Xe dừng trước chùa Miên-

điện, tất cả chúng tôi mang hành-lý vào và trú lại đây. Chùa dựng trên một khu đất khá rộng, bên cạnh rừng Sa-la. Ngoài chánh-điện, chùa còn có Tăng-xá, khách-xá, và một trường học năm lớp để dạy cho dân-chúng. Đại-đức Chandamani, người Miên, trú trì chùa này đã hơn 40 năm; người có phước-tướng, đức-độ, trang-nghiêm song giản-dị. Chúng tôi nghỉ-ngoi tại đây đến chiều mới sang rừng Sa-la. Trong thời-gian nghỉ-ngoi, chúng tôi đọc lại tài-liệu về Kusinara và quan-sát cảnh-vật xung quanh.

● Lịch-sử Kusinara

Kusinara là một trong bốn Thành-tích quan-trọng: Lumbini, nơi đức Phật đản-sanh, Tuddhagaya nơi đức Phật thành-đạo, Saranath, nơi Đức Phật chuyên-pháp-luân và Kusinara, nơi Đức Phật Niết-bàn. Sau khi đức Phật Niết-bàn, hai nước Mallas và Vajjians bị chiếm và ghép vào nước Magadha. Khi Đại Pháp-Hiền đến thăm vào đầu thế-kỷ thứ 5, thì chỗ này vắng người và hoang-vu; chùa chiền đều bị đổ nát. Nhưng đến cuối thế-kỷ thứ 5, vị Hari-



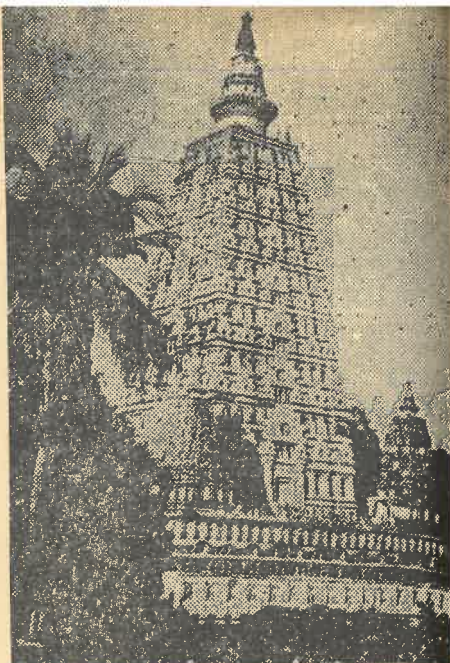
Trụ-độ Ashoka cao 11 thước do vua Ashoka dựng lên trong vườn Lumbini vào 250 trước Tây lịch, chính tại nơi đức Phật giã-giành. Đại-đức Minh-Châu ở giữa, Huyền-Vi ở trái và Pasadiko người Đức.

bala dựng lại ngôi tháp chính. Mãi cho đến năm 1852, Ông Carlyle mới bắt đầu đào tìm nơi chôn cất. Chính ông này đã tìm ra tượng Phật Niết-bàn và sửa chữa lại. Ông đào được xương người cùng đồ vật bị cháy cả trong và ngoài chùa,



↑ Đại tháp Bodhi cao 49 thước, và cây Bồ-đề mà dưới ấy đức Phật đã giác ngộ chơn-lý

Điều nầy chứng tỏ có một tai nạn thịnh-linh xảy ra làm cho những người trong chùa đều bị chêt cháy cùng với chùa. Có lẽ tai nạn xảy ra trong lúc giặc Hồi-giáo đến cướp phá. Công việc đào bới vẫn được tiếp-tục nhưng thường bị gián-đoạn. Cho đến năm 1912 thì dừng hẳn. Vogel và Sastra là hai nhà khảo-cổ chú tâm nghiên-cứu thành tích này. Tỳ kheo Mahabir là người đầu tiên lập một ngôi chùa



Đại tháp Dhamekh trong vườn ↑ Lộc-Uyển, tại Sarnath, nơi đức Phật thuyết pháp tứ diệu đế cho năm thầy Tỳ-Kheo

đề tu tập và lo phục-hưng Phật-giáo tại đây. Sau khi xuất gia ở Tích-Lan, vị nầy đến đây, dựng một chòi nhỏ để ở, rồi ông Zharee giúp đỡ tài chánh để lập một Pháp-xá.

Sau đó Đại-đức Chandhamani tiếp tục công việc. Hiện nay Kusinara tuy ở vào một nơi xa xôi hẻo lánh, nhưng không đến nỗi quê kích. Dọc theo đường đến rừng Sala, ngoài chùa Miên-Điện còn có

chùa Trung-Hoa, Tây-Tạng, pháp-Xá Birla, khách xá của Chánh-phủ và nhiều nhà của thường dân; trường Trung-học ở đây cũng rộng rãi và sạch-sẽ. Đất đai xem rất phì nhiêu. Hoa mầu phong phú. Dân-chúng xung quanh có vẻ thanh lịch hơn các nơi khác. Sự tín ngưỡng của họ không tàn-tạp vì ở đây không có các đền Ấn-giáo. Một số đã qui-y với Tam-bào.

● Các Thánh-tích

Mọi hôm, ở các nơi khác sau khi tới chỗ là chúng tôi tất cả đều hăm hở đến chiêm bái các thánh-tích ngay. Hôm nay ở đây, không ai bảo ai nhưng tất cả đều muốn chậm trễ công việc quan trọng ấy. Qua những bộ mặt trầm ngâm, giọng nói nhỏ lại, chúng tôi nhận thấy tất cả như muốn lẫn tránh sự phải chứng kiến cảnh tượng buồn đau được chứng nào hay chứng ấy. Sau buổi trà chiều, Đại-đức Minh-Châu bảo: « Thôi hề! chúng ta hãy sang rừng Sala! » Khi ấy chúng tôi mới đứng dậy

lây hương đèn và ra đi trong im-lặng.

Chúng tôi đến rừng Sala vào buổi chiều. Cây lá đã sẫm màu. Hoa không còn tươi nữa. Nước trong hồ im lìm in hình ngôi cổ tháp. Những tia vàng yếu ớt không xuyên qua nổi những tầng cây mát lạnh. Gió chiều lay nhẹ những cành Sala. Cảnh vật đượm một mầu u-tịch. Chúng tôi nhẹ nhàng đi qua những dãy nền cũ phai màu ngói gạch, rồi từ từ bước lên chùa thờ tượng Niết-bàn.

● Chùa thờ tượng Phật Niết Bàn

Chùa xây trên một nền gạch cao độ 2 thước, chung quanh là hồ nước, tiếp đó là rừng cây. Lối kiến trúc khác lạ. Mái chùa là một vòng cung nhọn lên ở giữa. Chùa có bề rộng, không sâu, chỉ đủ thờ pho tượng Niết-bàn. Mầu vôi hòa với ánh sáng chiều qua các cửa kính trên nóc tăng thêm phần huyền ảo trong điện Phật. Tượng Phật trong cử chỉ nằm dài, đầu quay về

phương Bắc diện hướng về phía Nam, hai chân ghép lại và chống lên nhau như lúc Đức Phật Niết-bàn. Tượng dài đến 7 thước và được tôn trí trên một bệ đá không cao lắm nhưng dài và rộng. Tượng và bệ đá được tạc ra từ một tảng đá chunnar nguyên. Nghệ thuật điêu khắc nổi tiếng của thợ Mathura làm cho tượng đầy đủ diện tượng biểu lộ được những đức Đại-hùng, Đại-lực, Đại-từ-bi. Như thường lệ, khi đến một thánh tích là chúng tôi tụng kinh cầu nguyện. Đặc biệt ở đây, trong tiếng tụng niệm của tất cả chúng tôi như có một cái gì xót xa não nuột. Có lẽ nhờ im lặng, vì không tụng được tiếng Việt, nên thấy Pasadiko xúc cảm một cách đầy đủ qua sắc tướng lẫn âm thanh. Những tiếng « thít, thít » của thầy hòa với giọng tụng kinh của tất cả chúng tôi tạo thành một Bản nhạc Niết-bàn làm-lý nhưng siêu-thoát.

Thú thật, chúng tôi không dám nhìn lên tượng. Vì cứ nhìn hơi lâu một chút là xao

xuyên trong lòng và hơi hàng nước mắt rùng rùng tuông ra. Cảnh tượng quần quai khóc lóc của Ngài A-Nan và hàng ngàn Phật-tử trước giờ phút phải biệt-ly Đức thầy cao cả cứ hiện rõ ra trong tâm trí chúng tôi. Bấy giờ chúng tôi mới thông cảm được tâm trạng đau xót của ông Tu-bạt Đà-La, người được Phật độ sau cùng, vì không nở thầy Phật Niết-bàn nên đã viên tịch trước Phật. Tụng kinh xong, chúng tôi không tìm thấy thầy Huyền-Vi đâu cả. Thì ra thầy đang ngồi ngoài sân, nơi một góc tường cũ, mặt cúi xuống, hai tai đỏ lên. Biết thầy đang bị cảm xúc mạnh, chúng tôi không dám kêu và để cho thầy tự nhiên với nguồn xúc cảm thiêng liêng.

● Tháp Mahaparanirvana

Lễ Phật xong, chúng tôi tất cả ra ngoài và đi nhiều chung quanh tháp Mahaparanirvana. Tháp nằm về phía đông, chính nơi Đức Phật

Niết-bàn. Bộ lạc Mala xây tháp này để tôn thờ phần ngọc Xá-lợi mà họ được chia. Tháp hình tròn không cửa, đường kính độ 8 thước. Khi Ngài Huyền-Trang thầy thì tháp cao hơn 50 thước, nay chỉ còn độ 15 thước. Ba tháng trước khi nhập Niết-bàn, Đức Phật nói với Ngài A-Nan, ngài sẽ nhập Niết-bàn và bảo Ngài A-Nan lựa khu rừng thuộc bộ-lạc Mala này làm nơi xả bỏ xác thân vật chất của Ngài. Ngài A-Nan rất ngạc nhiên vì không hiểu tại sao Đức Phật lựa chỗ xa vắng và ít đệ-tử để nhập Niết-bàn. Vì chưa chứng A-la-hán nên Ngài A-Nan không hiểu được tôn-ý của Phật. Theo chúng tôi có lẽ vì không muốn nhiều đệ-tử phải buồn khổ khi phải chứng kiến cảnh

biệt-ly giữa thầy trò nên Đức Phật không muốn Niết-Bàn ở những thị tứ, nơi đông đệ-tử như thành Vương-xá, Bala-nại, Xá-vệ, v.v... Để tránh những xúc cảm, buồn tiếc đang trào dâng, chúng tôi vừa đi vừa suy nghĩ lời của ngài Anurudha nói với Ngài A-Nan khi ngài A-Nan khóc lóc: « Này A-Nan và các sư huynh! Đức Thế-Tôn không phải chết mà ngài đi vào một nơi an nghỉ thường lạc của thợ và tướng ». Một điều nữa làm cho chúng tôi suy nghĩ nhiều là Đức Phật sanh ra dưới gốc cây Vô-Uu, đặc đạo dưới gốc bồ-đề, chuyên pháp luân trong vườn Lộc-Uyển và nhập Niết-bàn cũng ở dưới những cây Sa-la. Ôi! cao đẹp thay đức giải-thoát của đấng Từ-Bi.

(còn nữa)

★ ĐẬP CHO CHẾT VI TRÙNG

Tân. — Này, tại sao người ta khi phơi nệm xong lại hay lấy gậy đập thật mạnh để làm gì nhỉ?

Hợi. — Thật đúng đấy là thẳng ngọc, người ta đập như thế cho chết vi trùng chứ còn làm gì!

— !!



vội - vàng

★ THANH - NHUNG

(trong Tao-đàn Bạch-Nga)

★
CON gió mùa đông đem về rét mướt
 Chiếc áo choàng không đủ ấm tâm-hồn.
 Đường phố xôn xao biển người xuôi ngược,
 Cuộc sống tung bừa gây nổi cô-đơn.

★
 Từng dãy nhà cao giam cầm tư-tưởng,
 Tâm trí vờn theo máy móc vô tình ;
 Vực nhớ Nha-Trang biển trời bốn hướng
 Mỏi mọc linh-hồn dẫn bước phiêu-linh.

★
 Người nối người xô nhau về cuối phố,
 Đua với thời-gian, thiên-hạ vội vàng.
 Thương nhớ làm sao những chiều năm cũ,
 Đường vắng què nhà đếm bước thênh thang.

★
 Xếp cất vào rương hai tà áo mỏng
 (Đôi cánh ngày xưa gieo mộng dọc đường).
 E bước vội vàng đi theo nhịp sống
 Làm túi linh-hồn chiếc áo què hương.

★
 Với nón nghiêng nghiêng đi vào nắng hạ
 Áo thướt-tha bay hẹn với mây ngàn
 Thời hết — giờ đây mắt nhìn vội-vã,
 Theo gót muôn người đuổi bắt thời-gian.

Tokyo, III-63



kêu gọi

★ TRẦN-TUẤN-KIỆT

(trong Tao-đàn Bạch-Nga)

★
 Hỡi bình-minh ơi
 Xuống nâng hồn tôi lên trên vực đời
 Hỡi bình-minh ơi
 Một ngày huy-hoàng người đến thăm tôi
 Nơi đây ánh sáng gột giầy tuôn rơi
 Nơi đây tỏ rạng tiếng reo cười
 Hỡi bình-minh ơi
 Người ru ta lên vông đời muôn năm xưa
 Ta nằm du-dương
 Hồn người bàng khuâng như mây xoay văng
 Lòng ta bao la
 Sầu đưa muôn xưa trĩu nặng trăng tà !
 Bình minh ơi
 Người xuống nâng hồn tôi lên trên vực đời.
 Theo sóng nhạc thiêng-liêng
 Dồn dập vô biên
 Bình minh là một nàng tiên
 Du ta lên trên vực đời
 Ta không muốn nghe
 Tiếng hồn trong gió loạn
 Ta không muốn nghe
 Người khóc bên lề
 Ta không muốn thấy
 Những bước chân què bên đường tê tái,
 Du ta lên mãi
 Dù trời hoang mang dù mây tan dù tháng năm
 điêu tàn !
 Hỡi bình minh tươi thắm
 Ta nương theo cánh người bay xa ngàn vạn dặm
 Ta nương theo tình người vươn lòng ta mở rộng
 Hỡi bình minh ơi
 Lùa theo hồn tôi
 Bên cánh dương rú
 Sương rơi
 Điều lòng thêm áo nảo
 Có người mẹ già
 Ngồi gạt lệ rơi
 Bên đời thông hía sương gió toi bời
 Có người cô phụ

- ★ Ngồi giữa mù sương cúi đầu thắm thương
Mái tóc quê hương phát phơ u buồn
Có đàn trẻ nhỏ
Tay choàng hư không
- ★ Bình minh ời ru hồn ta hiền diệu
Du lên chơi vơi
Mà muôn thu rồi
Hồn ta
Chìm giữa vực đời
- ★ Mà muôn thu rồi
Trời thêm sương rơi
Hỡi bình minh ời.



Gục đầu bên mộ mẹ

★ MINH-ĐỨC

(trong Tao-dân Bạch-Nga)

- ★ Gục đầu bên mộ mẹ
Nước mắt chìm tha ma,
Lựa tâm hồn ai xé
Kính cầu ai ngân nga.
- ★ Lòng ta hằng mơ ước
Có hôm nao được về,
Con tàu xuôi bến nước
Hân hoan vang tình quê.
- ★ Mẹ ơi, ngày ấy đến
Người không cho ta về
Những người chưa yêu mến
Những lòng chưa say mê.
- ★ Lòng họ làm bằng thép
Tim họ vấy bùn nhơ
Vui cuộc đời gương ép
Chà dằm bao giấc mơ
- ★ Nghiến răng kìm căm tức
Lang thang chiều tha ma
Quên làm sao u uất
Người làm sao xót xa!
- ★ Gục đầu bên nấm mộ...
Mẹ ơi con không về
Chuông nhà thờ ai đổ
Ai nghe buồn lẻ thê...

(Paris - 1963)

BẢN TUYÊN NGÔN CỦA TAO-DÂN BẠCH-NGA
sẽ đăng trong Tạp-chí PHỒ-THÔNG
Số Đặc-Biệt Trung-Thu 1963

18. - Sáu bà vợ của

ANH-HOÀNG

HENRI VIII

3. - Jane Seymour

● Người vợ hiền lành nhất lại chết sớm

(Tiếp theo P.T. 102)

ANNE de Boleyn bị chặt đầu xong thì ngay hôm sau Henri VIII vội vàng cưới người vợ thứ ba, Jane Seymour, lúc bấy giờ ông đã 42 tuổi, mà không hề có một chút ân-hận. Hơn nữa, nhà Vua cho rằng giết Anne de Boleyn tức là rửa được vết nhơ của Ngai vàng, tránh được cho Vua một hiềm-họa lớn lao.

Bây giờ ông cần yên tĩnh, và chính Jane Seymour là người đàn bà thuần hậu, và yên-tĩnh ấy. Bà Hoàng-Hậu thứ ba này không đẹp, nét mặt lại khờ khạo, chẳng biết làm gì cả, nhưng được cái nhu-mì, nhân-nại, triệt để tuân theo ý Vua, cho nên Vua

bằng lòng. Ngày 12-10-1537, Jane Seymour lại sinh cho Vua một đứa con trai mà Vua hằng mong ước, tên là **Edouard**. Mười năm sau, Hoàng-tử Edouard lên nối ngôi Cha lấy niên hiệu là **Edouard VI**, nhưng chỉ được 6 năm rồi chết vì bệnh ho lao.

Còn hoàng-hậu Jane Seymour, sinh con được mười hai ngày thì từ trần, 24-10-1537. Thế là người vợ thứ ba, hiền lành nhất, chỉ ở với vua được hơn một năm. Henri VIII đau đớn vô cùng, vội vàng kiếm người vợ khác để an-ủi cho cuộc đời bạc phước của mình.

4.— Anne de Clèves

● Người vợ thứ tư cũng bị « cho về vườn » nốt

HENRI VIII đã 42 tuổi. Cả Âu-Châu đã đồn đãi ông là một ông vua « Sát-thê ». Ba Hoàng-hậu, một bà bỏ trốn, một bà bị chặt đầu, một bà chết yểu. Ông quyết định lập lại gia-đình và chọn một người vợ thật vừa ý. Nghe Đại-sứ ở Ý báo cáo rằng công-chúa Christine de Milan đẹp lắm và ngoan lắm, Vua phái người đến cầu hôn. Nhưng Công-chúa trả lời: « Nếu tôi có hai cái đầu, thì tôi xin sẵn-sàng dâng lên Vua Henri

VIII một cái. » Nàng Công Chúa tỏ ý sợ qua làm Hoàng-hậu nước Anh sẽ bị Vua Henri VIII chặt đầu như Anne de Boleyn, nên công-chúa vội vàng thoái-thoát.

Thủ-tướng Thomas Cromwell đề nghị một người đàn bà khác: **Anne de Clèves**, em gái của Quận-công de Clèves, nước Đức, là người có uy-tín rất lớn đối với tình hình nội trị của Đức quốc.

Nghe Thomas Cromwell khen Anne de Clèves là một bậc giai nhân tuyệt diệu, Vua Henri VIII

phái Họa-sĩ Holbein sang Đức để vẽ chân-dung của nàng đem về cho Vua xem. Sự thật thì Anne de Clèves là một người nhan-sắc rất tầm thường, vô-duyên, mặt mũi xấu-xí tay chân cục-mịch. Đôi mắt hí, nước da tái mét, mặt đỏ, mũi kỳ-lân, bộ đi như đàn ông, cử-chỉ thô-kịch như một kẻ tôi tớ. Nhưng họa sĩ Holbein ăn tiền hối-lộ, vẽ dung nhân của công-nương de Clèves như một mỹ-nhân yêu-khieu khả-ái.

Vua Henri VIII xem hình vẽ, hoàn-toàn ưng thuận. Lập-tức nhà Vua sai sứ sang Đức để rước vị hôn-thê.

Anne de Clèves sang Anh, được vị Hồng-Y Giáo-chủ của Giáo-phái Anh-quốc là Cramner, đại-diện Anh-Hoàng, cùng với năm vị Giám-mục, ra bến tàu để chào đón Tân Hoàng-hậu, một buổi chiều tháng giêng năm 1540.

Nhưng, than ôi, đến khi Anne de Clèves được đưa về Cung điện để diện kiến cùng Vua, thì Henri VIII cau mày, thất vọng. Vị hôn-thê xấu quá chẳng giống một tý nào với bức vẽ của họa sĩ Holbein. Nhà Vua tỏ vẻ bất bình và khinh ghét. Vua tức giận bảo với Thủ-tướng Thomas

Cromwell: « Cùi lắm! cô nương cùi lắm! Người ta lừa gạt trăm! Trăm không lấy cái con quỳ ấy đâu! »

Thủ-tướng Cromwell muốn tìm cách bình vực Anne de Clèves, nhưng Henri VIII nhấn mặt bảo:

— Các người phỉnh gạt trăm! Không đời nào Trăm chịu lấy con ngựa-cái của nước Đức ấy đâu!

Vua bỏ đi. Lúc Anne de Clèves chưa đến và Vua còn chờ đợi nàng, thì Vua có đề sẵn một chiếc áo măng tô đắt giá bằng Zibeline định để tặng tân Hoàng-hậu. Nhưng khi Vua thấy mặt Anne de Clèves rồi, Vua bỏ đi, và đem cắt luôn chiếc áo măng-tô, không cho cô nàng nữa.

Cả Triều đình đều nhôn nhao lo ngại. Nếu nhà Vua quyết định tống cổ công-nương de Clèves về Đức, thì gia đình rất có thể lực của nàng sẽ vận động các trào đình Âu-châu để chống lại Vua Anh. Thủ-tướng Cromwell theo năn-ni nhà Vua không nên có hành động nóng-này có thể chạm lòng tự-ái của các giáo-phái lutheriens ở Đức, mà Quận-công de Clèves là người có thế-lực đáng kính-nể của



Đây là chân-dung của Anne de Clèves, do họa-sĩ Halbein vẽ. (Bảo tàng viện Louvre)

Và thực-tế, bà vợ thứ tư của vua Henri VIII, Hoàng-hậu Anh-quốc, xấu xí hơn nhiều, và mặt rỗ, nét thô như đàn ông.

phái này. Sự từ chối của Anh hoàng không cưới Anne de Clèves sau khi đã ưng - thuận rước nàng về Anh-quốc, là một hành-động xác-xược vụng-về, có thể gây ra nhiều rắc-rối ngoại

giao giữa nước Anh và các nước Âu-châu theo giáo phái Luther.

Vua Henri VIII đành phải nghe lời Thủ-tướng Thomas Cromwell, tuy trong lòng ông rất tức giận Thủ-tướng là người đã mưu-mô đề-cử Anne de Clèves làm Tân Hoàng-hậu.

Hôn-lễ được vua chấp-thuận và cử-hành 3 ngày sau khi Anne de Clèves đến London, nhưng vua ra lệnh làm đám cưới rất sơ-sài, cấm tất cả các cuộc liên-hoan, bãi bỏ mọi sự đón rước linh-đình, và không cho chuông các nhà thờ đổ báo tin mừng.

5 tháng sau, Vua ly-dị với Anne, cho nàng một số tiền và hai lâu đài ở Richmond bắt nàng đến trú ẩn nơi ấy.

Còn Thủ - tướng Cromwell, thì vua truyền lệnh bắt giam trong Tháp London vì tội phản-bội, và bị xử chặt đầu ngày 28 tháng 7 (năm 1540)!

(còn nữa)

★ Charles Quint.— Trong bài trước P.T. 101 trang 61, chép nhầm Charles Quint, Vua nước Pháp. Xin sửa lại: Charles Quint, Vua nước Đức.

DU
HỌC
TẠI

TOKYO

(Tiếp theo P.T. 102)

VÀI ngày sau, kẻ mới đến quen dần khung cảnh. Nhìn cư xá, tòa nhà ba tầng bê tông cốt sắt, ống khói vươn lên trời, sân thượng chằng chịt dây ăng-ten radio và vô tuyến truyền hình, phía trong trang bị đầy đủ điện, nước nóng, nước lạnh đun bằng máy, phòng ăn rộng lớn, người sinh viên du học thấy mình được săn sóc mọi mặt từ chỗ học đến chỗ ăn

ngủ, đồ đạc trong buồng, mọi thứ đều được cung cấp đầy đủ. Chương trình học bổng và sự tổ chức của chính phủ Nhật trong việc tiếp đón sinh viên ngoại-quốc thực hoàn hảo. Tiền buồng, điện, nước, v.v... tất cả phải trả hai ngàn yen. Dù mới tới cũng có thể hiểu rằng giá đó rất rẻ so với số học bổng hàng tháng hai mươi lăm ngàn. Vấn đề chỗ ăn, chỗ ở không làm bận tâm như sự dự tính ở nhà nữa. (Sau này nếu ai ra ngoài ở trọ với gia-đình người Nhật sẽ

★ Nguyễn-Bá-Thuận

(The Foreign students' house
Tokyo - Japan)

được cấp thêm vào khoảng ba ngàn yen nữa). Tuy nhiên ở cư xá rất vui. Sinh viên từ bao nước đến, cùng ăn tại một buồng ăn, cùng học tại một «Lưu

học sinh khoá trình » sự hiểu biết, thân thiện này nở. Những sinh viên Ấn-độ, Hồi-quốc, Ceylan nói anh ngữ như nửa bay gió cuốn theo tốc độ của tiếng mẹ đẻ. Những sinh viên Đài-loan, Tân-gia-ba, Mã-lai đàm thoại líu lo bằng Hoa ngữ. Những sinh viên Phi-luật-tân hãnh diện với trình độ anh ngữ, đặc biệt có những anh chàng Thái-lan mặt mày trông đến ngây thơ, nhiều khi có pha máu Trung-hoa, tiếng anh chẳng mấy chữ mà liến láu suốt ngày... Người sinh viên mới không nghe quen tiếng anh pha lẫn ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ của các bạn ngoại quốc hay đôi chút kém về Anh-ngữ cảm thấy mình phải cố gắng nhiều hơn nữa. Pháp ngữ ở đây ít được dùng trừ khi một sinh viên Việt-nam gặp một anh bạn nước láng giềng Cambodge hay Lào.

Có thể sau khi đến Nhật năm ba ngày sinh viên phải đi học ngay. Chủ Nhật, ngoài những ký hiệu phát âm riêng katakana và kiragana còn có Hán-tự, nhiều khi cả ba lẫn lộn trong một câu văn. Sinh viên sẽ tiếc vì hồi ở trung học đã không để ý gì đến Hán-tự. Từ chỗ ở đến chỗ học

của sinh viên tại Chiba cần chừng ba phút xe điện, của sinh viên tại Tokyo lâu hơn bốn mươi lăm phút. Một tuần hai tuần trôi qua. Sinh viên mới có thể có vài nhận xét về Nhật. Người Nhật hiếu khách nhất là với những người màu da khác hẳn da dân Nhật thí dụ đen, nâu hay trắng. Có thể một lần nào đó sinh viên du học sẽ được xin chữ ký khi đang đi xe điện bởi một cậu hay cô học trung-học. Lý do giản dị: Họ muốn có chữ ký của người « ngoại quốc ». Phần đông dân Nhật lăm li, nhất là con trai Nhật, với cặp mắt một mí, khuôn mặt họ khoác vẻ u uẩn nhiều khi trông đến khó chịu. Dân Nhật đủ ăn nhưng phải làm việc rất vất vả, thí dụ một cô đứng bán hàng cho một cửa hàng Bách Hóa lịch sự vô cùng ở trung tâm Tokyo, lương tháng vào khoảng mười một, mười hai ngàn đồng. Tuy nhiên nhờ khung cảnh, những tài sản công-cộng như những nhà ga, khu phố tráng lệ, giá kỹ-nghệ phẩm hạ, họ thấy đời tươi đẹp nhiều. Xe điện chạy trên mặt đất, chui xuống dưới hầm, đường sắt, giầy điện chẳng chịt hơn lưới nhện. Không xó xỉnh nào

của Tokyo mười triệu dân không có điện và nước. Tokyo rộng quá sức, không thể nào rõ đường được. Xe điện quá là khủng-khiếp cứ năm, bảy phút lại có một chuyến kéo chừng mười toa. Đường xe buýt không cơ man nào mà kẻ. Bao nhiêu kết quả trên đều do sự cố gắng không ngừng của dân Nhật đã làm người Âu-châu kính nể. Khu bán kỹ-nghệ phẩm hấp dẫn nhất đối với sinh-viên ngoại-quốc có lẽ là khu Akihabara: Đồ-điện và Radio, vô tuyến truyền hình. Những chiếc radio transistor đủ loại từ hai ba ngàn đến mười ngàn, hai mươi ngàn, Tape recorder từ bảy, tám ngàn đến tám chục, một trăm ngàn yen, télévision cũng thế. Những thứ này ở quê nhà bạc ngàn, bạc vạn cả. Lắm nhằm tính số học bằng hàng táng hai mươi lăm ngàn, tiền mua cái này, cái khác... dần dần sau nhiều kinh nghiệm mua bán, sinh viên sau mỗi năm biết được giá-trị của đồng YEN, không còn phải nhằm sang đơn vị tiền Việt nữa. Tiền ăn thế mà đắt, chiếm gần nửa số học bằng, tiền sách vở, giải trí, tiền buồng, tiền đánh khi đau ốm... trăm bốn tiền đồ lên sự tính toán của kẻ xa

nhà. Tuy nhiên nếu ăn tiêu vừa phải thế nào cũng đủ.

Lâu dần, càng ngày càng đi sâu vào sinh-hoạt của xứ người. Các kỳ nghỉ hè đến. Ở Nhật các kỳ nghỉ chia làm ba: nghỉ hè, nghỉ đông và nghỉ xuân. Trong các kỳ nghỉ, sinh viên ngoại quốc được mời đi thăm phong cảnh Nhật-Bản. Có những chuyến lặn tận miền Bắc Hải Đạo (Kokkaidō) lạnh lẽo, có chuyến xuôi Cửu-Châu (Kūshū) Tứ Quốc (Shikoku) xa xôi. Càng đi càng thấy ở Nhật tắc đất là tắc vàng, không chỗ nào không có nhà cửa, điện nước, dù cheo leo trên miền núi, bát ngát trên cao nguyên hay tại các vùng biển xanh, cát vàng. Càng đi thăm cảnh ngời lại càng nhớ đến quê hương yêu dấu. Những phong-tục, những đặc điểm được thế-giới ca tụng nhiều khi quá đáng làm du học-sinh thất vọng không ít. Sinh-viên ngoại quốc thường mệt mỏi khi phải chứng kiến nghi thức của « Trà đạo ». Nhiều người nóng nảy cho rằng sở dĩ « Trà Đạo » được ca tụng cũng là nhờ kết quả của nghệ thuật quảng cáo. Nghi thức pha thực công phu nhưng cách thức không công phu tí nào.

Trà được nghiền thành bột, màu xanh. Sau những cử chỉ lau chén, rót nước cầu kỳ bột đó được quấy lộn lên cho tan vào nước sôi, khi uống, chén trà lộn cợn cặn, chát và không mùi vị. Càng nghĩ, càng nhớ tới bình trà Tàu thơm ngon của các cụ già hay những bát chè tươi của người bình dân bên nhà. Từ những chuyện nhỏ nhặt ấy, người du học chỉ còn biết chép miệng than. Nước người hùng mạnh, về kinh tế, cái gì làm thường nhất cũng có thể trở thành đặc điểm, chỉ vì một phen thất sách mà giờ còn cam phận làm dân nhược tiều. Không dám nghĩ nhiều vì sợ mắc tội « yêu dĩ vãng » của người đa vàng, người du học im lặng và quay đầu vào bài vở, thực tập nhất định sau này lập xưởng nhỏ, xưởng lớn cho kỹ nghệ nước nhà...

Những buổi rỗi viết thư về nhà, càng viết càng thấy nhớ gia đình, quê hương. Tết qua rồi, tháng tư này lại đi đón anh em, những khuôn mặt mới « ngờ ngác » ở phi trường. Những thân thể còm cõi đúng hiệu học trò kia thế nào cũng cong lại dưới sức nặng va-li gồm đủ màn, chăn dạ như những người đi trước,

rồi thế nào họ cũng sẽ lập lại những cảm nghĩ như những cảm nghĩ của kẻ đi trước không ít thì nhiều. Tokyo hàng ngàn chuyện đáng nói, từ những học giả ăn mì Soba bốn mươi lăm yen (4\$5 tiền Việt) đến các ca sĩ phòng trà tốt nghiệp đại học hay những tay anh chị xóm Shinjuku, Shibuya... Từ sinh hoạt đến giáo dục bao nhiêu chuyện không thể viết hết được.

Tuy Tokyo là Kinh Đô Ánh sáng Phương Đông đầy hấp dẫn nhưng sinh viên Việt-Nam ít người phải bận tâm đến sự quyến rũ ấy cả. Họ nhìn về tương lai với cặp mắt vùng lên của dân Nhược tiều. Họ tập chăm chỉ và luyện tập thân thể cho cường tráng là chương trình hàng ngày của anh em bên này. Nếu ngày nào các bạn trẻ có ai sang bên này du học xin hãy trau dồi Anh ngữ để nói chuyện với sinh viên các nước, Hán-tự để học Nhật ngữ, luyện tập thân thể cho cường tráng để chịu đựng mọi thử thách lúc xa quê hương. Xin nhấn mạnh rằng thân thể gầy ốm không được dân Nhật ưa chuộng lắm.



nếu biết

*Nếu biết ai kia vẫn hững-hờ
Thì tôi có lẽ chẳng làm thơ.
Buồn ôi vương-vấn vào tâm-khảm
Cho mắt nhưng êm ứa lệ mờ...*

*Tôi khóc duyên tôi sớm bẽ bàng
Đời tôi chất chứa vạn màu tang
Chao ôi dang-dở, buồn ghê nhỉ!
Buồn chỉ riêng tôi mấy kẻ màng?*

*Có kẻ âm-thầm ngắm bóng tôi
Mà nay xa-cách quá đi thôi
Người đi sao chẳng ngày quay lại?
Thầm trách duyên mình bạc quá vôi!*

*Tôi biết rồi đây khổ lụy nhiều
Tim non rạn nứt cũng vì yêu
Người đi lưu-luyến chi tình ấy
Đã chết từ đây mỗi buổi chiều.*

★ **TÔN NỮ THỦY NGÀ**
(Ni. h-hòa)

MỘT SỨ ĐỒ CỦA HÒA BÌNH

GIÁO HOÀNG

★ *Thiếu-Sơn*



BÂY giờ việc thử bom nguyên tử không còn làm cho người ta chú ý vì nghe thét đã nhàm tai.

Hơn nữa nghe thử bom nguyên tử khiến người ta liên tưởng đến cảnh chiến tranh, đến

sự chết chóc, đến ngày tận thế khủng khiếp và thảm đạm vô cùng.

Bởi thế nên bức thông điệp của Đức Giáo-Hoàng Jean XXIII được thiên hạ tiếp đón như một cơn mưa sau những ngày đại hạn, như một ngọn gió mát sau những lúc oi ả mùa hè.

Đức Giáo-Hoàng nói lên tiếng nói hòa bình giữa một bầu không khí chứa đầy thuốc nổ và phóng xạ. Ngài lên án chiến tranh, kêu gọi cấm vũ khí nguyên tử, giảm lần số vũ khí tồn trữ và thực hiện một thỏa hiệp tài binh quốc tế có sự kiểm soát hữu hiệu lẫn nhau. Ngài yêu cầu các chính phủ triệt-đề tôn trọng chọn lý, công lý và tình thương hơn loại. Ngài làm sống lại tinh thương ở con người và tạo nên một không khí hòa bình để đánh tan những mầm chia rẽ, nghi kỵ và cừu-thị lẫn nhau của nhân loại lúc này. Cũng những lời đó một người khác nói ra không ai thêm đề ý. Nhưng Đức Giáo-Hoàng là đại diện của Chúa, là người

JEAN XXIII

lãnh đạo tối cao của 500 triệu người công giáo, là một nhân vật có uy-tín vào bực nhất trên thế-giới thì những lời nói của ngài có sức nặng nguyên tử trong thời-đại nguyên-tử của chúng ta.

★

Chính bởi thế mà ông Tổng thư-ký Liên-Hiệp-Quốc đã tỏ ra rất hài-lòng khi đọc bức thông-điệp. Ông nghiên-cứu kỹ-càng và công-bố một bản tuyên-ngôn đề ủng-hộ những lời vàng ngọc của Giáo-Hoàng. Một không-khí cởi mở tỏa ra khắp hoàn-cầu, trong khắp các chủng-tộc, các màu da, trong những người công-giáo hay những người ngoại-đạo, trong thế giới tự-do cũng như ở bên kia bức màn sắt.

Tuy nhiên cũng có một luồng dư-luận tỏ ra thắc-mắc âu-lo. Từ London Daily Mail tiết-lộ rằng trong chánh giới Mỹ có nhiều người e-ngại rằng lập-trường triệt-đề chống cộng của công-giáo sẽ giảm bớt và lập-trường

của Tây-Phương trong chiến-tranh lạnh có thể bị suy-yếu.

Nhưng mỗi lo ngại đó rồi cũng bị đánh tan trong bầu không khí hân-hoan mà Đức Giáo-Hoàng đã tạo nên cho thế-giới.

Hơn nữa chính Ngài đã nhấn mạnh rằng tinh-thần công-giáo không dung-nạp được lý-thuyết Cộng-sản cũng như từ trước đến nay biết bao nhiêu tư-tướng và học-thuyết đã nghịch với giáo lý của Nhà Thờ. Nhưng không phải vì những sự khác biệt đó mà con người phải thù ghét con người mà không thể chung sống hòa bình trên Thế-giới. Chính trong hàng ngũ những người thờ Chúa đã xảy ra những chia rẽ nghiêm-trọng gây nên những cảnh tương tàn tương sát đẫm máu trong lịch-sử và còn áp-ủ mầm chống đối cho tới ngày nay. Hiện nay còn có 170 triệu tín-đồ chánh-thống ở Nga, ở Thổ và ở Hy-Lạp, 250 triệu tín-đồ Tin-Lành, 70 triệu Tín-đồ Anh-

quốc-giáo (Anglicans) và những giáo-phái linh-tinh khác nữa.

Giáo-Hoàng Jean XXIII gọi tất cả là những người « anh em ly khai » (les frères séparés) và muốn gây lại cảnh đoàn-tụ trùng-phùng. Ngài thường nói với những anh em ly khai đó như vậy :

— « Các anh hãy đến thăm chúng tôi. Chúng tôi sung-sướng mà được nói với các anh : đây là nhà của chúng tôi, nhà của các anh, tòa nhà cổ của ông cha các anh và cũng là ông cha của chúng tôi. Chúng ta lại trở lại với đơn-ly cổ-truyền theo lời nói của Chúa : một đoàn trừu và một người chăn. »

Những lời nói thân-ái như thế làm cho những anh em ly-khai phải nhớ tới nguồn gốc của họ, nhớ tới vị Giáo-Hoàng đầu tiên là Thánh Pierre mà phần mộ còn nằm bên tòa Thánh Vatican. Lúc đó chỉ có một đoàn trừu thống-nhứt và một người chăn duy-nhứt, khác hẳn với cảnh ly-tán và xung-đột như ngày nay.

Nhưng gia-đình một ngày một sanh sôi nẩy nở, anh em ruột thịt cũng có phùng tư-

tướng bất đồng. Họ gây lộn nhau rồi họ dọn nhà đi ở riêng. Họ là anh em một nhà mà họ thù nhau hơn người dưng, nước lã.

Đức Giáo-Hoàng biết rằng không thể gây lại được cảnh đoàn tụ thật sự sau bao nhiêu ly tán nhưng ngài muốn tạo nên một bầu không khí hòa-ái để đánh tan những mối hận thù và kỳ-thị.

Và Ngài đã thành công được một phần lớn khi mở Đại-Hội Công Đồng ở Tòa Thánh năm qua.

Trong số Phêrô Thông đặc biệt Noël tôi đã nói tới bài diễn văn khai mạc Đại Hội của Đức Giáo-Hoàng.

Chính Krutchev nghe bài diễn văn đó rồi cho phép hai đại diện giáo phái chánh-thống của Nga qua Vatican tham dự với tư cách quan sát viên. Không khí cởi mở của đại hội và thái độ hòa ái của Giáo-Hoàng đã chinh phục hai đại diện của phái chánh-thống và hầu hết đại diện của « anh em ly khai » từ 4 phương trời kéo về tòa nhà hương-hỏa.

Do chính miệng Đức Giáo-Hoàng hay do những vị đại diện

có thẩm quyền của Ngài, người ta đã được nghe những lời nói như sau :

• Đại Hội Công Đồng không làm ra đề chống một ai cả.

• Nhà Thờ không bắt buộc ai phải chấp nhận lý-thuyết của mình. Nhà Thờ cũng không liên minh với một kẻ nào trong một cuộc tranh đấu.

• Tất những sự khác biệt phát khởi trong một thời đại mà những dân tộc trưởng thành phải xung đột với nhau để khuyếch loát lẫn nhau. Bây giờ chính là lúc chúng ta ở giữa một bầu không-khí cộng đồng.

Giáo-chủ Athenagoras của phái chánh-thống ở Thổ-nhĩ-kỳ đã tuyên bố :

— Không có gì ngăn cách chúng tôi với La-Mã. Cùng một kinh phúc-âm, cùng một đức tin, cùng một truyền-thống, cùng những thánh-lễ như nhau.

Nói về Đức Giáo-Hoàng, Giáo-Chủ nói :

— Chúng tôi sanh ra để bắt-túc cho nhau.

Mục-sư Boegner, chủ-tịch Liên-Hiệp Tin-Lành ở Pháp tuyên bố :

— Đại-Hội Công-Đồng ở

Vatican là một biến cố trọng-đại.

Tướng de Gaulle cũng nhìn-nhận « Công-Đồng La-Mã là biến cố lớn nhất của Thế-kỷ ».

Bức Thông-diệp 20 000 chữ mới đây của Giáo-Hoàng chính là đề xác-định lập-trường của Tòa-Thánh là loại-trừ mọi biên-giới, không phân-biệt ai hết và dang tay ôm lấy tất cả mọi dân-tộc vì Ngài cho rằng Hòa-Bình là một ơn lành của chúa-ban cho tất cả mọi người không phân-biệt một ai.

Ngài còn cầu-nguyện cho những nhà lãnh-đạo quốc-gia có đủ sáng-suốt để góp sức xây-dựng Hòa-Bình cho Nhân-loại.

Trước kia Tòa-Thánh thường bị coi là nơi trú-ân của những tư-tướng bảo-thủ. Bây giờ Tòa-Thánh là một ngọn hải-đăng để soi rọi cho nhân-loại thấy rõ hướng đi trong khi họ đã bắt đầu cuộc thám-hiêm không-gian ở bên kia thế-giới. Họ chưa đặt chân lên được ở một vị tinh-tú nào mà họ đang muốn làm nổ tung trái đất. Đức Giáo-Hoàng chỉ cho họ thấy con đường họ phải đi để bảo-vệ Hòa-Bình cho Thế-giới.

Ngày 28-10-1958, đức Hồng-Y Roncalli được lên ngôi Giáo-Hoàng thì Ngài đã được 76 tuổi. Ngài là vị Giáo-Hoàng thứ 262. Xuất thân ở một gia đình nông - dân tại Bergame (Ý), Ngài rất dễ dãi, khoan-hồng, vui-vẻ và tử-tế với mọi người. Ngài được giới bình dân gọi là « Bác Jean » và không từ chối danh từ thân-mật đó. Trước ngày lên ngôi Giáo-Hoàng, ngài một mình tới thăm một trại mộc của Tòa Thánh. Ngài nói : « Làm việc này chắc là mau khát. » Rồi Ngài mua rượu chát đãi hết thầy mọi người.

Sau buổi lễ Noel đầu tiên khi lên ngôi Giáo Hoàng, Ngài lần mò tới thăm một trại giam.

Trong suốt 90 năm trại giam này chưa bao giờ được tiếp một ông Giáo-Hoàng. Ngài nói với mấy người tù :

— Các anh không thể đến thăm tôi. Nên tôi phải đến thăm các anh.

Ngài nói chuyện thân-mật với họ và làm cho họ cảm động vô-cùng.

Ngài yêu-cầu sửa đổi những phong-tục lỗi-thời và những lối-xung-hô phong-kiến. Báo *Observa ore romano* là cơ quan

của Tòa Thánh vẫn quen viết : « Chúng tôi đã tiếp đón ở cấp môi trường nghiêm của Đức Thánh Cha những lời này... » Ngài yêu cầu sửa lại như vậy : « Giáo-Hoàng đã nói rằng : »

Từ trước đến giờ Giáo-Hoàng phải ngồi ăn riêng đã thành lệ. Jean XXIII thích ăn chung với nhiều người. Mới đầu ngài không cãi. Nhưng một tuần sau Ngài phán :

— Tôi đã thử trong một tuần lễ và thấy không vui. Tôi kiểm trong Thánh Kinh xem có khoảng nào bắt buộc tôi phải ngồi ăn một mình không ? Tôi không thấy. Vậy thì từ nay tôi không thèm ngồi ăn riêng nữa.

Nhưng thường ngồi ăn chung với những người cộng sự và những khách đến thăm Ngài. Và mỗi bữa ăn thường có hòa nhạc để giúp vui.

Mấy ông Giáo Hoàng trước thường ép xác bằng một chế độ khắc khổ. Jean XXIII ăn uống đầy đủ nên tuổi cao mà sức còn mạnh, có da thịt và rất dồi dào sanh lực. Một hôm Ngài gặp một vị Hồng-Y có thân hình tiều-tụy và ốm yếu. Ngài hỏi :

— Ông làm sao mà tới vậy ?
Vị Hồng-y trả lời :

— Tôi ép xác với một chế độ kham khổ Cữ rượu, cữ muối, cữ bơ.

Ngài cười và nói khôi hài rằng :

— Ông thấy tôi chứ ? Việc làm cho ốm yếu tôi xin phó thác nơi Thượng-Đế.

Ngài thấy những nhơn viên của Tòa Thánh đã lâu không được tăng lương và đời sống có phần chật vật. Ngài liền ra lệnh lên lương cho mọi người, người lương ít và đông con được tăng nhiều hơn hết. Vụ lên lương này làm cho ngân sách Tòa Thánh nặng thêm 12 triệu quan mới tức là gần 200 triệu bạc VN. Tòa-thánh là một nước tí hon rộng hơn một sân vận động, không có lợi tức và chỉ nhờ vào sự lạc quyền của những tín đồ hăng sản. Nhưng Giáo-Hoàng nhấn mạnh rằng Nhà Thờ khuyến người ta phải thực-hiện công-lý xã hội thì chính mình phải làm gương. Thượng-Đế sẽ giúp ta phương-tiện.

Ở Tòa - Thánh Đức Giáo-Hoàng đã thực-hiện công-lý xã hội nên trong bản hiệu-triệu

Hòa-Bình Ngài đã khuyên những cường quốc giàu mạnh nên bớt số tiền đúc súng đạn, chế hỏa-tiên, làm bom nguyên-tử và khinh-khí để giúp đỡ những người nghèo đói, khổ cực đang sống giờ, chết giờ cùng khắp mọi nơi trong thiên-hạ.

Thực-hiện được Công-lý Xã-hội tức là chặn đứng được sự lan tràn của chủ nghĩa cộng-sản, tức là kiến-tạo được Hòa-Bình trong cảnh thế-giới đại-dồng, có tình thương và chịu phép lành của Chúa.

Giáo-Hoàng Jean XXIII là một nhân-vật lỗi-lạc phi-thường của thời-dại. Ngài thức-thời, thông-biến, sáng-suốt và khoan-hồng nên Ngài không bảo-thủ, không câu-nệ, không cố-chấp. Ngài có những hành-động táo-bạo, những cử-chỉ thoát-sáo chưa từng có trong lịch-sử của Tòa Thánh. Ngài dang tay ôm hết trái đất như muốn đem thân mình, đem lòng mình bảo-vệ và che chở nó khỏi sức tàn-phá và bụi phóng xạ của vũ khí nguyên-tử. Ngài cao-cả vĩ-dại nhưng vẫn không quên những người nhỏ nhit tầm thường, không quên những kẻ



← Lúc trẻ, Ngài là một vị
Linh-mục đẹp trai

tù-tội lắm than, không quên
những kẻ chùn lăm, tay bùn.
Những người nhỏ - nhít này
nhập lại thành một khối vĩ-
đại .đương gào thét đề đòi
ăn và đời sống tươm-tất và đầy
đủ hạp với thiên-lý và công-lý
của loài người.

Những nhà lãnh-đạo quốc-
gia và những tay bá-chủ thế
giới nếu có đủ sáng-suốt mà
lãnh hội được thông-diệp của
Giáo-Hoàng thì sẽ chăm sóc
đến khối người vĩ-đại nói trên.
Họ bớt đói thì đời bớt loạn.
Không thể dùng súng đạn mà
gây nên trật-tự. Không thể dùng
bom nguyên tử mà bảo-vệ Hòa-
Bình.

Đức Giáo-Hoàng Jean XXIII
đã tìm ra được một chân-lý để
giúp cho loài người thực-hiện
công-lý xã-hội và Hòa-Bình thế
giới.



← 1914-18, Ngài làm Linh-mục
Tuyên-úy trong quân đội



Tiếng nói
của
Gái và Trai
thế hệ



Chúng tôi mở d'ên-đàn « Tiếng nói của Gái và Trai thế-hệ » để bạn
trẻ ghi chép những cảm-nghĩ riêng của mình về các vấn đề thời-dại.

Chúng tôi sẽ chọn đăng những bài không dài quá 5 trang; cô-động
lại những suy-tư, diễn tả những thắc-nắc, phê-hà những nhận xét thành-
thực, thò-lộ tâm-sự, những hân hoan, oán hận, đau buồn hy-vọng...

Chỉ xin đừng đề cập đến chính-trị hiện-tại ở trong nước.

Yêu cầu bạn viết thật rõ-ràng, trên một mặt giấy và cho biết nghề-
nghiệp, hoặc thất-nghiệp, hoặc sinh-viên, học-sinh với trình-độ học-hức.

Chúng tôi sẽ chọn lọc và lần-lượt đăng mỗi kỳ những bài nào đặc-
sắc hơn cả, của các bạn gái và trai từ 18 đến 28 tuổi.

Bạn có thể gửi ảnh đề đăng kèm với bài.

N. V.

Bạn trẻ thân mến.

Kỳ này, chúng tôi xin giới thiệu
— Bạn Nguyễn-ngọc-Nở, Nữ
sinh-viên ban Tr ết. Đại-học Văn-
Khoa Saigon, với những hoài bão
thiết tha về học-vấn, những tin
tưởng về tương lai tươi đẹp,
mặc dầu một thời-gian qua bạn
đã chịu đựng ít-nhiều đau khổ...

— Bạn Lê-Nga nữ-sinh Trung-
học ở Gia-định, với những cảm
nghĩ rất thành thật về "thực trạng
người con gái", ý bạn muốn nói
thực-trạng trong tâm hồn người
con gái trong lứa tuổi đôi mươi.

đêm

buồn



NGHE gió mùa đông thổi,
tôi cảm thấy buồn lắng đọng.
nhìn gian phòng trắng lạnh
của bệnh viện với những cành
hoa glai-euil màu đỏ thắm đang
e ấp nở để đón mừng ngày
xuân, tôi cảm thấy buồn thắm
thía. Đời người với bao nỗi
buồn sâu, tôi khóc cho những
gì dang dở của cuộc đời. Thân
phận con người là đau khổ,
sanh ra để nhận nhiều nỗi
đắng cay, đời bạc bẽo để rồi
buồn thương u uất. Buồn
thương là những ngày dài của
cuộc đời, âm thầm như những
xe tang đi vào lòng đất lạnh.
Tâm hồn trống rỗng, tôi gục
đầu trước thương đê cầu xin
cứu vớt một linh hồn.

Đêm giao thừa biết bao
người đang vui sướng hân
hoan đón mừng xuân bên chén
trà thơm ngát, nhìn khói
hương bay với những cái nhìn
âu yếm của thân yêu. Có ai
nghĩ rằng một tâm hồn đang
cô độc với những suy tư của
cuộc đời khi bước vào ngưỡng
cửa tuổi đôi mươi.

Tôi nhớ đến những ngày
hoa mộng, nhìn đời với bao

★ ★ Nguyễn - ngọc - Nở

TIẾNG NÓI CỦA GÁI VÀ TRAI THẾ HỆ

mộng ước, muốn dang tay ôm
tất cả những vẻ đẹp vào lòng
để làm của riêng tư, để chiêm
ngưỡng những cảnh hùng vĩ
của vũ trụ bao la. Nhìn đời
bằng cặp mắt thiết tha trĩu
mèn, lòng mong ước tứ hải
giai huỳnh-đệ, muốn đem tình
thương mến bao trùm lên tất
cả mọi người. Ngày thơ êm ả
trôi qua với nhữ g cánh bướm
vàng trong vườn hoa đầy ánh
nắng, tôi đuổi bướm hái hoa
vang lên những tiếng cười
trong trẻo.

Ồ! đây một con bướm vàng
tuyệt mỹ. bướm đa tình quá.
Tôi trang trọng đem xác bướm
ép vào trang giấy học trò để
giữ nguyên vẻ đẹp lộng lẫy và
tinh đa tình của bướm. Nhưng
rồi có một hôm tôi sức nghĩ
sao nữ ép một nhan sắc lộng
lẫy, một cuộc đời linh động,
ham sống vào trang giấy học
trò để tìm thú vui riêng. Bướm
vẫn có linh hồn, bướm chỉ đẹp
khi đôi cánh màu lộng lẫy đập
nhịp nhàng theo gió. Bướm
không đa tình thì hoa trách
bướm sao hững hờ để cho
nhụy hoa tàn khi vừa chớm nở
mà trong lòng chưa ập ủ một
hình bóng thân yêu! Những

đêm triển miên trong giấc ngủ
mộng vàng. lớn võn bên tôi,
hình ảnh chập chờn, mờ dần,
mờ dần và mất hẳn để thay
vào hình ảnh bướm và hoa.
Tôi yêu những cái sống linh
động trong muôn ngàn cái
sống của tạo-vật. Nhìn bướm
bay tôi sung sướng vì có một
linh - hồn đang linh - động.
Không bao giờ tôi bắt bướm
và ướp xác bướm lẫn hoa
trong trang giấy học trò.

Thế là ngày thơ qua, không
còn vui sướng hồn nhiên và
bất đầu trầm lặng suy tư về
cuộc đời, về ý nghĩa cuộc
sống?... Trầm lặng như những
chiều đi trong phố đông
người trong thủ đô hoa lệ
mà vẫn thấy lòng mình trống
trãi cô đơn. Tâm hồn khép kín
như những búp hoa đang e
ấp nở. Tôi đi tìm, tìm cái
đẹp để mở rộng lòng mình
và đi tìm một cuộc đời lý
tưởng dù cho đường đời vạn
nẻo như bướm đã tìm được
hoa khi còn phong nhụy và
chiêm ngưỡng cái đẹp của
hoa muôn sắc.

Với lòng nhiệt thành tôi
bước chân vào ngưỡng cửa
Đại-học với bao nhiều mộng

ước của người sinh viên, áp
ù một lý tưởng, tìm một đời
tượng để hướng về ngày mai
rừng rực sáng Đường vào
Đại học không chóng gai
nhưng đầy lý thú, với lòng
ham học* hỏi tôi tìm được
những điều hay trong sách
vở và những mảnh đời gương
mẫu. Những giờ học trang-
nghiêm nhưng đầy vui vẻ của
hàng trăm sinh viên cùng mở
rộng lòng đón những tư
tưởng hay, ngạc nhiên và
thán phục trước những triết-
lý cao-siêu.

Những chiều còn nắng vàng
rực rỡ có những người đang
vui đùa với những thú vui
của thủ đô xa hoa, họ sống
vội vã hưởng thụ những niềm
vui của tuổi trẻ, không nghĩ
đến ngày mai dù chỉ trong
chốc lát. Có những người
nhiệt thành với lý tưởng đang
chăm chỉ đọc những sách
của thánh nhân để lại, tìm
hiểu những cái hay để nâng
tâm hồn lên khá cao, cuộc
đời với tôi là mai sau. Ngày
xanh trong thư viện nhà
trường với sách vở sẽ làm
cho cuộc đời thêm tươi đẹp
trong hiện tại và mai sau.

Những suy tư về triết-ly,
những thắc mắc về cuộc đời
vẫn ám ảnh tôi, làm sao giải
quyết những đau khổ ở trần
gian này. Tôi cầu xin thượng
đề ban cho tôi một tình yêu
bao la để tôi thương yêu và
an ủi những người đang đau
khổ trong cuộc đời.

Tôi buồn khi cuộc đời rẽ
ngang một ngã khác, tất cả
với tôi chỉ còn là hoài niệm,
in sâu trong trí óc tôi để xuất
hiện trong giấc mơ. Giảng
đường rộng lớn ngập tràn
tiếng cười và lời giảng êm
âm của thầy. Tôi mơ về dĩ
vãng để quên thực tại u buồn,
những ngày dài trong bệnh
viện, những đêm nghe gió thổi
luôn qua khe cửa mang đến
cái giá lạnh của gió mùa đông,
tôi lắng nghe tiếng lá rơi và
nghĩ đến cuộc đời mong manh
có lẽ tàn úa vào ngày mai mà
chính mình không muốn vì
chưa đoạt được mộng ước và
lý tưởng còn theo đuổi nhưng
không phải là ảo ảnh. Cả cuộc
đời hoạt động như ngừng hẳn
lại, tôi muốn chỗi bỏ thời
gian vì thời gian qua sẽ mang
lại nhiều khổ đau khi tôi đi
trong ngõ vắng của cuộc đời.

Như những đêm buồn khác,
tôi đã khóc trong đêm giao
thừa, khóc cho cuộc đời đau
khổ và dang dở. Đêm càng
khuya tôi lịm dần trong giấc
ngủ, khi tỉnh dậy thì vị bác
sĩ đứng cạnh tôi lúc nào,
người nhìn tôi với đôi mắt dịu
dàng đầy thương mến Người
đã mang lại cho tôi một tình
thương và một niềm tin vào
ngày mai.

Gian phòng trắng lạnh khi

đêm bây giờ tràn ngập nắng
xuân, hoa glaiuail đỏ thắm với
bao nhiêu mộng ước của tuổi
đôi mươi hướng về ngày mai
rừng rực sáng. Sự săn sóc và
tình thương của bác sĩ đã cho
tôi một niềm tin ở ngày mai.
Nhìn hoa xuân tươi đẹp, nắng
xuân trong sáng tôi nghĩ đến
những người thân yêu nơi quê
nhà và tôi mơ ước những ngày
tươi đẹp bên sách thánh hiền.



thực trạng

người

con gái

* LỆ-NGA
(Gia-định)

TÔI thức dậy khi nắng trở
màu vàng nhạt và gió lạnh bắt
đầu lùa nhanh vào phòng. Qua
khung cửa sổ, hôm nay tôi mới
nhận mùa thu về thực sự với
làn gió lạnh lạnh, lá vàng rơi
ngập lòng đại lộ và bầu trời
vẩn vù như sắp mưa...

Tôi không thiết làm gì nữa,
kể cả việc học bài và làm luận

góp ngày mai. Tôi muốn đứng
đây — bất động giữa khung
trời êm ả này — khi cơn buồn
đang đè nặng tâm tư tôi. Buổi
chiều tôi thường hay buồn —
gần như là một thói quen.
Cuộc sống «mổ côi bạn» của
tôi còn chỉ là thi vị nếu không
có những phút buồn vơ vẩn
làm bạn, dù tôi vẫn biết như
thề là tự làm khổ mình. Không
ai hiểu được tôi, mọi người
chỉ nhìn tôi và không tiếc lời
cho tôi lãng mạng — hay danh

từ thơ mộng hơn «lãng mạn của tuổi đôi mươi».

Nhiều lần tôi muốn vùng thoát khỏi tâm trạng bất thường này — bất thường so với các cô gái khác — bằng cách tìm vài người bạn để cơn buồn không còn lý do đến với tôi. Nhưng khổ thay! tôi không có bạn bao giờ hay nói khác đi, không ai đến, với tôi dù tôi cố tìm. Tại sao? Tôi cúi đầu, lòng tê dại vì không giải nghĩa được tại sao. Những người con gái xung quanh tôi sống thật nhiều so với số tuổi, đi từ phòng trà nẩy đến quán nọ biết uống rượu mạnh, biết thưởng thức khói thuốc lá màu trắng mơ màng và biết thức thâu đêm, say sưa bên tiếng nhạc, lời ca. Đối với họ, tôi thiếu sót rất nhiều nếu không nói là hoàn toàn. Tôi chỉ sống trọn vẹn — ngoài giờ học — trong gian phòng bé nhỏ, bẽ bọn sách báo này. Tôi đọc sách nhiều hơn nói chuyện. Trước mắt những người sống quá nhiều ấy, tôi chỉ là đứa bé — đứa bé 19 tuổi và họ không ngại ngừng — dù chỉ hơi ngại-ngùng bảo tôi :

— Cung (!) (chỉ tôi) dại quá, tuổi trẻ phải sống nhiều, phải hưởng thật nhiều.

Tôi mỉm cười không biết cái dại của tôi và cái khôn của bạn có kết quả gì? Nhưng dại hay khôn đôi với tôi lúc ấy không quan trọng vì tôi đang nghĩ nhiều đến câu nói của các triết-gia được khắc nơi mặt tiền đền Delphes : « Người hãy biết người »...

★

Nắng đã tắt tự lúc nào, điệu nhạc Cantabile từ dưới phòng khách vọng lên khiến tôi nhớ Tâm hơn lúc nào. Tâm không phải của riêng tôi nhưng của tất cả người trong gia đình tôi, và điệu nhạc này kỷ-niệm buổi gặp chàng lần đầu tiên khi tôi chưa tròn 12 tuổi. Tôi đàn tặng chàng bản nhạc điệu buồn quyền rũ ấy. Tôi gặp Tâm thường vào bữa cơm do mẹ tôi mời chàng. Tâm ăn rất ít và chỉ nhìn tôi. Cử chỉ của tôi thật vụng-về trước ánh mắt trong và hiền của chàng. Tâm cau mày khi người trai lạ nhìn tôi, cười sung-sướng khi tôi thi đỗ, ánh mắt sáng hơn và bảo : — Nga ngoan lắm — Học ngoan đi em...

Đêm hôm ấy bên khung cửa sổ này, những ánh sao sáng

ngời lung-linh... lung linh trên nền trời tối đen. Tôi nghĩ đến ánh mắt tha thiết sáng ngời, nụ cười nhẹ nhàng của Tâm. Linh tính người con gái cho phép tôi hy vọng mà ngắm dịch ánh mắt đó, nụ cười đó bằng lời nói :

— Nga. Anh yêu em. Em biết không ?

Tôi chờ đợi và Tâm không bao giờ nói câu bất hủ đó. « Tình yêu là thế ư? Là nụ cười, là ánh mắt? Giản dị và đẹp dễ quá... »

Càng chờ đợi tôi càng sợ những gì nhắc đến tình yêu. Nét mặt vui mừng của chị bạn ngồi cạnh trong lớp, đang giờ học xem thư người yêu ; và sự sung sướng tột cùng dâng tràn trong ánh mắt long lanh người con gái tuổi đương thì — tuổi của tình yêu, đã làm tôi buồn lạ lùng. Tôi không muốn thầy chị sung sướng đọc thư màu xanh, tôi không thích chị cười với người yêu vắng mặt, tôi ích kỷ đến độ tàn nhẫn. Tôi khép mắt lại, mơ được Tâm viết thư cho tôi bằng giấy màu xanh dịu và câu « Anh yêu em » được nhắc nhở nhiều lần. Con nghẹn ở cổ khiến tôi khóc. Tôi khóc

trong tay chị bạn, tay vừa cầm lá thư màu xanh và cơn buồn triển miên trở về xâm chiếm hồn tôi...

Thực trạng người con gái trong tôi là thế. Là cô độc trước cuộc sống, là buồn nản trong điệu Cantabile và sợ hãi khi nghe ai tính chuyện ngày sau... Nguồn sống duy nhất của tôi, là sự chờ đợi tương lai. Không biết theo thời gian, năm tháng có mang đến cho tôi người bạn thực sự hiểu tôi, và Tâm, chàng có chịu khó bảo nhỏ tôi câu « Anh yêu em » không? Hi vọng là cứu cánh trong hiện tại và có thực hiện được ở tương lai? Tôi phải tin tưởng vì tôi hoàn toàn cô độc.

Bạn sẽ đến trong tương lai? — Những ngày sắp đến. Tôi hy vọng thế và chờ đợi với tất cả đam mê lẫn hy vọng tốt đẹp trong lòng. Hiện tại, tôi trở về với người con gái trong tôi, chỉ biết nhìn đời qua sách báo, khung cửa sổ nhỏ dưới mảng trời nhiều mây và tôi quay về với gian phòng bữa bãi, bao gồm cả cuộc sống cá nhân tôi.

Ngoài kia mưa thu bắt đầu gieo nặng hạt, gió rít và lá đỏ loạn cuồng...

● ★



MÌNH ƠI!

EM
MUỐN

HỌC
LÀM
TRẠNG-
SƯ

MÌNH Ơi, mình xem cái bộ gió của em có làm bà Trạng-sư được không, Minh?

— Hôm nay có ngọn gió nào thổi đến cho em, khiến em ham làm bà Trạng thê?

— Cái ngọn gió tòa án... Sáng nay em đi coi tòa xử một vụ đánh ghen, thấy có cái bà đó còn trẻ, đẹp lắm, làm nữ Trạng-sư « le » lắm, nhưng em ngồi nghe mà tức muốn chết!

— Sao vậy?

— Trạng-sư mà không biết cái, Minh Ơi! Ngó cái áo của bà thì ra về trạng lắm nhưng bà cái không ngon lành gì hết trơn! Chắc là tại bà cái yêu xịu, mà vô duyên nữa, cho nên thân-chủ của bà bị 3 năm tù!... Nếu cho em làm trạng-sư để em bào chữa, chắc là bà thân-chủ nọ sẽ được Tòa xử trắng án.

— Tòa xử trắng án, hay là tòa xử 6 năm tù!

— Bộ Minh khinh em không có tài hùng-biện sao chứ?

— Em thì hùng biện « một cây ». Nhưng em tưởng làm trạng-sư cứ hễ leo-mép là được sao?

— Đúng! Em cho rằng trạng-sư ra trước Tòa cứ việc cãi chày cãi cối, ai nhanh mồm nhanh miệng là người ấy thắng. Em thấy có nhiều vụ đáng lẽ bị-cáo phải bị án nặng nhưng Trạng-sư khéo bào chữa thành ra bị nhẹ. Trái lại gặp trạng-sư cùi, như cái bà trạng-sư cãi cho người vợ lớn lúc sáng nay ở Tòa, đáng nhẽ người vợ lớn kia được tha bổng mà lại hóa ra bị Tòa xử phải bồi thường cho người vợ lẽ 20.000 đồng và bị 3 tháng tù treo. Minh xem thê có ức không cơ chứ? Làm Trạng-sư mà không biết binh-vực cho lẽ phải, bởi vì lẽ phải bao giờ cũng về phần người vợ lớn, thì làm Trạng-sư làm chi? Em xem cái bà Trạng-sư cãi ở phiên tòa sáng nay, em sùng quá.

Thấy bà Tú hùng-hôn binh cho người vợ lớn nào đó, ông Tú chỉ cười, không cãi lại bà Tú. Được thê, bà Tú tiếp theo:

— Em nói thê là có lý chứ, phải không Minh? Thí-dụ như em có đánh nhau với Cô-Tám-Hột-vịt-lộn, em đánh cho tôi bời, em xé hết quần áo, em đập bẻ hết cái thúng hột-vịt-lộn,

giỏi cô có kiện em ra Tòa, lẽ phải cũng về phần em cơ mà ! Trạng-sư phải chứng nhận là em có quyền đánh người nào muốn từ-tí tú-tí với chồng em chứ. Phải không ?

— Vậy còn Pháp-luật ở đâu ? Pháp-luật luôn luôn là công bằng. Trạng-sư dù có ăn tiền người nào để bênh-vực cho họ, cũng phải bênh-vực theo công-lý ; và Quan Tòa cũng phải xử theo công-lý. Quan Tòa là cán cân Pháp-lý cơ mà. Anh không được rõ vụ kiện sáng nay ra sao, nhưng nếu quan tòa xử như thế, là đúng theo công-lý. trạng-sư dù có hùng hồn thế mấy chẳng nữa cũng không thể chà đạp trên lẽ phải.

Bà Tú không chịu thua :

— Lẽ phải về phần của người vợ lớn chứ sao ! Người vợ lớn ngồi trong nhà thầy người vợ nhỏ đi ngang qua trước cửa nhà mình, liền chạy ra nắm đầu nó, xé hết áo quần, bẻ gãy cái kiềng vàng, giật cái xác vút đi, rồi oánh nó sưng mắt sưng mũi, thì con vợ lẽ ráng chịu chứ. Sao trạng-sư của người vợ lớn không hăng hái bênh cái lẽ phải của thân

chủ mình, mà lại xin Tòa khoan-hồng ? Rồi Tòa cũng xử ức-hiệp phạt người vợ lớn bồi thường cho người vợ bé 20 000 đồng và còn bị 3 tháng tù treo nữa ?

— Thế là Tòa xử công bằng.

— Tòa xử thế mà Minh cho là công bằng há ? Minh cũng hứa theo phe con vợ lẽ há ?

Bà Tú bỏ chạy lại vòng nằm khóc sướt mướt.

Ông Tú dằn gấn an ủi bà. Ông hôn trên trán, trên má bà và âu yếm bảo :

— Em cưng của anh đừng khóc nữa nhé. Em ngoan lắm chứ... Em của anh hùng biện lắm cơ... Em mà làm trạng sư chắc là giỏi lắm đây, nào có kém gì cô Jeanne Chauvin và bà Lucile Tinayre. Hai người đàn bà ấy cũng hùng hồn như em vậy đó.. Em có biết cô Jeanne Chauvin là ai không ? Cô ấy trẻ như em, đẹp như em..

Bà Tú vẫn còn thút-thít khóc, giấu mặt trong hai cánh tay, nhưng bà lắc đầu bảo :

— Em không biết ai hết.

— Nín, đừng khóc nữa, để anh nói chuyện về cô Jeanne Chauvin cho em nghe... Em có

nghe không ?

Bà Tú vẫn thút thít mãi, không trả lời. Ông Tú làm bộ giận :

— Em không nghe thì thôi, anh không kể nữa. Anh đi chăm bài cho mấy cô học trò cho rồi.

Ông Tú đứng dậy. Bà Tú vội vàng đưa tay ra niu áo ông, kéo ông ngồi xuống, và nói to lên :

— Thi em nghe đây nè !

Ông Tú tủm-tim cười, nói tiếp :

— Trước 1900, phụ-nữ Âu-Mỹ vẫn chưa được làm Trạng Sư. Ngày 1 tháng 11 năm 1900, một cô Nữ-sinh-viên Đại-học Pháp, tên là **Jeane Chauvin**, đỗ Cử nhân Luật lần đầu tiên ở nước Pháp và cả Thế-giới, xin vào làm Trạng-sư tại tòa án Paris.— Toàn thể trạng-sư đoàn phản đối. Họ viện lý rằng một bốn phần của Trạng-sư là phải triệt-đề giữa bí-mật những chuyện riêng của thân-chủ trao kín cho mình, mà người đàn bà tính hay bép xép, không bao giờ giữ được cái bí-mật của ai lâu cả. Ai có tâm sự riêng tư nói với họ là khờ; sớm thì muộn họ cũng bật mí ra ngay.

Vi đó, toàn thể trạng-sư đoàn không chấp thuận cho cô Cử-nhân Luật **Jeanne Chauvin** vào làm trạng sư. Cô tức mình đưa đơn khẩn cầu lên ông chánh án Tòa thượng-thẩm. Nhưng ông chánh-án cũng bất đồng. Cô xin cho cô được ra cãi một lần thôi trước Pháp-đình. Cô cãi rất hùng-hồn, và tỏ ra một luật sư tài-hoa duyên-dáng. Ba ông luật-sư già (trong đó có ông Poincaré, mấy năm sau sẽ làm Tổng-thống Pháp), cảm-phục tài cô nên vận-động Nghị-viện bầu-quyết một đạo luật cho phép phụ-nữ được vào làm trạng-sư. Thế là **Jeanne Chauvin** là cô nữ trạng-sư đầu-tiên của nước Pháp và của cả Âu-Châu, Mỹ-Châu.

Năm chục năm sau, Tòa Án Paris có đến 459 nữ Trạng-sư. Trong số có một người nổi danh nhất thế-giới là **Lucile Tinayre**. Cô này là con gái một Nữ-văn-sĩ Pháp có tiếng thời bấy giờ, là bà **Marcelle Tinayre**. Chịu ảnh hưởng mẹ, cô cũng viết văn. 15 tuổi cô lại say mê nhạc kịch. Nhưng vì cô có cái mũi kỳ lân, nữ nghệ-sĩ **Madeleine Renaud** bảo cô :

— Có cái mũi phồng lên như loa kèn, dù có tài cũng không thể lên biểu diễn trên sân khấu được.

Lucile thất vọng, và buồn, được mẹ an ủi :

— Con chỉ vì có cái mũi hơi lớn, nhưng giọng nói của con hùng hồn, cảm động. Con nên xin vào trường Luật để sau ra làm Trạng-sư.

Năm 1922, Nữ Trạng-sư Lucile Tinayre đã được lòng lấy tiếng tăm vì có Nghề Luật khoa đã trở tài hùng biện trong nhiều vụ đặc-biệt. Cô hãy còn trẻ và chưa lập gia-đình. Một hôm cô được toàn thể Luật-sư Paris bầu-cử vào Hội-đồng quản-trị Luật-sư đoàn. Thật là một vinh-dự về vàng duy-nhất.

Ở Tòa ra, chiếc ta-xi đưa cô về nhà bị đâm vào một cột đèn, cô bị thương nặng, đâm cả máu me. Người ta vội vàng đưa cô vào bệnh viện.

Cô bị dập nát cái mũi, cái mũi mà trước kia đã bị Madeleine Renaud chê là « mũi loa kèn ». Bác-sĩ Grenau-

dier, chuyên môn về khoa giải-phẫu, tận tụy săn sóc cho cô, và chỉ trong hai tháng cái mũi cô đã lành hẳn như cũ, và lần nầy bác-sĩ đã sửa chữa lại còn đẹp hơn, như mũi của một Nữ-thần Hy-lạp. Sau hai tháng nhờ Bác-sĩ Grenaudier săn-sóc, cô Nữ trạng-sư Lucile Tinayre trở thành Bà Lucile Tinayre Grenaudier.

Bà vẫn tiếp tục hành-nghề, chứng tỏ một vị tiên-phong xứng đáng làm vinh-dự cho phụ-nữ thế-giới lần đầu tiên được mặc áo Trạng-sư.

— Mình ơi, ở Á-Đông, ai làm nữ trạng-sư đầu tiên ?

— Trung-Hoa có cô Trịnh Dục Tú làm Trạng-sư năm 1911, ở Việt Nam bà Nguyễn-phước Đại là nữ trạng-sư đầu tiên, từ năm 1952.

Xưa nhất, và danh tiếng nhất trong Lịch-sử, là nhà đại hùng biện La-mã Cicéron (106-43 trước J.C.) vừa là một nhà chính-trị với những bản đại cáo hùng dũng như *Philippiques*, *Catilinaires*, lại vừa là triết học

gia với những bản *Correspondances*, một nhà xã-hội học với những bản cáo-trạng thâm thúy hiện còn để lại: *Verrines*, *Pro Murena*, *Pro Milone*, v.v. Ở Hy-lạp có *Démosthène* (384-322 trước J.C.), cũng một trạng-sư có tài siêu việt. Những bản cáo-trạng của ông như *Philippiques* và *Olympiennes*, ông chông lại vua *Philippe de Macédoine* đã làm cho toàn thể dân chúng Hy-lạp cảm phục và quý-mến ông. Như g dù có hùng biện thế mây đi nữa, đức tính can-nhật của trạng-sư không phải hoàn toàn là căn bản pháp-luật, mà chính là căn bản đạo-đức. Vị trạng-sư được uy-tín nhất của Pháp hiện nay là *Maurice Garçon* đã nói:

« Muốn làm trạng-sư, phải là người lương-thiện, (Pour être avocat, il faut être honnête homme). Một trạng-sư lương-thiện, là một trạng-sư yêu thích tự-do và công-bằng. Năm 1810, Hoàng-đế Pháp *Napoléon 1^{er}* bắt-buộc các trạng-sư phải phục-vụ uy-quyền của ông. Nhà vua bảo: « Trẫm muốn người ta có thể cắt đứt lưới vị trạng-

sư nào mà dùng cái lưới ấy để chông lại Trẫm ». Nhưng sáu tháng sau, thấy các trạng-sư cương quyết phản-đôi, Napoléon rờ phải nhượng bộ, và ký một đạo-sắc lệnh nhìn-nhận quyền-tự-do của Trạng-sư-đoàn.

— Mình nói, theo lời ông nào đây « muốn làm trạng-sư phải là người lương-thiện », nhưng em biết cũng có một số ít trạng-sư chẳng « lương-thiện » tý nào. Họ chỉ lo kiếm tiền, hoặc lợi-dụng hoàn-cảnh của thân-chủ để bóc-lột, còn vụ-kiện của mình được hay thua họ không quan-tâm đến đâu. Rồi cuộc, mình đã thua kiện lại còn mất ít nhất là 5000\$ cho Trạng-sư, như trường-hợp Bà Hai Hủ-Tiền.

— Thế sao lúc nầy em bảo em muốn học làm nghề Trạng-sư ?

Cái bà Trạng-sư làm le với cử-tọa mà không binh-vực được một câu nào hùng-hồn cho thân-chủ, để cho vợ lớn phải đến 20.000 đồng cho vợ bé và bị 3 tháng tù treo, còn vợ bé thì vô-tội. Thế, Minh



bảo em không nổi sùng sao được ?

— Cô vợ bé vô tội, thì tòa xử vô tội, việc gì mà em sùng ? Còn vợ lớn có lỗi rành-rành thì bà bị 3 tháng tù treo là nhẹ đây chứ ! Nếu không có bà Trạng sư cõ hệt sức bào chữa cho, thì cái tội của bà vợ lớn không biết chừng còn nặng hơn nữa ! Không khéo phải 3 tháng tù ở trong khám Chí - Hòa chứ em đừng tưởng !

Bà Tú nắm tay áo ông Tú, dụt mạnh và kêu lên :

— Minh bình vực cho mày người vợ lẻ phải không ?

— Cái bà Trạng-sư nào đó bình vực họ, chứ đâu phải anh !

— Thôi, em khỏi chơi với Minh nữa đi !

Bà khẽ xô ông Tú ra, rồi gục đầu xuống võng khóc sụt sướt.

Ông Tú lại phải vuốt-ve bà, mon-trơn bà, dỗ bà...

★ Diệu-Huyền

nghe tiếng chuông...

★ THU-NHI

Thôn Đông-Mỹ (Phú-Yên)

Nghe chuông rơi
Trong sương mờ
Êm-đềm !

Ngân ngân vang
Âm-thanh lan
boong... boong... boong
Nhịp-nhàng
Ong... oong... oong
Dịu-dàng
Du-duương !

Tôi mơ màng

Ôi thế lương !

Hỡi oan-hồn !
Vấn-vương
Trên núi đồi
Mờ sương !

Hãy vươn theo
Khói nhang
Nương nương theo
Tiếng ngân vang
Tìm đường về
Cổ hương
Thăm người
Nhớ thương !

Tiếng chuông ơi !

Bao giờ
Hết phơi
Máu đào
Khắp nơi
Cho người nài đời
Thành-thời
An lòng
Đêm chuông rơi !

cảm niệm đản sanh

*** XUÂN-LỘC** (Đà-nẵng)

Con bắt gặp nguồn vui không thể hái,
Khắp vườn trời chim bủa tiếng hoan ca.
Nhạc vang reo trong nắng ấm hiền-hòa,
Tất cả đón: vị cứu-tinh xuất hiện.
Giờ phút hân-hoan — mùa hoa kính mễn,
Nói làm sao — đấng Giác-Ngộ vô-biên!
Nói làm sao — cho vẹn nghĩa Cao-huyền!
Mà con chỉ — một chúng sanh tội lỗi.
Trước bửu tọa con quỳ xin sám-hối,
Lòng lâng lâng: con cảm-niệm đản sanh.
Ưu-đàm khai: Thị hiện đấng Cha lành,
Chân bảy bước trên đài sen rất nhẹ.
Miệng mỉm cười nhìn đàn con thơ trẻ,
Không nói năng nhưng chứa đựng vạn lời.
Không ngắm nhìn nhưng bủa khắp muôn nơi,
Ôi! Cao quý phút tâm-thành rung cảm.
Ngài xuất thế xé tan màn u-tối,
Đời hân hoan trong ánh sáng Chân-Như.
Và giải thoát những phiền-muộn ưu-tư,
Mãi dày xéo chúng sinh trong lục-đạo.
Cảm niệm Ngài; nguyện thoát vòng gươm giáo,
Xương hết rơi, máu hết đổ: đau thương.
Thanh bình về trên đất nước quê hương,
Con lặng lẽ đi vào ngày Phật-đản.

SÁCH BÁO MỚI

*** Việt-Nam Đại-quan**

Sách viết bằng Hoa-ngữ, nói về tổng-quát Lịch-sử, Văn-học, Địa-lý, v.v... Của nước Việt-nam.

Tác-giả **Lý-văn-Hùng**, Hiệu-trưởng trường Chân-Trung, Saigon. Văn rất lưu loát, tài-liệu đầy đủ, xác-thật, Sách dày 88 trang.

*** Vật chất và ký-ức**

Matière et Mémoire của **Henri Bergson**.

L. M. Cao-văn-Luận dịch ra Việt-ngữ. Nhà xuất bản Đại học, Huế. 1963.

Một công-trình phiên dịch với rất nhiều công-phu, và rất bổ-ích cho các sinh-viên ban Triết. Hệ-thống triết-lý của Bergson xây-dựng trên trực-giác về các dữ kiện của ý-thức thoát khỏi ý-niệm không-gian và khái-niệm khoa-học của thời-gian. Triết-lý ấy đã được diễn-tả đầy-đủ và mạch-lạc sáng-suốt trong các tác-phẩm quan-trọng của ông: *Essai sur les données immédiates de la Conscience*; *Matière et Mémoire*. *L'Évolution créatrice, les deux sources de la morale et de la religion...*

L. M. Cao văn Luận dịch *Matière et Mémoire* ra Việt-ngữ, đã giúp cho các sinh viên Đại-học Việt-nam hiểu được một phần nào hệ thống tư-tưởng của Henri Bergson. Mong rằng dịch-giả sẽ tiếp tục dịch các quyển khác, nhất là tập « *Essai sur les données immédiates de la Conscience*. Tất cả tinh-hoa tư-tưởng Bergson đều này nằm trong đó.

*** Trao đổi Văn-hóa Việt-Nam Nhật-Bản**

Của Đại-Đức Thiên-Ân **Đoàn-văn-An**, Tiên-sĩ Văn-chương Viện Đại-học Waseda, Tokyo. Giảng-sư Đại-học Văn-khoa Saigon.

Một tập sách nghiên-cứu rất đầy-đủ về nhiều phương-diện: những tương quan tương liên giữa hai quốc-gia Việt-Nhật — Nguồn gốc Văn-hóa của hai dân tộc Việt-Nhật — Những điểm dị-đồng của hai Văn-hóa Việt-Nhật, v.v... Tài-liệu lịch-sử và văn-hóa rất dồi-dào, cho độc-giả một ý-niệm đầy-đủ về quan-hệ văn-hóa giữa hai dân-tộc Đông-phương.

Văn viết rõ-ràng, mạch-lạc và hấp dẫn.

In tại Sen-Vàng, chùa Ân-Quang, 243 Đường Sư-vạn-Hạnh Saigon.

*** Mái tóc** thơ Pháp dịch ra thơ Việt, có nguyên bản Pháp-văn đối chiếu. Do Hoa Tường Dung.

Những Thơ của Lamartine, François Coppée, Verlaine, A. Musset, V. Hugo, Rimbaud, Beaudelaire, v.v... 30 bài. Giá 50\$.

★ **Ái-ân thâm ngấn cho dài tiếc thương**
Tiểu-thuyết của **Bình-nguyên-Lộc**. Nhà xuất-bản Thế-Kỷ, 133 đường Bình-Thời, Chợ-Lớn. 260 trang. Giá 78\$.

★ **Saut đêm**. thơ của **Hà huyền-Chi**.
« Tập thơ thứ nhất của người lính nhảy-dù lang-mãn ».
80 trang, giá 25\$.

★ **Một lá thư tình** tập truyện ngắn của **Vân-Trang**.
Phù-sa xuất-bản, giá 32\$.

★ **Nội-san Cổ-học Quảng Trị**. số 5, 6.
Hội Cổ-học Việt-Nam. Nhiều bài có giá trị.

★ **Sóng Thơ**. Thơ của **Thanh-Sơn**, **Quảng-Ngãi**: 110 trang, giá 32\$.

★ **Hoa nở về đêm**.
Tiểu thuyết của **Ngọc-Linh**. Nhà xuất bản **Sông-Vui**, 400 trang, giá 65\$.

★ **Dân Thắng**. Tiếng nói của nhân-dân áp chiến-lược.
Chủ-nhiệm: **Văn-Hoài**. Chủ-bút: **Huy-Khanh**. Tòa soạn 79, 81 Phan-dình-Phùng Saigon.

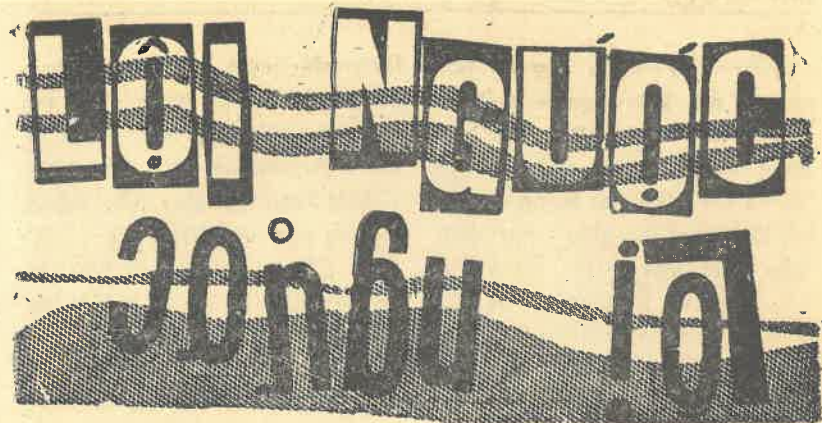
★ **Une médecine humaine**
Par le Docteur **Đặng-văn-Hồ**. Médecin-chef du Sanatorium Ngô-Quyển Saigon
— Vers une médecine plus intégrale particulièrement valable en pays sous-développés.

★ **Trăng và Thơ**
Thơ của **Sa Sương Trinh**. Nhiều bài giống như thơ **HaiKai** của Nhật:

Thơ
Hồ
Liều rữ
Gió mơn ru
Trăng mơ-màng ngủ

Hoang-lạnh
Sông vắng diu hiu
Đ m dài heo-hút
liếng chim thăm kêu
Ơi !... đò côi cút.

Khổ sách nhỏ hơn thẻ căn-cước. In trên giấy Bristol.
Đóng bìa da lục. Bìa in chữ vàng. Không để giá bán



Truyện dài trào phúng xã hội ★ NGUYỄN-VỸ

(Tiếp theo P.T. 102)

BÀ lớn đã « cút bay » ông Lớn để đi theo tiếng gọi của tình yêu ông Mỹ ở Saigon, ông Lớn thật sự vui mừng trút được một gánh nặng. Ông muốn lấy một bà lớn khác, chẳng hạn như em gái ế-chồng của một ông Bộ-trưởng mà ông ngắm nghé đã lâu, hy vọng có chỗ nương-tựa làm vây cánh để được thăng quan tiến chức mau lẹ.

Nhưng ông còn do dự vì việc ly dị của ông không được hợp-thức cho lắm. Ông chưa dám công khai cầu hôn em gái ông Bộ-trưởng trong tình-trạng hiện

tại. Ông đành phải nán chờ một thời-gian và tạm vui thú với bà lớn nhỏ mà thằng Ngọng thường gọi là Bà-Nhỏ-Nón, như các bạn còn nhớ. Tuy nhiên, ông Lớn không muốn rước Tiểu-phu-Nhân (1) về sống chung trong dinh. Bà-Lớn-Nhỏ ở một biệt thự riêng, có xe hơi riêng, và ông Lớn muốn bà vẫn tiếp tục ở riêng, lợi hơn cho cả ông lẫn bà.

(1) « Đại phu-nhân », « tiểu phu-nhân » là danh từ do các nhân-vật tri-thức trong tỉnh tặng hai bà.

Tiêu phu - nhân tuy ít học nhưng rất khôn-ngoan lanh-lợi. Ngoài tình vợ chồng, bà còn đóng vai trò môi giới rất đặc-lực và rất hữu-hiệu trong các vụ hối-lộ, các «áp-pher» chợ đen, thầu các loại vé số, buôn lậu, v.v... và v.v... Ông lớn nhận thấy đề bà Lớn-Nhỏ ở riêng một biệt thự như thế rất có lợi cho công việc của ông.

Đại-phu-nhân chỉ lo ăn chơi và đi nhảy đầm với Mỹ, chú-tiêu phu-nhân thì khôn khéo giao-thiệp với tất cả các giới trong tỉnh, nhất là các giới Hoa-kiều, những « tay tở trong nghề buôn lậu », các nhà thương-mại, kỹ-nghệ, và hàng nghìn người có hàng nghìn việc muốn xin-xỏ ông lớn, nhờ cậy bà lớn, v.v... và v.v...

Dĩ-nhiên, ở một mình một biệt thự rất sang trọng, bà Lớn còn một việc tiện lợi đặc-biệt cho bà, sự tiện lợi này bà đã dành riêng hưởng một mình từ lâu. mà ông lớn không bao giờ biết. Ấy là những đêm vắng ông Lớn, bà Lớn Nhỏ còn chia sẻ tình chăn-gối với những người đàn ông khác. Về đêm này, thằng Ngọng có nói một câu rất hay, rất đẹp, mà tôi đã nhớ thuộc

lòng như một câu danh-ngôn : *Bà Nhỏ-Nớn không những mà triệu-phú về vàng bạc, mà còn mà triệu-phú về tình yêu nữa.*

Một hôm đi chợ về, thằng Ngọng ngo ngoác hỏi tôi :

— Cậu ơi, ở tỉnh ta bây giờ có một cái hội tên là « *Hội Nữ Công Nữ Hạnh* » thế là thế nào?

Thật ra, tôi chẳng biết hội hè gì cả. Đáng lẽ tôi hỏi nó. Tôi hỏi :

— Hội của ai lập ra ?

— Con thấy chủ-tịch là bà Kiều-Mộng thế là thế nào ?

— Kiều-Mộng là ai nhỉ ? À thôi, tao nhớ rồi. Kiều-Mộng là cô Đầm lai Raymonde trước kia đổi ra tên Việt là Lê-Môn, sau sửa lại là Kiều-Mộng.

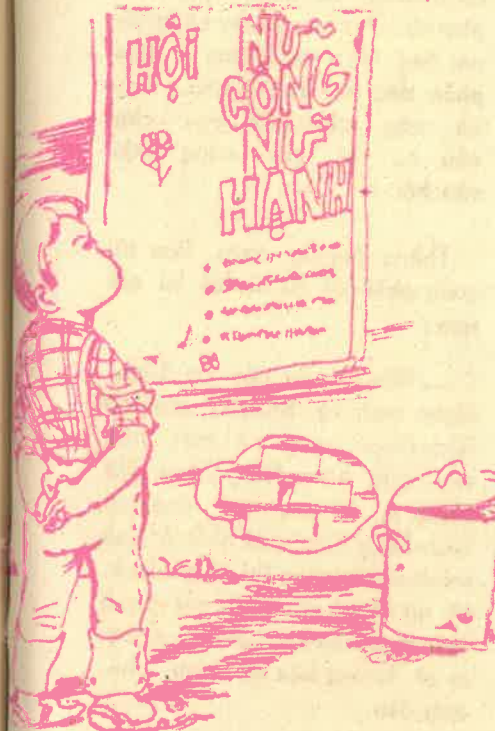
— Cậu ơi con cũng biết rồi, cô Đầm lai là bà Nhỏ-nớn.

— Phải đấy. Nhưng cái hội ấy lập ra hồi nào? Mà thấy trụ sở ở đâu ?

— Con thấy cái áp-fích dán ngoài chợ. Trụ sở, con không thấy. Con đọc cái áp-fích, thấy nói mục đích của hội : 1), là mở nốp giầy nữ công. Giầy nam bánh, nam mút cho ngọt cho ngào, giầy nấu cơm dùng nhào, dùng khê, giầy nấu

canh dùng chua dùng mặn. Nạp còn giầy thêu, giầy đan, giầy may, giầy vá. 2) là giầy con gái buồn phận nằm vợ, giầy con trai buồn phận nằm chồng. Giầy cách-thức nằm sao cho nhanh-mạnh-hóa đàn-bà con gái. Đấy, con thấy cái mục-dịch của Hội « *nữ công nữ hạnh* » là thế, thế là thế nào.

— Bà Kiều-Mộng là Chủ-tịch ?



— Con thấy đề : Bà Kiều-Mộng là chủ-tịch tạm thời. Bà hồ-thào chủ-nhật này, 8 giờ sáng, mời chị em đến nhóm tại Hội-trường Hòa-bình để bầu cử ban trị-sự chánh-thức.

Tôi hơi ngạc-nhiên nói với thằng Ngọng :

— Kiều-Mộng vợ bé của ông Lớn, là Đầm-lai, và cô ấy có học hành gì đâu. Cô ấy là con một chú lính Lê-Dương với một cô gái nhảy, và trước khi gặp ông Lớn thì cô ta làm nghề gái nhảy ở Saigon, sao bây giờ dám đứng ra lập hội *Nữ-Công Nữ-Hạnh* ? Đời loạn quá rồi!

— Thế là thế nào ?

— Tao không hiểu.

— Con cũng không hiểu, thế là thế nào. Sáng chủ nhật cậu cho con đến Hội-trường Hòa-bình để con xem cậu nhé. Con sẽ về trễ, nấu cơm trễ, được không cậu, ?

— Được.

Sáng chủ-nhật phụ-nữ nhóm họp để bầu ban trị sự hội *Nữ Công Nữ Hạnh*, nhưng tối thứ Bảy thằng Ngọng đã nghe ngóng được nhiều dư luận trong thành phố về cái Hội ấy rồi. Nó học lại cho tôi nghe :

— Cậu ơi, người ta đồn rằng cái hội *Nữ Công Nữ Hạnh* của bà Nhỏ-Nón nà không phải của bà Nhỏ-Nón, thế nà thế nào. Chính nà của ông Nón sáng lập ra, rồi đề cho bà Nhỏ-Nón làm chủ tịch, ông Nón đứng đằng sau đặt giấy. Người ta bảo rằng cô Đằm nai nói tiếng Việt theo giọng Đằm, mà tuy nà vợ bé của ông Nón nhưng ở tỉnh này ai cũng biết nà một cô gái nàem tiền hạng sang, thế nà thế nào? Ông Nón mê cô vì cô đẹp, nhan sắc nòng nầy, và cô mượn quyền thế của ông Nón để nàem áp phe nung tung beng. Bây giờ ông Nón sáng nập ra cái hội *Nữ Công Nữ Hạnh* nói mục đích nà đề cho nành-mạnh-hóa đàn bà con gái trong tỉnh, nhưng thật ra nà một cái hội để nàem áp phe cho ông Nón thế nà thế nào?

— Tào không hiểu, một cái hội mệnh danh là hội *Nữ Công Nữ Hạnh* sẽ làm áp-phe cách nào?

— Nàem đủ thứ áp-phe, cậu ơi, người ta bảo thế. Đề rồi cậu xem. Dư luận các cô

giáo trường Nữ, các bà vợ công chức, các bà bán hàng ngoài chợ v.v.. đều cho rằng nếu cái hội ấy mà do cô Đằm-nai-Kiều-Mộng đứng ra sáng nập thì không có ma nào vào hội hết. Nhưng vì có huấn-nịnh của ông Nón bảo phụ-nữ phải vào hội *Nữ Công Nữ Hạnh*, đề bài phong, diệt Cộng, đề đả phá tư đồ tưởng, đề nành-mạnh-hóa phụ-nữ, cho nên ai nầy cũng sợ oai ông Nón mà không ai dám phản đối, thế nà thế nào. May nà cậu chưa có vợ, chứ nếu có thì vợ cũng phải vào hội.

Thằng Ngọng cười, làm tôi cũng phải bật cười. Nó lại nói nữa:

— Nếu cậu đã nấy cô Bích-Ngọc nàem vợ, thì bây giờ cô Bích-Ngọc cũng nà một hội-viên của hội *Nữ Công Nữ Hạnh*. Nhưng tuy rằng cô Bích-Ngọc học giỏi nhất ở tỉnh mình, về nữ công thì cô số dách, về nữ-hạnh cô cũng nữ-hạnh một cây, đến khi bầu cử, người ta sẽ không bầu cô nàem chủ-tịch đâu.

— Sao mầy biết? Nếu cô Bích-Ngọc còn ở đây, tao chắc cô ấy không vào hội đâu. Nhưng giả sử cô vào hội thì tại sao người ta không bầu cô làm chủ-tịch? Cô học giỏi nhất ở tỉnh, về Nữ-công cô số dách, về nữ-hạnh cô cũng nữ-hạnh một cây như mầy vừa nói, nếu không bầu cô Bích-Ngọc làm chủ-tịch thì bầu ai?

— Nhưng mà ại người ta đếm xĩa tới những người có tài, có hạnh?

— Tại sao?

— Tại người ta chỉ bầu những người không có tài, không có hạnh.

— Mầy nói vô lý! Mầy nói thật

là vô lý!

— Thưa cậu, thế chứ cậu không thấy cái ông chủ-tịch hội *«Bất Ếch»*, ông chủ-tịch hội *«Nành-mạnh-Hóa gà đê ngỗng»*, ông chủ tịch hội *«Xôi Vô-Thịt quay»*, đó sao?

— Các ông ấy phục-vụ nhân dân đấy chứ.

— Thế nà thế nào?

— Mầy cứ hỏi thế, làm sao tao trả lời được. Thế là thế, chứ thế nào.

Thằng Ngọng nhe răng cười hề hề, không hỏi lằng nhằng nữa.

(còn nữa)





* **Thông-cảm với Đồng-bào đau khổ ở quê-hương**

(của ô. Huỳnh-công-Minh, Pháp)

... Tôi là một trong những đọc giả dài hạn của Phở-Thông ở ngoại-quốc. Nhưng mỗi lần nhận báo là mỗi lần tôi xao-xuyến trong tâm hồn: niềm vui được báo Phở-Thông ở bên nhà lại nhường chỗ cho lòng luyến-tiếc và đau khổ, hơn ai hết. Chúng tôi những người hân hạnh được xuất ngoại du học, chúng tôi thấy rất rõ tình cảnh thốn thiếu của quê hương, của đồng bào nói chung, trong lúc đó ngang nhiên mỗi tháng hai lần tôi phải tiêu hơn 50 đồng *cuốc-phí máy bay*! Tuy số 50 không nhiều, nhưng hết 50 này đến 50 khác, hơn nữa có người phải tảo tần từ sáng sớm đến chiều hôm vẫn chưa được đến số tiền ít ỏi đó!

Vậy xin ông vui lòng vì lẽ trên, *từ số báo tới*. Ông cứ gửi cho tôi bằng đường biển (tàu thủy—*cuốc phí ít hơn*) số tiền còn lại hơn 50 đồng mỗi tháng kia, xin ông *gởi hộ tôi vào quỹ Phước-thiện cô-nhi Gò-vấp* (Gia-định)

Xin ông xem đó tất cả tấm lòng thành thật của một kẻ tha-hương nhưng vẫn nghĩ đến quê-mẹ, nghĩ đến đồng-bào, chúng-tộc. Tôi tin chắc như thế ông cũng đồng-ý với tôi.

Xin hết lòng cảm ơn ông trước và xin chúc ông cùng quý báo càng ngày càng phát triển trên đường lý-tưởng: « góp phần xây-dựng văn-hóa Việt-nam, phổ biến văn-hóa Đông tây Kim cồ. »

HUỲNH-CÔNG-MINH

33 rue du Gal Leclerc—Issy—les-Moulineaux, Seine, France. e

* **Trao về Quê Hương**

(của bạn Lê duy Bảo, Mỹ-quốc)

... Một-độc giả trung thành của Phở Thông đã 11 tháng trời; phải xa cách.

Trong những lúc nhàn, mơ về quê hương yêu dấu; đã bao lần đọc đi đọc lại những quyển Phở Thông từ bên nhà gửi qua... Với những Nguyễn Vỹ, Tấn Đà, Thạch Lam, với những bản nhạc: Giấc mơ hồi hương, Tình quê hương, Hoa xoan bên thềm cũ > qua giọng hát của ca sĩ Thái Thanh, Thái Hằng vẫn quyến rũ và bắt tôi phải nghĩ nhiều, mơ nhiều về thửa đất hình chữ « S » yêu dấu.

Xin ông cho phép được thân gửi trên tờ Phở-Thông yêu quý

những mối cảm tình chứa chan nồng hậu về quý bạn đọc ở Quê Hương. Kính chúc quý báo tiến mạnh để góp phần xây dựng văn hóa nước nhà được vẻ vang cùng quốc tế.

một độc giả

LÊ DUY BẢO

CMR. 2 BOX 6072 KEESLER A.F.B.
MISSISSIPPI U.S.A.

* **Một nhà Sư...**

(của Ô Phan-văn-Chương, Toulouse, Pháp)

... Tôi là một sinh viên Việt-Nam hiện học ở Pháp. Nhân đọc được bài « Một nhà Sư » trong « Phở-Thông tạp-chí » số 99, tôi lấy làm cảm kích và thán phục tấm gương nhân từ của Nhà sư ấy nói riêng và của Phật giáo nói chung... Từ xưa đến giờ tôi vẫn là một đệ-tử Phật giáo rất hăm-mộ đạo-lý, nhưng rất buồn mà gặp những người Việt-Nam đồng hương ở đây (Pháp) ít được thăm-nhuần giáo-lý cao cả của Đấng Phật Từ Bi...

Vì vậy cho nên nhận thấy bài của ông có một giá trị cao cả về đạo đức, tôi rất hân hạnh xin phép ông cho tôi được trích bài báo nói trên để đăng trong một tờ báo do sinh viên ở đây tổ chức, hầu cho nhiều sinh viên Việt-Nam được thưởng thức và được nhắc nhở lại những cái đẹp về tinh thần của văn minh Á-châu chúng ta...

Tôi sẽ xin mạn phép trích và đăng bài ấy trong « Tập San Sinh viên Việt-Nam tại Toulouse » trong số tới sắp ra, và như Ông cũng hiểu thì bài trong « Tập-San » ấy toàn do sinh-viên viết. Cuối bài đăng tôi sẽ ghi là « Trích Tạp-chí Phở-Thông Saigon... »

PHAN-VĂN-CHƯƠNG

Assistant à la Faculté de Sciences
Président de l'Association des Etudiants
Vietnamiens de Toulouse.
Toulouse (H^o Garonne)

Lời Tòa Soạn. — Xin ông cứ tự-tiện trích đăng trong quý tạp-san, bài ấy hoặc các bài khác của tạp-chí Phở-Thông. Thân-mến.

* **Ghen... tốt hay xấu?**

(của Bà NG. T. G. Nguyễn Trãi Saigon)

... Chị đừng nghĩ oan rằng vì chồng tôi là Bác-sĩ hằng ngày tiếp xúc với nhiều phụ-nữ, nhất là với nhiều cô gái đẹp, mà tôi ghen. Không! Một nghìn lần không! Nhưng tôi đề ý mỗi khi nhà tôi nói chuyện với tôi mà khen một cô gái đẹp, ngực nở, đôi mắt tình-tự,

miệng cười có duyên v.v... thì tôi không thể không ghen được. Diệu Huyền ơi, đừng cười tôi nhé, nhưng mà, tôi thấy mỗi khi ông Tú nói đến cô Tám Hột-vịt-Lộn, thì bà Tú dấy nẩy lên, « Chùn hất qua hất lại như nhây twist » « tay múa như mu đồng bóng », thì... thì... cái đó gọi là gì nhỉ? Bây giờ tôi thí dụ, hôm nào Diệu-Huyền cho nhà-tôi khám bệnh (bệnh ghen chằng hạn), rồi Diệu-Huyền về mét lại với ông Thi-sĩ dễ thương, hiền lành, ngoan ngoãn, rằng bác-sĩ khen bộ ngực bà Tú đẹp, nụ cười bà Tú có duyên, đôi mắt bà Tú huyền mơ thơ mộng, thử xem ông Thi-sĩ nhà ta còn « dễ thương, hiền lành, ngoan ngoãn » nữa không?

Nhà tôi và tôi đọc xong bài « Minh ơi, ghen tốt hay xấu », rồi đâm ra cãi nhau. Anh ấy cứ phục ông Tú nói đúng tâm lý, nhưng tôi thì nhất định là không chịu. Nhưng tôi ngạc-nhiên, và tức bà Tú lắm, tại sao bà cứ ngoan ngoãn chịu để ông Tú rót mật vào tai, xin lỗi, mật gấu đặng chần chứ không phải mật ong đâu nhé! Lẽ nào Diệu-Huyền không cảm thấy rằng ông Tú nhà tìm những lý-luận khôn-khéo để bảo chị em ta đừng ghen, để quý lang-quân tự-do yêu? Ông Tú nhà bà ghê lắm nhé!...



Nén đọc

Hai bộ sách rất giá trị do
Thu-Giang NGUYỄN-DUY-CẦN soạn

Lão-Tử ĐẠO ĐỨC KINH
2 quyển 100 \$

Trang-Tử NAM HOA KINH
3 quyển 150 \$

Bản dịch cẩn thận, bình giải công phu, trình bày trang nhã, có in luôn bản Hán-văn để tiện việc tra cứu.

Nhà sách KHAI-TRÍ
62 Lê-Lợi, SAIGON

**2.506^e ANNIVERSAIRE DE
LA NAISSANCE DE BOUDDHA**



**Buddha Jayanti – Commemoration
of the 2506th Anniversary**



SUPLÉMENT FRANÇAIS

Amis lecteurs,
En raison des difficultés techniques et financières, notre Supplément français-anglais paraîtra seulement avec les numéros spéciaux.

Kind Readers,
Because of grounds pertaining to technics and finance, our English-french Supplement will be published only with special issues.

ENGLISH SUPPLEMENT

PHỔ - THÔNG REVIEW

**bells,
steles and prayers...**

★ Nguyễn-Sỹ

O Buddha ! long long ago, through centuries and centuries of past and present, the same Prayers rise from the Earth, from millions and millions of living hearts, hast Thou heard them ?

And through centuries and centuries of past and present, the same voices of blood ascend from battle-fields, the same cries from millions and millions of errant souls, hast Thou heard them ?

On the most high of Thy Nirvâna, that may never reach any interplanetary fusee, what is the new Noble Truth hast Thou in meditation ?

*Bells toll, prayers roll, for Thy Glory !
And I dedicate Thee the poem of my tears,
for Thy Glory too !*

*Come down ! Come down, ô Çakya Muni,
the most kind of Gods, the most humble of
Men ! Come now and teach us Peace within
Pain, and Life within Death !*

Nammu Buddha Çakya Muni !

N.V.

A VESAK MESSAGE TO BUDDHISTS



★ Narada Thera

FOR the second time in the history of Viet-Nam all Buddhists will be jointly celebrating the anniversary of the Buddha's Birth, Enlightenment, and Passing Away on the Vesakha Full Moon Day which this year falls on May 8th.

For several reasons Buddhists have wisely decided to celebrate the Vesak Festival this year on a modest scale in temples and homes and thus save money to create a Buddhist Mettā Fund to utilise for the material and spiri-

tual welfare of all Buddhists, especially the poor and the needy.

On this thrice-blessed day Buddhists may hoist a Buddhist flag and light a Vesak lantern in every Buddhist home; some may observe the Eight Precepts and spend the day engaged in religious and charitable activities; the others may go on pilgrimage to neighbouring temples or even to the newly established Sakyamuni Temple in Vung-Tau.

Buddhists are now united. The historic Inauguration of the Sakyamuni Cetiya and the Buddha Image clearly demonstrated the innate religious zeal of the devout Buddhists throughout Viet-Nam.

There is at present a great Buddhist revival which augurs well for the future of Viet-Nam. With the whole-hearted cooperation of all Buddhists, in a Republic like Viet-Nam a great amount of work has to be done in the way of ameliorating the conditions of the Buddhist villagers by catering for their material, intellectual and spiritual needs, by disseminating the Dhamma amongst the masses and the intelligentsia by sermons, tracts and books, and above all by establishing typical Buddhist Schools in every city especially in Saigon city so that the younger generation may mould their lives in accordance with Buddhist principles and thus be a blessing to their country and religion.

By the Grace of the Triple Gem may you all live in perfect peace and harmony !

• ★



★ Nguyễn-Vỹ

Les trois Statues de Sur-Tò

SUR une route de campagne au milieu d'une plaine inondée par la dernière crue du Mékong, le Seigneur Nguyễn accompagné de deux de ses lieutenants, tous trois à cheval, galopait dans la direction du village de Tân-sơn-Nh. Nguyễn-Ánh venait d'essuyer à Gia-Đinh une sanglante

défaite et avait abandonné aux ennemis les débris de son armée.

Les Táy-Sơn étaient à ses trousses, et le crépuscule descendait déjà d'un ciel gris sur l'étendue blanche des eaux d'où émergeaient quelques toits de chaume.

A un détour du chemin, les cavaliers s'arrêtèrent. Nguyễn-Ánh regarda ses deux aides de camp.

— Seigneur, fit l'un deux, les ennemis ne tarderaient pas à nous rejoindre.

Nguyễn-Ánh tourna son regard vers l'horizon lointain qu'il laissait derrière lui avec des milliers de cadavres et de blessés.

— C'est vrai que mon frère Đông a été tué ? s'enquit-il.

— Hélas, oui, Monseigneur ! Monsieur est tombé sous un coup de lance qui lui perça la poitrine.

— Voulez-vous, messieurs, revenir avec moi au champ de bataille ? Je voudrais retrouver le cadavre de mon frère et l'enterrer décemment.

— Monseigneur, vous avez plutôt besoin de repos. Nous apercevons à une lieue d'ici une pagode au milieu de la campagne.

Nous vous supplions d'y aller passer la nuit. Les ennemis nous poursuivent : ce serait trop risquer que de revenir en arrière. Le cadavre de son Altesse royale gisait dans une fosse, je l'ai remarqué, au pied d'une salvadore (1). Ce soir, à la faveur de la nuit, quand tout sera rentré dans le silence et la paix, j'irai moi-même le chercher et l'enterrer ailleurs. Ce ne sera pas tard. Mais pour le moment, Monseigneur, voilà que retentissent au loin les trompettes de nos ennemis et les grelots de leurs chevaux... Les Táy-Sơn sont sur nos traces... ils s'approchent de nous...

Nguyễn-Ánh promena son regard inquiet autour de la campagne. Sur un tertre lointain enveloppé de brume, s'estompait une pagode aux toits gris. Les trois cavaliers se précipitèrent dans cette direction.

Devant l'autel des Bouddhas, un vieux bonze psalmodiait des prières aux rythmes lent et régulier d'une crécelle.

Une flamme ocre d'huile d'arachide éclairait son visage

(1) cây đuối

impassible. Nguyễn Ánh s'empressa auprès de lui.

— Vénérable Bikkhu, c'est Nguyễn Ánh qui se présente à vous, et voici ses deux aides de camp. Nous sommes poursuivis par l'ennemi. Vite, montrez-nous un refuge.

Le vieux bonze cessa les prières, la crécelle se tut. Il se leva, toisa rapidement le prince, puis s'inclina révérencieusement :

— Auguste Seigneur, daignez me suivre.

Les trois visiteurs accompagnèrent le bonze qui, la lampe à la main, les introduisit dans une chambrette étroite, devant un coffre en bois de santal, long et épais, semblable à une bière.

— Vous nous fourrez dedans ? s'exclama tout bas le prince.

— Non, Monseigneur.

Le vieux Bikkhu en extraya trois robes jaunes de religieux et trois mitres à pétales de lotus que portent les Supérieurs des bonzes, et en habilla ses hôtes. Puis il les reconduisit devant le sanctuaire. Tout en haut, aux sièges les plus élevés de l'autel, trônaient trois statues de Sur-Tò, (2) yeux fermés,

visage marmoréen.

— Vénérable bonze, interrogea Nguyễn Ánh, compteriez-vous nous faire réciter des prières ? Ah, non ! Les ennemis nous reconnaîtraient dans cette fausse posture !

— Ne vous inquiétez de rien, Monseigneur ! Mais aidez-moi à descendre ces trois statues de Sur-Tò. Vous, messieurs les Lieutenants, venez avec moi. Les statues sont lourdes. Vite, que chacun donne un coup de main... et rangeons-les en bas, à même le sol, là, dans un coin. C'est bien... Maintenant, Monseigneur, veuillez monter. Et vous aussi, Messieurs les lieutenants... Prenez place sur les trois sièges vides. Monseigneur, veuillez vous placer au milieu, et vous deux, à droite et à gauche... Là !... Maintenant, veuillez bien fermer vos yeux... Composez un visage impassible, n'ayez pas peur, ayez du sang-froid. Soyez calmes, très calmes, et surtout veuillez ne faire le moindre mouvement, le moindre bruit...

(2) Ancêtres de Bonzes, fondateurs de pagodes.

Puis, il murmura :

— Que Bouddha vous protège !

Devant le sanctuaire, comme si rien ne venait de s'y passer, le vieux bonze s'assit à côté de sa lampe d'arachide, le Livre de Suttas sous les yeux, et psalmodia les prières aux rythmes lent et régulier de la crécelle...

★

Les Tày-Son firent irruption dans la cour de la pagode. Un épouvantable tintamarre de gongs, de tamtams et de cris humains s'éleva de la foule des guerriers qu'éclairaient les flammes ardentes des torches. Le Chef des Tày-Son pénétra dans la pagode, et de sa voix de tonnerre interrogea le maître de céans :

— Eh ! Vieux bonze, où avez-vous caché Nguyễn Ánh ? Vite, livrez-le nous si vous désirez garder votre tête !

— Excellence, répondit l'impassible religieux, si vous le voulez, donnez l'ordre à vos hommes de fouiller l'humble sanctuaire du Bouddha. Je vous offrirais ma tête si vous y trouviez le seigneur des Nguyễn.

— Nous avons vu Nguyễn-Ánh se réfugier ici-même.

— Excellence, serait-ce possible ? Voilà les murs de la pagode, tout délabrés, croulés en partie. Voilà ses portes abîmées, sans battants... Voilà ses toits de chaume troués, moisiss. Comment Nguyễn-Ánh aurait-il osé se cacher dans une telleasure ? Nous n'avons que des Statues de Bouddhas et de Bodhisattvas, et eux-mêmes, voyez vous, sont si mal abrités !

— Et si nous y découvriions Nguyễn Ánh... ?

— Alors vous couperiez ma tête et mon humble corps en mille morceaux.

— Bien !

L'impassible Bikkhu s'inclina respectueusement tandis que le Chef des Tày-Son donna l'ordre à sa troupe de fouiller le sanctuaire et les vestibules.

★

La lueur affolante des torches balaya toutes les obscurités. Une chauve-souris surgit d'un coin de la charpente de bambou et plana en rond au-dessus de l'autel, battant de ses ailes noires la tête

des statues. Dehors, les sonneries des tamtams et le cliquetis des armées créaient un vacarme infernal.

Devant l'autel, le vieux religieux toujours calme et pieux, assis à côté de sa lampe d'arachide, le livre des Suttas sous les yeux, psalmodiait les prières au rythme régulier de sa crécelle...

Brusquement, du coin du vestibule, la voix sévère du chef Tây-Sơn l'interrompit :

— Hé, patron, qu'est-ce que c'est que ces trois Statues ?

L'impassible Bikkhu se leva, alla vers l'officier :

— *Nam-mô a-di-dà Phậ!* (1) Ce sont les trois statues de Surtô dont le Supérieur de la pagode de Phú-Thọ m'a confié la garde. Là-bas, on fait des réparations.

— Pourquoi les laissez-vous

dans ce coin au lieu de les placer en haut ?

— Excellence, comme vous voyez, il n'y a plus de place sur l'autel.

L'officier Tây-Sơn, méfiant, frappa avec le fourreau de son épée les épaules, les bras et les piédestaux des statues. Il en tomba de petites miettes de badigeon.

Le chef Tây-Sơn s'excusa auprès du religieux, et se relira avec ses hommes.

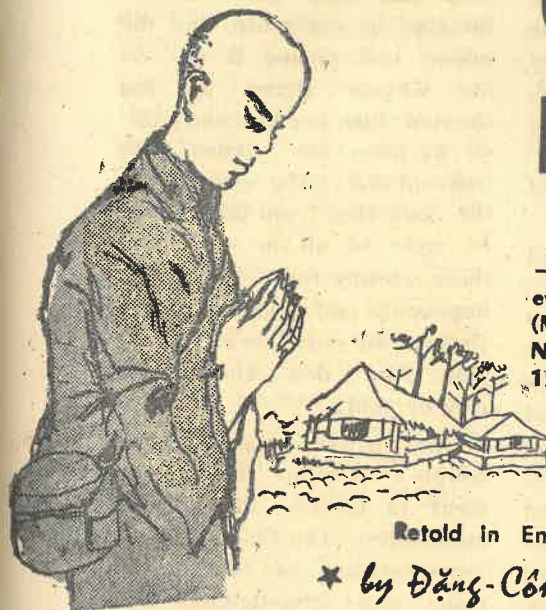
Dans le silence et l'épaisseur froide du brouillard nocturne qui enveloppait la campagne, on entendait toujours la voix monotone du vieux bonze qui psalmodiait les prières au rythme lent et régulier de la crécelle...

N.V.

(1) *Par la grâce du Bouddha Amida !*

ONE BIKKHU

— From a Vietnamese written eyewitness story by XUÂN-BA (Một Nhà Sư), published in the No 99 of the *Phổ-Thông*, March 15, 1963, pp. 49-51.



Retold in English

* by Đặng-Công-Thăng

THAT was one winter's afternoon. But as the weather set fair and tepid, that afternoon was dwindling into obscurity and melancholy. On the endless national main highway, from mount Bút to the bridge on the Vê River in Quảng-Ngãi province, one *bikkhu* (Buddhist Monk) was plodding, counting

rhythmically his paces. Mild-looking in his saffron togâ, with his copper bowl in both hands, our *bikkhu* was quietly proceeding towards the row of cottages on the border. To the naked eyes he seemed to inspire a sort of mystery and occultism. That was midday meal for everybody. In a house

by the roadside a man, his wife and child had just finished dining. The husband was busy with his tea-making in the kitchen. The wife was going to wash their dinner-things. She took off her ring and handed it over to her 5-year-old child, ordering : « Please keep this for me. I'll take it back after cleansing all the crockery, do you understand ? ».

Obedient, the child brought the ring outside and gazed at it. Right in that moment our bikkhu arrived at the hedge and, with his copper bowl held high, begged for some food from that household. Silent, he stood there, dreaming of some distant world. His placid attitude captivated the 5-year-old child ; at the same time a couple of geese cackled and drew nearer to the stranger. The child, standing behind the hedge, naively threw down the ring to scare away the geese. The bikkhu bent himself to pick up the ring for the child, but it was too late. One goose had already swallowed the ring. After having washed up the crockery, the woman came out and met the bikkhu. She would like to offer him some cakes or

fruit. But she thought of the ring and she asked her daughter about it. Alas, this ingenuous girl was afraid and could tell only that she had thrown the ring at one goose, and the bikkhu had picked it up. So the woman flared up and shouted ; then her husband rushed up from the kitchen. Both husband and wife claimed for the gold ring from the bikkhu. In spite of all the abuses of those worldly folks, the bikkhu impassibly said : « *Nammu Amida Butsu !* I am come here as a religious man, I don't know either ring or gold. »

This answer boosted up the couple's wrath. The woman went to inform the village's authorities. The Chief and the representative of this hamlet came and investigated. The bikkhu only prayed Buddha and said no other words. People then crowded around the bikkhu. He continued formally denying ; the authorities asked for his permission to search him. He agreed, but this search resulted in nothing. Everybody was astonished... They decided to make up a verbal statement and to bring the bikkhu before the hamlet's

council for a trial. The bikkhu was remaining as impassible as before, with his slightly painful mien. Suddenly a military truck-convoy ran up and crushed the goose of that family. Seeing one misfortune after another falling upon them, the woman's anger burst out. Breaking his long silence, the bikkhu told her : « Your ring has been lying in this goose's stomach. *Nammu Amida Butsu !* »

Everybody was astounded. The husband and wife could not conceal their amazement and asked the bikkhu to confirm again his declaration. He did, and at once they cut open the goose and found the gold ring. All the score of people laughed

up and inquired from the bikkhu : « Why have you not liked to reveal this fact long before instead of waiting until now ? »

Always placid, the bikkhu replied : « A few moments ago the goose was not dead ; if I did reveal the fact you would kill it, and I should be guilty of murder ! But now, by Heaven's will, the goose dies of an accident ; I may tell out so that you can retrieve your ring. *Nammu Amida Butsu !* »

This statement made, the bikkhu turned back and again plodded along his path while all the crowd behind saw him off with deep sympathy.

● ĐẶNG-CÔNG-THẮNG

nuit immaculée

Đêm Trinh. (HOANG-VU) par NGUYỄN-VỸ
traduction par



NGUYỄN-VĂN-CỒN (Paris)

(du Cénacle Le Cygne — trong Tao-dân Bạch - Nga)

Ce soir je ne resterai pas prostré
à côté de l'urne d'encens
Pour écouter l'alcool rire dans
le verre,

La Musique tourbillonner dans la
fumée;

Le Temps effleurer mes
paupières.

Je voudrais revenir vers le
puits obscur,

Le jardin noyé d'ombre,
Patrie solitaire

Demeurée sans taches.

Je ne voudrais ni marcher sur
les soleils-morts,

Ni troubler la jeune lumière
tressant

des couronnes sur des cercueils.
Déjà morts de froid, O

printemps précoces
Gisant dans le cimetière du Pa-

radis.
Pourquoi ramasser les touches
brisées et les parfums épars !

Grisaille crépusculaire,
Vert sombre d'âmes errantes,

Ombre d'atomère dans la tour-
mente de la musique du feu !

Pourquoi redresser la silhouette
mièvre

Et rire ce soir de ce rire indécent ?
Je voudrais défoncer la porte

Bardée d'orgueil de la citadelle
de l'ennui,

Repousser le géolier riant de
toutes ses dents

Et me fixant de ses noirs regards
diaboliques !

Laissez-moi partir !

Laissez-moi partir !

Le ciel est sans nuages, sans vent,
Et moi sans manteau, sans

couverture,

Je reviens vers la patrie sans
toit, sans porte,

Je reviens vers la Solitude sans
feu, sans lune,

Perdue dans le lointain brumeux,
Dans l'infini de la Nuit Imma-
culée.

Puits obscur,

Clarté rayonnante

Je suis avec moi-même,

Sans forme, sans ombre.

Je suis avec moi-même

Sans poésie, sans rêve.

Je suis avec moi-même
Majestueux dans la Solitude...

Virgin Night

Original Vietnamese by NGUYỄN-VỸ :
Đêm-Trinh (Hoang-Vu)
English Version, by



ĐẶNG-CÔNG-THẮNG

(Of the Swan Club — Trong Tao-dân Bạch - Nga)

Tonight I don't like to sit droop-
ing by the myrrh burner,
Harking from the glass the
guffaw of the liquor,
The jazz swirling in the smoky
clouds,

And long hours tarrying on my
two eyebrows.

I wish to return to the dark pit,
To the garden of chagrin,
To my homeland desolate,

Free from the least sin.

I neither like to tread on those
bygone Phoebuses,

Nor to be entangled in those
hot-beam complexes

That have woven wreaths on the
casket.

Frozen, those springs perish
prematurely in Paradise !

Why pick up broken sweet
sounds and fragrant ties.

That ashen pallour of dusk's
sight,

That mossy verdigris of errant
soul's plight,

Homeric figures caper in a
macabre dance !

Halt, don't show any more such
frailty in prance !

Tonight I loathe awfully to
giggle !

I stamp down that haughty
gate

Of the Dejection Castle,
With its horribly-grinning hollow-
eyed sentry !

Let me flee away !

Let me flee away !

The sky is clear in serene air,

Whist I have nothing to wrap
and wear.

I'll come back to my homeland
wide open,

I'll come back to the Desert
quite sullen,

Very far away beyond the
horizon.

So boundless is this Virgin Night!
One black pit that bottomless
does seem.

Now splendour begins to stream-
I am alone,

Aloof from spectre and shadow,
I am alone,

Aloof from poetry and dream,
I am alone,

Amidst vastitude I'll play solo...

THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

231-233, Phạm Ngũ Lão - Sài Gòn

Điện-thoại : 25.861

Số thương-mại Sài Gòn số 640 A

Số Quốc Gia Danh Bộ 25-129 54 001

- In sách báo, các loại sổ sách, giấy tờ văn phòng bằng Việt, Pháp, Anh, Hán tự
- In lịch treo — Lịch bỏ túi — Nhân hiệu, bao hộp — đóng sách đẹp
- Cung cấp dài hạn ấn-phẩm, dụng cụ văn phòng cho công sở, tư sở, tại Sài Gòn và các Tỉnh.
- Có xưởng máy cung cấp các thứ phù hiệu, cờ cho các hiệu đoàn, nhân cô áo (étiquettes) lớn, nhỏ đủ loại, đủ cỡ. Màu đẹp, bền không phai.
- Gửi bưu phiếu thanh toán xin dùng Thiếp phiếu mẫu C.H. 1418 (do Bưu điện phát không) chuyển tiền vào Trương mục.

Sài Gòn T/M số 2701

THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

- Gửi tiền bằng cách này không tốn cước mandat và có thơ chi cả, lại được nhanh chóng và không sợ bị thất lạc.

Đã phát hành

CŨNG ĐÀNH

tập truyện ngắn của DƯƠNG NGHIÊM MẬU
Tập Chí Văn Nghệ xuất bản

NHẮN TIN CÁC BẠN THƠ BỐN PHƯƠNG

Nhà xuất bản THI HỮU chúng tôi đang chuẩn bị ấn hành một cuốn THI TUYỀN gồm những thi bản của các thi nhân bốn phương không phân biệt khuynh hướng và sắc thái thi ca, nhằm giới thiệu cùng các bạn yêu thơ những thi nhân hiện đại.

Xin các bạn thơ hãy liên lạc theo địa chỉ dưới đây để hỏi rõ chi tiết về cuốn THI TUYỀN nói trên, nếu các bạn muốn góp mặt trong cuốn THI TUYỀN đó.

Ô. HOÀI THƯƠNG, Hộp Thư 103-Saigon.
(ở đó thành Saigon, xin liên lạc trực tiếp với Ông Bùi Yên Phú, 269/17 Đề Thám, Saigon)

Đã phát hành

VĂN-HÓA NGUYỆT-SAN số 79

Nội-dung phong-phú — Dày 176 trang, giá 12\$



GLUCOCÉ

TÉVÉTÉ

KEO SINH TỐ

CHỐNG MỆT-MỎI THỂ XÁC và TRI-OC
NGỪA NHIỄM-ĐỘC VI-TRÙNG
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và TIỆM TRƯỞU ĐUỐC

K.N. số 252 BYT/QCDP48-10-62

Ai có bệnh nặng ?

Cần chữa khỏi; ai không bệnh, muốn khỏe mạnh; Cụ già được sống lâu; trẻ em mau chóng lớn... Xin đón đọc quyển " **Những Điều Cần Biết Khi Dùng Thuốc Đông-Y** " của nhà thuốc Kim-Điền xuất bản, gồm có 100 bài thuốc, trị 300 bệnh, hiện có biểu tại nhà thuốc 361 Phan-dình-Phùng Saigon, và các **Đại-Lý Đặc-Quyền** sau đây :

Saigon : 361 Phan-dình-Phùng ;
146 Lê-thánh-Tôn ; 56
Tôn-Đản (Khánh-Hội) ;
27 Tôn-thọ-Tường (Thị-
Nghè) ; 131 Võ-di-Nguy
(Phú-Nhuận) ; 531F Lê-
văn-Duyệt (Hòa Hưng).

Chợ-Lớn : 59 Tổng-đốc-Phương.
Bà-Chiêu : 36 Châu-văn-Tiếp.

Thủ-Đức : 10 Nguyễn-tri-Phương.
Tân-Mai : Phú-Hậu, Cồng-Trại
Tân-Mai.

Long-Thành : Quảng-chí-Đường,
Quốc lộ 15.

Bà-Rịa : Thọ-An-Đường (hông
chợ).

Đà-Lạt : 3 Duy-Tân.

Tây-Ninh : Khóm 2, Liên-gia 16/2,
Chợ Ngã Năm, Long-Hoa.

Rạch-Giã : 36 Đồng-Khánh.

An-Giang : 48 Võ-Tánh, 28 Phan-
đình-Phùng.

Ba-Xuyên : Dân-Sanh, Chợ Phú-
Lộc, Quận Thạnh-Trị.

Kiến-Hòa : 41 Lê-Lợi

Ba-Tri : Đông-Y-Sĩ Nguyễn-văn-
Ả (tại chợ).

Phong-Dinh : 32/4 Bến Ninh-
Kiều — 3/3 Gia-Long.

Sa-Đéc : Thiên-địa-Nhơn đường
Phan-thanh-Giản.

Gò-Công : 10 Võ-Tánh.

Cai-Lậy : 214/1 Trương-vinh-Ký
(gần chợ).

Mộc-Hóa : 7/33 đường Tự-Do
(Mê Sông)

Phan-Thiết : 119 Lý-thường-Kiệt

Quận Ninh-Hòa : 66 Lê-Lợi.

Qui-Nhơn : 140 Võ-Tánh — 43,
47 Võ-Tánh.

Quảng-Ngãi : Bà Võ-Tố, Châu-Ồ,
Quận Bình-Sơn.

Quận Tam-Quang : Ông Khương-
Duy-Đạm, Chùa Phật-Giáo.

Huế : 29 Phan-bội-Châu.

Tại các **Đại-Lý** trên đây đều có bán đủ 100 món thuốc hiệu Kim-
Điền. Cần thêm **Đại-Lý Đặc-Quyền** ở các địa phương khác.

CHAI MỚI

PHẨM CHẤT THƯỢNG HẢO

TRÌNH BÀY TUYỆT MỸ



Xi-rô Con Cọp: Cam, Chanh, Lựu, Bạc-Hà, Dầu, đóng vào 2 loại chai 63cl quý vị đã biết và chai mới, CHAI HỘT GẠO rất mỹ-thuật. Cả 2 loại chai đều cùng một phẩm chất Xi-rô như nhau.

Tinh chế với đường nguyên-chất và hương liệu trái cây, thảo-mộc chọn lọc, tươi tốt và đầy sinh-tổ, từ lúc chế-biến trong phòng lạnh cực tinh sạch đến lúc vỏ chai, mọi việc đều hoàn thành bởi máy móc, dụng cụ tự động tối tân, không một lúc nào cần nhờ đến bàn tay người. Xi-rô Con Cọp, loại CHAI HỘT GẠO, giá rẻ mà phẩm chất vô song, khác hẳn với các thứ Xi-rô pha chế theo lối thủ công nghệ.

Thơm ngon tuyệt vị và cực tinh khiết, Xi-rô Con-Cọp, đóng CHAI HỘT GẠO rất mỹ thuật, làm vừa ý mọi người và riêng thích hợp với các trẻ em trong những ngày nóng bức, cần có một thức giải-khát tiện dụng, ngon lành và hoàn toàn hợp vệ-sinh.

KINH LÝ VĂN PHÒNG

110, đại lộ Nguyễn-Huệ — Saigon

Điện-thoại: 23.187

Phạm - văn - Lạng

Giám - Định Trắc - địa - sư
Géomètre — Expert

373, Phan-thanh-Giản

SAIGON

THUỐC ĐAU LƯNG
HÔNG NGUYỄN



HIỆM NHẬN SỐ 233. BYV/DCDR. NGÀY 7.8.52.

Bệnh nào Thuốc này

Đàn-Bà các bệnh MÁU HUYẾT : có KỶ đau BỤNG đau LƯNG. TỬ-CUNG, DÂY CHẴN, BẠCH-ĐÁI.

Trẻ-Em : ĐỎ MỒ-HÔI Trộm, Ho gà. Đau yếu dây dứa, gốc Ban không dứt.

Bộ Tiêu-Hóa : GAN, RUỘT, DẠ-DÀY, NHỨC ĐẦU kinh-niên. HO KHẶC đàm nhớt.

TRỊ - MẠCH - LƯƠN - ĐẠI-TIỆN CÓ MÁU

Có thuốc chế sẵn chữa bệnh : NAM, PHỤ, LÃO, ẤU công hiệu đầy đủ.

Nhà thuốc NGUYỄN-ĐỒNG-DI

379, Phan-Đình-Phùng — SAIGON

Kiểm-nhận số 326 BYT ngày 21-8-62.

Công - Ty Bảo - Hiểm

« LE SECOURS »

Công-Ty Bảo-Hiểm và Liên-Hiệp Bảo-Hiểm những tai-nạn, hỏa-hoạn, hàng hóa, trộm cắp và tất cả các rủi ro.

Trụ sở chánh :

30-32, đường Laffitte — Paris (9ème)

Chi-Cục Viễn-Đông :

16, đại-lộ Nguyễn-Huệ (Charner cũ) Saigon

Điện - hoai : 20.461

- Bồi thường mau lẹ
- Nghị thức giản tiện

Khi hữu sự hãy bồi thăm liền chớ ngần ngại — Mọi sự dễ dãi và tiếp rước niềm nở sẽ dành cho khách bảo-hiểm.

SỒ-SỒ KIẾN-THIỆT QUỐC-GIA

GIÚP NƯỚC THÊM NHÀ
TA THÊM CỦA

3 LÔ ĐỘC ĐẮC

mỗi lô :

1.000.000\$

Xổ Thứ Ba Hàng Tuần
mỗi vé 10\$

Thần-Tài chẳng vị riêng ai
cứ mua vé số
thì Thần-Tài sẽ đến thăm



POLYVIT Ca
TÉVÉTÉ

**DẪN BÀ DƯỠNG THAI VÀ THỜI KỲ CHO CON BÚ
TRẺ EM ỒN-YẾU, ÉO-OT, CHÂN MỘC RĂNG
THUỐC BỔ MÁU, XƯƠNG, PHỔI**

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY VÀ TIỆN TRƯỞ AU ĐƯỢC

K.N. 55 90 BYT/QCDP/ ngày 10-10-61



Thuốc tẩy rôm tiệt
HIỆU KIM-QUAN
TALC DE VENISE
SURFINE

Phấn thoa tẩy rôm tiệt
Dược phẩm KIM-QUAN

100% NGUYÊN DẦU ALUMINUM TIỆT TUYỆT
TALC DE VENISE SURFINE PHÁP, KHU CHIAI MÀU
TRẮNG LẠC, KHÔNG HẠI MẮT, KHÔNG ĐỐT NGƯỜI.
TALC DE VENISE TỬ ĐƯỜNG TIỆT TUYỆT
MỀM, DỄ XÓA PH.

TALC DE VENISE SURFINE của người Mỹ chế
thành và rất tốt.

CÓ BÓN BÍ VÀ BÓN LỄ
CỬA PHARMACIE KIM-QUAN
87/7 CÁCH BẾN THÀNH SAIGON

K.N. 55 90 BYT/Q.C.D.P/3117/62

Giấy phép số 292 CDV/TT/NĐ ngày 9.10.1961

Quản nhiệm : **NGUYỄN-VỸ**

In tại **THƯ LÂM ÁN THƯ QUÁN**

231-233, Phạm Ngũ - Lão — Saigon

TRẢ LỜI CHUNG

các bạn đọc-già Phật-giáo

Chúng tôi có nhận được nhiều thư của Bạn đọc Phật-giáo ở các tỉnh và được hân-hạnh tiếp chuyện với một số đồng Phật-tử ở Sài-gòn, yêu cầu chúng tôi góp ý kiến về vụ đồ máu xảy ra ở Huế trong ngày lễ Phật-dản.

DT-nhiên, chúng tôi cũng như tất cả các bạn, đều rất đau đớn trước biến - cố trầm - trọng ấy. Chúng tôi phần-ước thấy Phật-giáo bị khủng-bố cũng như chúng tôi phần-ước mỗi khi nghe tin tín đồ Gia-tô-giáo bị tàn-sát bởi những bàn tay bạo tàn.

Chúng tôi nhiệt-liệt hoan-hô Đức Giác-Hoàng Jean XXIII tha-thiết kêu gọi Hòa-bình. Đồng thời chúng tôi cũng nhận thấy rằng những kẻ khủng-bố Phật-giáo, Gia-tô-giáo, hay một Tôn-giáo nào khác, đều bị nhân-dân phê-bình nghiêm khắc, mặc-dù họ âm-thầm chịu đựng. Từ xưa đến nay, Lịch-sử các Tôn-giáo đã chứng-minh điều đó. Xin các bạn nên bình-tĩnh, và càng tin-tưởng nơi Giáo-ly trường-tồn của Đức Phật.

Nguyễn-Vỹ